BAN CHỈ ĐẠO TỔNG ĐIỀU TRA
DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở TRUNG ƯƠNG

SỔ TAY
HƯỚNG DẪN NGHIỆP VỤ VÀ SỬ DỤNG CAPI TỔNG ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở THỜI ĐIỂM 0 GIỜ NGÀY 01/4/2019

(Phiếu điều tra toàn bộ)

NHÀ XUẤT BẢN THỐNG KÊ - 2018

LỜI NÓI ĐẦU

Tổng điều tra dân số và nhà ở là một trong ba cuộc Tổng điều tra thống kê được quy định trong Luật Thống kê, với chu kỳ thực hiện 10 năm một lần vào các năm có số cuối cùng là số 9. Tổng điều tra dân số và nhà ở là nguồn thông tin chủ yếu và tin cậy về tình hình dân số, nhân khẩu học và tình trạng nhà ở của dân cư nhằm đáp ứng các mục tiêu về tổng hợp, biên soạn các chỉ tiêu trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia quy định trong Luật Thống kê, đồng thời cũng là nguồn thông tin phục vụ Đảng, Quốc hội và Chính phủ trong đánh giá tình hình, xây dựng chiến lược, chính sách liên quan tới người dân và các chính sách phát triển đất nước.

Ngày 26/6/2018, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 772/QĐ-TTg về tổ chức Tổng điều tra dân số và nhà ở vào thời điểm 0 giờ ngày 01/4/2019; đây là cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở lần thứ 5 tại Việt Nam kể từ khi đất nước thống nhất.

Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 là cuộc Tổng điều tra đầu tiên ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông trong tất cả các công đoạn của Tổng điều tra từ chuẩn bị xây dựng mạng lưới, thu thập thông tin, kiểm tra và nghiệm thu số liệu, xử lý số liệu đến công bố kết quả Tổng điều tra. Trong đó, sử dụng thiết bị di động trong thu thập thông tin tại các địa bàn điều tra.

Thông tin của Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 được thu thập từ hai loại phiếu điều tra: phiếu điều tra toàn bộ và phiếu điều tra mẫu. Phiếu điều tra toàn bộ gồm 22 câu hỏi, được thiết kế để thu thập thông tin cho khoảng 90% dân số cả nước về tình hình dân số và nhà ở. Phiếu điều tra mẫu gồm 65 câu hỏi, được thiết kế để thu thập thông tin từ khoảng 10% dân số về tình hình dân số, nhà ở, lịch sử sinh đẻ của phụ nữ và người chết.

Để hướng dẫn các tổ trưởng điều tra và điều tra viên thống kê thực hiện nhiệm vụ được phân công theo đúng quy định của Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, thu thập thông tin phiếu điều tra mẫu đúng phạm vi, đầy đủ thông tin và phản ánh chính xác tình hình thực tế của các hộ dân cư, Ban Chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở trung ương đã biên soạn Sổ tay hướng dẫn nghiệp vụ và sử dụng CAPI Tổng điều tra dân số và nhà ở thời điểm 0 giờ ngày 01/4/2019 (Phiếu điều tra toàn bộ). Cuốn Sổ tay này gồm các nội dung chính sau:

- Mục đích, yêu cầu của điều tra thu thập thông tin Tổng điều tra;

- Quy định chung của Tổng điều tra;

- Quy trình điều tra và các quy định của phiếu điều tra;

- Hướng dẫn cách hỏi và ghi phiếu điều tra;

- Hướng dẫn sử dụng CAPI trong thu thập thông tin.

Ban Chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở trung ương trân trọng giới thiệu cuốn "Sổ tay hướng dẫn nghiệp vụ và sử dụng CAPI Tổng điều tra dân số và nhà ở thời điểm 0 giờ ngày 01/4/2019 (Phiếu điều tra toàn bộ)" tới các nhà quản lý, Ban Chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở các cấp, giám sát viên, tổ trưởng điều tra và điều tra viên thống kê để thống nhất thực hiện trên toàn quốc.

BAN CHỈ ĐẠO TỔNG ĐIỀU TRA TRUNG ƯƠNG

CÁC THUẬT NGỮ VÀ TỪ VIẾT TẮT

Ký hiệu/Viết gọn	Giải thích/Tên đầy đủ
BCĐ	Ban Chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở
CAPI	Thu thập thông tin bằng phiếu điện tử
ĐBĐT	Địa bàn điều tra
ĐTĐT	Đối tượng điều tra
ĐTV	Điều tra viên thống kê
GSV	Giám sát viên
NKTTTT	Nhân khẩu thực tế thường trú
TĐT 2019	Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019
TT	Tổ trưởng điều tra

MỤC LỤC

	Trang
LỜI NÓI ĐẦU	3
CÁC THUẬT NGỮ VÀ TỪ VIẾT TẮT	**5**
A. HƯỚNG DẪN NGHIỆP VỤ TỔNG ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở NĂM 2019	**9**
PHẦN I: MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU CỦA ĐIỀU TRA THU THẬP THÔNG TIN TỔNG ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở NGÀY 01/4/2019	**11**
I. Mục đích, yêu cầu	11
II. Vai trò và nhiệm vụ của điều tra viên thống kê	12
III. Vai trò và nhiệm vụ của tổ trưởng điều tra	15
PHẦN II: QUY ĐỊNH CHUNG CỦA TỔNG ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở NĂM 2019	**18**
I. Thời điểm điều tra	18
II. Thời gian điều tra	18
III. Phương pháp thu thập thông tin	18
IV. Đối tượng điều tra	19
V. Đơn vị điều tra, đơn vị nhà ở, nơi ở và người cung cấp thông tin	19
VI. Địa bàn điều tra, sơ đồ nền xã/phường và bảng kê hộ	20
VII. Nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ	21
VIII. Nhân khẩu đặc thù	26
PHẦN III: QUY TRÌNH ĐIỀU TRA VÀ CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHIẾU ĐIỀU TRA	**27**
I. Quy trình điều tra	27
II. Quy định của phiếu điều tra và cách ghi câu trả lời	27
PHẦN IV: HƯỚNG DẪN CÁCH HỎI, GHI THÔNG TIN TRANG BÌA VÀ XÁC ĐỊNH NHÂN KHẨU THỰC TẾ THƯỜNG TRÚ TẠI HỘ	**31**
I. Giới thiệu phiếu điều tra	31
II. Cách ghi trang bìa của phiếu điều tra	31
III. Cách hỏi và xác định nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ	34

PHẦN V: HƯỚNG DẪN CÁCH HỎI VÀ GHI THÔNG TIN NỘI DUNG PHIẾU ĐIỀU TRA **37**
Phần 1: Thông tin về các thành viên trong hộ 37
Phần 3: Thông tin về nhà ở 46

PHỤ LỤC **53**
Phụ lục 1: Lời giới thiệu của điều tra viên thống kê 53
Phụ lục 2: Danh mục dân tộc 54
Phụ lục 3: Danh mục tôn giáo 61
Phụ lục 4: Bảng đối chiếu năm âm lịch và năm dương lịch 63
Phụ lục 5: Bảng chuyển đổi trình độ văn hóa phổ thông 64
Phụ lục 6: Bảng kê hộ 66
Phụ lục 7: Sơ đồ nền xã/phường 68
Phụ lục 8: Mẫu báo cáo tiến độ điều tra phiếu giấy của điều tra viên thống kê 69
Phụ lục 9: Mẫu báo cáo tiến độ điều tra phiếu giấy của tổ trưởng điều tra 70
Phụ lục 10: Mẫu biên bản bàn giao tài liệu 71
Phụ lục 11: Danh mục các loại gỗ 72
Phụ lục 12: Hướng dẫn cập nhật Bảng kê hộ 77

B. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CAPI TỔNG ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở NĂM 2019 **83**
PHẦN I: YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ DI ĐỘNG SỬ DỤNG TRONG ĐIỀU TRA **85**
I. Các loại thiết bị di động sử dụng trong điều tra 85
II. Cấu hình thiết bị di động 85
PHẦN II: HƯỚNG DẪN CÀI ĐẶT CHƯƠNG TRÌNH ĐIỀU TRA **86**
I. Đăng nhập 86
II. Tải và cài đặt chương trình 88
PHẦN III: HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG **90**
I. Một số chức năng cơ bản 90
II. Rà soát bảng kê 91
III. Chương trình phỏng vấn 94

A

HƯỚNG DẪN NGHIỆP VỤ
TỔNG ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở NĂM 2019

PHẦN I:

MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU CỦA ĐIỀU TRA THU THẬP THÔNG TIN TỔNG ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở NGÀY 01/4/2019

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích của Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019

Tổng điều tra dân số và nhà ở thực hiện vào thời điểm 0 giờ ngày 01/4/2019 (viết gọn là TĐT 2019) thu thập các thông tin cơ bản về dân số và nhà ở nhằm các mục đích chính sau:

Thứ nhất, tổng hợp và biên soạn các chỉ tiêu trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia quy định trong Luật Thống kê; phân tích và dự báo tình hình phát triển dân số và nhà ở trên phạm vi cả nước và từng địa phương.

Thứ hai, đáp ứng nhu cầu thông tin về dân số và nhà ở phục vụ đánh giá kết quả thực hiện các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2020; xây dựng chiến lược và các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2030; phục vụ công tác giám sát thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới; giám sát các Mục tiêu phát triển bền vững toàn cầu mà Chính phủ Việt Nam đã cam kết.

Thứ ba, cung cấp thông tin phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia về dân số; xây dựng dàn mẫu chủ phục vụ các cuộc điều tra hộ dân cư.

2. Yêu cầu công tác thu thập thông tin Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019

Thu thập thông tin TĐT 2019 phải bảo đảm các yêu cầu sau:

- Công tác thu thập thông tin TĐT 2019 phải được thực hiện nghiêm túc, theo đúng quy định của Phương án TĐT 2019.

- Bảo đảm tuân thủ các quy trình điều tra thu thập thông tin; thu thập thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời, không trùng lặp, không bỏ sót các thông tin quy định trong phiếu hỏi TĐT 2019.

- Bảo mật thông tin cá nhân thu thập từ các đối tượng điều tra (viết gọn là ĐTĐT) theo quy định của Luật Thống kê.

3. Yêu cầu đối với điều tra viên khi thực hiện phỏng vấn

3.1. Xây dựng mối quan hệ tốt với người trả lời

Để có được một cuộc phỏng vấn thành công, công việc đầu tiên của điều tra viên thống kê (viết gọn là ĐTV) là xây dựng mối quan hệ tốt với người trả lời. Dưới đây là một số công việc ĐTV cần phải thực hiện:

- Khi đến hộ, ĐTV phải chào hỏi, giới thiệu bản thân và giới thiệu mục đích của việc phỏng vấn thu thập thông tin TĐT 2019. Nội dung giới thiệu được trình bày tại Phụ lục 1.

- ĐTV phải đeo thẻ trong suốt quá trình thực hiện nhiệm vụ tại địa bàn điều tra (viết gọn là ĐBĐT); ăn mặc gọn gàng, lịch sự, không uống rượu, bia.

- Luôn tỏ thái độ thiện chí, cởi mở, hòa nhã, lịch sự và thân thiện với những người mà mình tiếp xúc. Không nên tỏ thái độ rụt rè hoặc đưa ra các câu hỏi dễ dẫn đến việc hộ từ chối trả lời các câu hỏi của TĐT 2019.

- Trả lời thẳng thắn những câu hỏi mà ĐTĐT đưa ra, đặc biệt là những câu hỏi về mục đích của việc thu thập thông tin TĐT 2019; tránh tỏ ra khó chịu khi người trả lời từ chối cuộc phỏng vấn.

3.2. Xây dựng kỹ năng phỏng vấn

Một cuộc phỏng vấn thành công, không chỉ phụ thuộc vào việc ĐTV cố gắng xây dựng được mối quan hệ tốt với ĐTĐT mà còn phụ thuộc vào phương pháp và kỹ năng tiến hành phỏng vấn của ĐTV.

Phỏng vấn là một nghệ thuật và không được coi đó là một việc làm máy móc. Mỗi cuộc phỏng vấn mang đến một nguồn thông tin mới, vì thế tạo nên sự hưng phấn cho ĐTV. Khi tiến hành phỏng vấn, ĐTV phải bảo đảm thực hiện tốt các yêu cầu sau:

- Bảo đảm tính khách quan trong quá trình phỏng vấn: Đối với mỗi câu hỏi đưa ra, không tỏ thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với câu trả lời của ĐTĐT. Nếu câu trả lời chưa rõ ràng, hãy đưa ra các câu hỏi thăm dò để ĐTĐT hiểu rõ nội dung của câu hỏi và cung cấp các thông tin chính xác, đầy đủ.

- Không được gợi ý câu trả lời, không được đọc các phương án trả lời in sẵn bằng chữ in hoa cho ĐTĐT nghe.

- Không thay đổi từ ngữ hoặc trình tự các câu hỏi. Trường hợp từ ngữ địa phương khác với ngôn ngữ phổ thông, ĐTV có thể sử dụng từ ngữ địa phương để thay thế khi đặt câu hỏi. Nếu người trả lời không hiểu hoặc hiểu sai câu hỏi, ĐTV nhắc lại câu hỏi chậm và rõ. Nếu người trả lời vẫn không hiểu, ĐTV có thể diễn tả lại câu hỏi nhưng phải thận trọng, không được làm thay đổi nội dung của câu hỏi gốc.

- Không phỏng vấn vội vàng: ĐTV đọc các câu hỏi chậm và rõ ràng. Sau khi đưa ra câu hỏi, ĐTV nên dừng lại và dành thời gian cho ĐTĐT suy nghĩ. Trường hợp ĐTĐT đang vội giải quyết việc riêng, ĐTV có thể dừng cuộc phỏng vấn và hẹn quay trở lại vào thời điểm thích hợp, không ép ĐTĐT phải tiếp tục cuộc phỏng vấn.

II. VAI TRÒ VÀ NHIỆM VỤ CỦA ĐIỀU TRA VIÊN THỐNG KÊ

ĐTV là người trực tiếp đến từng hộ trong ĐBĐT được phân công, gặp chủ hộ (hoặc người đại diện của hộ) và các nhân khẩu thực tế thường trú (viết gọn là NKTTTT) trong hộ để phỏng vấn trực tiếp và ghi thông tin về dân số và nhà ở vào phiếu điều tra. ĐTV là lực lượng trực tiếp thực hiện thu thập thông tin của TĐT 2019,

do vậy ĐTV là người quyết định mức độ chính xác của từng câu trả lời ghi trong phiếu điều tra. Trong từng giai đoạn của cuộc TĐT 2019, ĐTV có những nhiệm vụ cụ thể sau:

1. Trong giai đoạn chuẩn bị

- Tham dự tập huấn nghiệp vụ điều tra: ĐTV phải tham dự đầy đủ, nghiêm túc các buổi tập huấn nghiệp vụ; chú ý nghe giảng, nghiên cứu kỹ tài liệu, tích cực tham gia các phiên thảo luận, liên hệ với tình hình thực tế của địa phương để nắm vững phạm vi trách nhiệm của mình, cụ thể hoá các vấn đề nghiệp vụ và phương pháp điều tra, ghi chép và bảo quản tài liệu, phương tiện điều tra. ĐTV phải lưu giữ các tài liệu tập huấn (Sổ tay hướng dẫn nghiệp vụ và sử dụng CAPI, phiếu điều tra) để sử dụng trong quá trình thực hiện TĐT 2019.

- Nhận đầy đủ các tài liệu, phương tiện điều tra như: Bảng kê hộ (trong đó có thông tin về các hộ mẫu để thực hiện phiếu dài), sơ đồ nền xã/phường, phiếu điều tra (đối với các ĐBĐT phiếu giấy), cặp đựng tài liệu điều tra, thẻ ĐTV, bút bi, vở nháp,… từ Ban Chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở (viết gọn là BCĐ) cấp xã để sử dụng trong quá trình thực hiện TĐT 2019. Mẫu Bảng kê hộ và sơ đồ nền xã/phường được trình bày trong Phụ lục 6 và Phụ lục 7.

- Kiểm tra danh sách các ĐBĐT và các hộ được phân công thu thập thông tin để thực hiện phiếu điện tử (phiếu điều tra được cài đặt trên máy tính bảng hoặc điện thoại thông minh của ĐTV).

- Chuẩn bị ĐBĐT: Nhận bàn giao ĐBĐT trên thực địa (đối chiếu giữa sơ đồ và thực tế); kiểm tra toàn bộ các ngôi nhà/căn hộ (kể cả nhà có người ở và không có người ở) trong ĐBĐT so với Bảng kê hộ để bổ sung các hộ và các NKTTTT bị bỏ sót (chưa được cập nhật trong Bảng kê hộ) hoặc đã chuyển đi khỏi ĐBĐT; hẹn ngày đến hộ để phỏng vấn thu thập thông tin; phát hiện những hộ có thể đi vắng trong suốt thời gian TĐT 2019 để có kế hoạch điều tra phù hợp.

2. Trong giai đoạn điều tra

- Tuyên truyền, giới thiệu mục đích, ý nghĩa của cuộc TĐT 2019 trong nhân dân và khi tiếp xúc với hộ.

- Hợp tác với các ĐTV khác, thực hiện sự chỉ đạo của tổ trưởng điều tra và giám sát viên (viết gọn là GSV) các cấp. Trong thời gian thực thi nhiệm vụ của mình, ĐTV phải chấp hành nghiêm chỉnh sự điều hành và ý kiến đóng góp của tổ trưởng và GSV các cấp; có tinh thần tương trợ, giúp đỡ các ĐTV khác về nghiệp vụ cũng như công việc chung.

- Thực hiện đúng phương pháp thu thập thông tin là phỏng vấn trực tiếp, tức ĐTV phải đến hộ và gặp chủ hộ hoặc người am hiểu thông tin về các thành viên hộ để phỏng vấn. Nếu chủ hộ hoặc người đại diện của hộ không nhớ chính xác về thông tin nào đó của một thành viên trong hộ, ĐTV phải gặp để hỏi trực tiếp thành viên đó.

Trường hợp khi ĐTV đến hộ, không có một thành viên nào là người lớn ở nhà, ĐTV hẹn quay lại hộ vào thời gian khác.

- Phỏng vấn đầy đủ các hộ thuộc ĐBĐT đã được giao phụ trách: Việc phỏng vấn ghi thông tin vào phiếu phải tuân thủ đúng những quy định về nghiệp vụ và quy trình phỏng vấn, bảo đảm không điều tra trùng hoặc bỏ sót ĐTĐT, cũng như không ghi thừa hay bỏ sót các câu hỏi trên phiếu điều tra.

- Điều tra theo đúng tiến độ quy định: Công tác điều tra tại địa bàn được thực hiện trong khoảng 25 ngày (bao gồm cả thời gian di chuyển trong địa bàn), bắt đầu từ ngày 01/4/2019. Trong suốt quá trình điều tra, ĐTV cần đảm bảo thực hiện đúng quy trình phỏng vấn để thu thập thông tin một cách đầy đủ và chính xác, đồng thời cần kiểm soát tốc độ phỏng vấn nhằm đảm bảo tiến độ điều tra theo đúng quy định.

- Khi hoàn thành phỏng vấn hộ: Thực hiện kiểm tra lại các phiếu đã phỏng vấn, kiểm tra câu trả lời của từng câu hỏi, đảm bảo thực hiện đúng bước chuyển và không bỏ sót cũng như không ghi thừa câu hỏi, phát hiện các sai sót để sửa chữa kịp thời. Nếu cần thiết, ĐTV phải quay lại hộ để xác minh và sửa chữa. Việc sửa chữa những sai sót phải thực hiện theo đúng quy định.

- Cuối mỗi ngày điều tra, ĐTV phải kiểm tra lại tất cả các phiếu đã điều tra được trong ngày, kiểm tra lại các thông tin ghi trong phiếu bảo đảm đầy đủ, chính xác và hợp lý; lập kế hoạch trở lại hộ để xác minh thêm thông tin và hoàn thiện các phiếu chưa hoàn thành hoặc còn lỗi.

- Giữ gìn và bảo quản phiếu điều tra và các tài liệu điều tra sạch sẽ, an toàn. Không được tiết lộ các thông tin đã điền trên phiếu điều tra cho người khác.

- Đối với phiếu giấy:

+ Kiểm tra lại các thông tin ghi trong phiếu (đã đầy đủ, đúng bước chuyển theo yêu cầu chưa), để riêng và ghi chép lại những phiếu còn sai sót để hoàn thiện, sau đó sắp xếp các phiếu đã hoàn thành theo mã "hộ số" từ nhỏ đến lớn.

+ Ghi chép kết quả điều tra hàng ngày vào bảng "Báo cáo tiến độ điều tra phiếu giấy" như Mẫu số 10/BCĐTW tại Phụ lục 8 và báo cáo kết quả điều tra cho tổ trưởng điều tra.

- Đối với phiếu điện tử: ĐTV phải thực hiện đồng bộ (gửi) dữ liệu điều tra về máy chủ thường xuyên trong quá trình điều tra, ít nhất 01 lần/ngày vào cuối mỗi ngày.

3. Khi kết thúc điều tra

Rà soát Bảng kê hộ nhằm phát hiện những hộ hoặc nhân khẩu thuộc ĐTĐT nhưng chưa được điều tra ghi phiếu. Nếu có, phải tiến hành điều tra để hoàn thiện điều tra toàn bộ ĐBĐT.

Đối với phiếu điện tử: Kiểm tra để đảm bảo các dữ liệu đã được đồng bộ (gửi) về máy chủ; lưu giữ phiếu hỏi và chương trình trên thiết bị di động đến ngày 15/5/2019.

ĐTV sắp xếp các tài liệu theo từng loại và theo thứ tự từ nhỏ đến lớn (Bảng kê hộ, phiếu điều tra (phiếu giấy), sơ đồ nền xã/phường), giao nộp và ký biên bản bàn giao tài liệu cho TT theo Mẫu số 09/BCĐTW tại Phụ lục 10 chậm nhất vào ngày 25/4/2019.

III. VAI TRÒ VÀ NHIỆM VỤ CỦA TỔ TRƯỞNG ĐIỀU TRA

Tổ trưởng điều tra (viết gọn là TT) là người được giao chịu trách nhiệm giám sát công việc của một số ĐTV do mình quản lý. Do vậy, TT không những cần nắm vững các ĐBĐT do mình phụ trách, mà còn phải nắm rõ năng lực, tinh thần trách nhiệm của các ĐTV trong quá trình thực hiện nhiệm vụ tại ĐBĐT.

TT ngoài việc giám sát, hỗ trợ ĐTV, còn làm nhiệm vụ cầu nối giữa ĐTV và BCĐ cấp xã trong việc giải quyết các vướng mắc, khó khăn của ĐTV phát sinh trong quá trình điều tra. TT cũng sẽ nhận được sự chỉ đạo và giúp đỡ của BCĐ cấp xã trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Trong từng giai đoạn của TĐT 2019, TT có những nhiệm vụ cụ thể sau:

1. Trong giai đoạn chuẩn bị

- Tham dự tập huấn nghiệp vụ điều tra: TT phải tham dự đầy đủ, nghiêm túc các buổi tập huấn nghiệp vụ; chú ý nghe giảng, nghiên cứu kỹ tài liệu, tích cực tham gia các phiên thảo luận, nắm bắt đầy đủ các vấn đề nghiệp vụ và phương pháp điều tra. TT cần lưu giữ các tài liệu tập huấn (Sổ tay hướng dẫn nghiệp vụ và sử dụng CAPI, phiếu điều tra) để sử dụng trong quá trình thực hiện TĐT 2019.

- Nhận đầy đủ các tài liệu (sơ đồ nền xã/phường, thẻ TT, bút bi, vở nháp,…) từ BCĐ cấp xã để sử dụng trong quá trình thực hiện TĐT 2019.

- Chuẩn bị ĐBĐT: Nhận bàn giao ĐBĐT trên thực địa (đối chiếu giữa sơ đồ và thực tế); cùng với ĐTV kiểm tra toàn bộ các ngôi nhà/căn hộ (kể cả nhà có người ở và không có người ở) trong ĐBĐT so với Bảng kê hộ để bổ sung các hộ và các NKTTT bị bỏ sót (chưa được cập nhật trong Bảng kê hộ) hoặc đã chuyển đi khỏi ĐBĐT.

- Kiểm tra việc chuẩn bị của ĐTV trước khi thực hiện điều tra thực địa: Thiết bị di động, các tài liệu điều tra (Bảng kê hộ, sơ đồ nền xã/phường, phiếu điều tra nếu là ĐBĐT phiếu giấy), các tài liệu hướng dẫn điều tra.

2. Trong giai đoạn điều tra

2.1. Các vấn đề chung tại địa bàn điều tra

- Tuyên truyền, giới thiệu mục đích, ý nghĩa của cuộc TĐT 2019 trong nhân dân; hỗ trợ ĐTV tiếp cận hộ; đeo thẻ TT trong suốt quá trình thực hiện nhiệm vụ tại ĐBĐT.

- TT không được tiết lộ các thông tin đã điền trên phiếu điều tra cho người khác.

2.2. Đối với điều tra viên

- Nhắc nhở ĐTV thực hiện đúng phương pháp thu thập thông tin là phỏng vấn trực tiếp hộ dân cư; tuân thủ đúng những quy định về nghiệp vụ và quy trình phỏng vấn, bảo đảm không điều tra trùng hoặc bỏ sót ĐTĐT, cũng như không ghi thừa hay bỏ sót các câu hỏi trên phiếu điều tra trong quá trình điều tra; đảm bảo tiến độ điều tra theo đúng quy định. TT cần tập trung giúp các ĐTV năng lực yếu, gặp khó khăn trong quá trình phỏng vấn ghi phiếu.

- Giám sát chặt chẽ công việc của ĐTV thông qua quan sát phỏng vấn, kiểm tra, phỏng vấn lại một số hộ (khi cần thiết). Đặc biệt, TT cần giám sát việc ĐTV có đến gặp hộ để phỏng vấn trực tiếp hay không. Trong trường hợp phát hiện ĐTV không đến hộ hoặc đến hộ phỏng vấn qua loa, TT cần yêu cầu ĐTV đến hộ để phỏng vấn lại.

- Thông báo tới ĐTV các lỗi trong phiếu điều tra do BCĐ cấp xã thông báo để ĐTV kiểm tra, xác minh lại và hoàn thiện phiếu điều tra ngay trong quá trình điều tra thu thập thông tin.

- Phối hợp với ĐTV giải quyết kịp thời các công việc phát sinh tại địa bàn như: hộ từ chối trả lời phỏng vấn; hộ đi vắng trong quá trình điều tra; mất hoặc hư hỏng tài liệu, phương tiện điều tra, thiên tai, thảm họa hoặc điều kiện bất thường để không làm ảnh hưởng đến công tác điều tra.

- Đối với phiếu giấy:

+ Kiểm tra lại các phiếu đã phỏng vấn (đối với các ĐBĐT phiếu giấy), phát hiện các sai sót để yêu cầu ĐTV quay lại hộ xác minh và sửa chữa trong trường hợp cần thiết.

+ Nhắc nhở ĐTV báo cáo tiến độ hàng ngày theo mẫu quy định.

+ Nhắc nhở ĐTV giữ gìn và bảo quản phiếu điều tra (phiếu giấy) và các tài liệu điều tra sạch sẽ, an toàn.

- Đối với phiếu điện tử: TT nhắc ĐTV thực hiện đồng bộ (gửi) dữ liệu điều tra về máy chủ thường xuyên trong quá trình điều tra ít nhất 01 lần/ngày vào cuối mỗi ngày.

2.3. Đối với Ban Chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở cấp xã

- Báo cáo với BCĐ cấp xã về kế hoạch công việc và chịu sự giám sát của BCĐ cấp xã trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ.

- Nhận thông báo tổng hợp các lỗi trong phiếu điều tra từ BCĐ cấp xã để thông báo cho ĐTV kiểm tra, xác minh và hoàn thiện phiếu điều tra.

- Thông báo và phối hợp với BCĐ cấp xã để giải quyết các công việc phát sinh tại địa bàn như: hộ từ chối trả lời phỏng vấn; hộ đi vắng trong quá trình điều tra; mất hoặc hư hỏng tài liệu, phương tiện điều tra, thiên tai, thảm họa hoặc điều kiện bất thường. TT cần giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh để không làm ảnh hưởng đến công tác điều tra.

- TT thông báo với BCĐ cấp xã các trường hợp ĐTV không đủ khả năng hoàn thành công việc để kịp thời thay thế ĐTV dự phòng nhằm đảm bảo chất lượng và tiến độ của TĐT 2019.

- Thi hành các nhiệm vụ khác liên quan đến công việc của TĐT 2019 do BCĐ cấp xã giao nhiệm vụ.

- ***Đối với phiếu giấy:*** Tổng hợp báo cáo tiến độ hàng ngày của các ĐTV để báo cáo tiến độ điều tra phiếu giấy tới BCĐ cấp xã 02 ngày/lần theo Mẫu số 07/BCĐTW tại Phụ lục 9.

3. Khi kết thúc điều tra

Đối với phiếu giấy:

+ Rà soát Bảng kê hộ nhằm phát hiện những hộ hoặc nhân khẩu thuộc ĐTĐT đã phân công cho các ĐTV mình phụ trách nhưng chưa được điều tra ghi phiếu. Nếu có, yêu cầu ĐTV điều tra bổ sung để hoàn thiện.

+ Nhận phiếu, tài liệu điều tra từ ĐTV, ký tên đồng thời yêu cầu ĐTV ký tên vào biên bản bàn giao tài liệu theo Mẫu số 09/BCĐTW tại Phụ lục 10 chậm nhất vào ngày 25/4/2019.

+ Bàn giao phiếu, tài liệu điều tra cho BCĐ cấp xã ngay khi hoàn thành kiểm tra, nghiệm thu phiếu, chậm nhất vào ngày 27/4/2019.

PHẦN II:

QUY ĐỊNH CHUNG CỦA TỔNG ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở NĂM 2019

I. THỜI ĐIỂM ĐIỀU TRA

Thời điểm điều tra là 0 giờ ngày 01/4/2019.

Trong thời gian điều tra, cho dù đến hộ để phỏng vấn vào bất kỳ ngày, giờ nào, ĐTV cũng phải lấy mốc thời điểm là 0 giờ ngày 01/4/2019 (chính xác là 12 giờ đêm ngày 31/3/2019) để xác định số NKTTTT tại hộ và các thông tin cá nhân của NKTTTT.

II. THỜI GIAN ĐIỀU TRA

Thời gian điều tra là thời gian thu thập thông tin tại địa bàn, khoảng 25 ngày (kể cả thời gian di chuyển), bắt đầu từ ngày 01/4/2019 đến hết ngày 25/4/2019.

BCĐ cấp xã tổ chức lực lượng để điều tra những người lang thang, cơ nhỡ và những người sống bằng nghề trên mặt nước không có nhà trên bờ, không có bến gốc đang có mặt trong phạm vi xã, phường, thị trấn quản lý vào ngày điều tra đầu tiên (ngày 01/4/2019).

III. PHƯƠNG PHÁP THU THẬP THÔNG TIN

TĐT 2019 sử dụng 02 phương pháp thu thập thông tin: phỏng vấn trực tiếp và hộ tự cung cấp thông tin trên Trang thông tin điện tử của TĐT 2019.

- Phương pháp phỏng vấn trực tiếp: ĐTV đến từng hộ để hỏi người cung cấp thông tin và ghi đầy đủ các câu trả lời vào phiếu điện tử. Trường hợp bất khả kháng đối với số ít ĐBĐT không thể ứng dụng công nghệ thông tin trong thu thập số liệu, ĐTV sử dụng phiếu giấy để ghi chép thông tin. Phương pháp phỏng vấn trực tiếp được áp dụng đối với phiếu ngắn và phiếu dài.

Khi thu thập các thông tin về nhà ở, ĐTV hỏi người cung cấp thông tin kết hợp với quan sát trực tiếp ngôi nhà/căn hộ để ghi câu trả lời vào phiếu điều tra. Đối với những người tạm vắng trong suốt thời gian điều tra, ĐTV có thể hỏi những người khác trong hộ, hoặc xin số điện thoại để gọi và hỏi trực tiếp người đó về những thông tin mà người khác trong hộ không nắm rõ, hoặc dựa vào những tài liệu do người thân hoặc chính quyền cung cấp để ghi phiếu điều tra.

- Hộ tự cung cấp thông tin trên Trang thông tin điện tử của TĐT 2019 (còn gọi là Webform): Đối với các hộ đăng ký thực hiện tự cung cấp thông tin TĐT 2019, BCĐ Trung ương sẽ gửi tin nhắn hoặc thư điện tử tới hộ trước ngày 01/4/2019 để hướng dẫn

hộ thực hiện tự cung cấp thông tin. Phương pháp tự cung cấp thông tin được áp dụng đối với phiếu ngắn.

IV. ĐỐI TƯỢNG ĐIỀU TRA

ĐTĐT của cuộc TĐT 2019 bao gồm:

- Tất cả người Việt Nam thường xuyên cư trú trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tính đến thời điểm điều tra; người Việt Nam được cơ quan có thẩm quyền cho phép xuất cảnh ra nước ngoài trong thời hạn quy định.

- Các trường hợp chết của hộ đã xảy ra từ ngày 01 Tết Âm lịch Mậu Tuất năm 2018 (tức ngày 16/02/2018 theo dương lịch) đến hết ngày 31/3/2019.

- Nhà ở của hộ dân cư.

V. ĐƠN VỊ ĐIỀU TRA, ĐƠN VỊ NHÀ Ở, NƠI Ở VÀ NGƯỜI CUNG CẤP THÔNG TIN

1. Đơn vị điều tra

Đơn vị điều tra là hộ. Hộ bao gồm một người ăn riêng, ở riêng hoặc một nhóm người ăn chung và ở chung. Đối với hộ có từ 02 người trở lên, các thành viên trong hộ có thể có hay không có quỹ thu chi chung; có hoặc không có mối quan hệ ruột thịt, hôn nhân hay nuôi dưỡng; hoặc kết hợp cả hai.

Theo khái niệm về hộ dân cư, những người giúp việc gia đình, người ở trọ và những người không có quan hệ họ hàng cũng được coi là thành viên hộ (còn gọi là NKTTTT tại hộ) nếu họ thường xuyên ngủ chung và ăn chung trong ngôi nhà/căn hộ/nơi ở của hộ từ 06 tháng trở lên tính đến thời điểm điều tra.

Một hộ thường sử dụng toàn bộ hay một phần của 01 ngôi nhà/căn hộ nhưng cũng có những hộ sống trong các lều, lán, trại, nhà trọ, khách sạn hoặc nhà tập thể, doanh trại, ký túc xá,... hoặc không có nhà ở.

Các quy định về xác định hộ đối với một số trường hợp đặc biệt như sau:

- Một người tuy ở chung trong ngôi nhà/căn hộ/nơi ở với 01 hộ nhưng lại nấu ăn riêng hoặc ăn ở nơi khác, thì người đó không được coi là thành viên hộ, mà phải tách ra thành 01 hộ riêng.

- Nếu 01 gia đình có (thuê) 02 ngôi nhà hoặc căn phòng sát nhau để ở thì tính là 01 hộ.

- Đối với những người ở chung trong 01 phòng trọ nhưng ăn riêng thì quy ước mỗi phòng trọ là 01 hộ. Ví dụ: Có 03 công nhân ở chung phòng trọ nhưng ăn riêng thì vẫn tính họ là 01 hộ.

- Một nhóm người tuy ăn chung nhưng lại ngủ riêng ở các ngôi nhà/căn hộ/nơi ở khác nhau, thì nhóm này tạo thành các hộ khác nhau, mỗi nhóm người ngủ ở những

ngôi nhà/căn hộ/nơi ở cùng nhau thì nhóm thành 01 hộ. Ví dụ: Một nhóm gồm 02 người góp tiền nấu cơm ăn chung vào buổi trưa hoặc buổi chiều tối nhưng đến tối ai về nhà người đó ngủ thì tính là 02 hộ khác nhau.

Trường hợp đặc biệt, khi các trẻ em (hoặc người già) đang phụ thuộc kinh tế vào bố, mẹ (hoặc con) nhưng lại ngủ ở (các) ngôi nhà/căn hộ/nơi ở gần đó (hộ có nhiều nơi ở) thì quy ước coi số trẻ em (hoặc người già) này là thành viên hộ của bố, mẹ (hoặc con) và được điều tra chung vào 01 hộ.

2. Đơn vị nhà ở

Nhà ở là một công trình xây dựng bao gồm 03 bộ phận: sàn, mái, tường và được dùng để ở.

Đơn vị nhà ở là nơi ở có cấu trúc riêng biệt và độc lập, theo đó nó được xây dựng, biến đổi hoặc sắp xếp, được dùng làm nơi ở cho 01 hoặc nhiều hộ. Nó có thể là 01 khu nhà/ngôi nhà/căn hộ/phòng ở. Lưu ý: Trường hợp nhà bè ở trên sông, hồ có đầy đủ 03 bộ phận: sàn, mái, tường như định nghĩa trên được tính là đơn vị nhà ở. Một phần của 01 ngôi nhà (phòng hoặc nhóm phòng) cũng có thể là đơn vị nhà ở nếu thỏa mãn 02 điều kiện sau: (i) Riêng biệt: Một phần của ngôi nhà phải có tiện nghi để ngủ, nấu ăn và những người cư trú trong đó phải tách biệt với các hộ khác trong ngôi nhà bằng bức tường hoặc vách ngăn; (ii) Lối vào trực tiếp: Có thể vào trực tiếp một phần của ngôi nhà từ bên ngoài ngôi nhà. Tức là những người cư trú có thể đi vào trong hoặc ra ngoài ngôi nhà mà không phải đi qua nơi ở của bất kỳ ai.

3. Nơi ở

Nơi ở là nơi con người dùng để ở (ăn, ngủ, sinh hoạt), đó có thể là 01 ngôi nhà/căn hộ nhưng cũng có thể là những nơi không phải là ngôi nhà/căn hộ nhưng được cải tạo hoặc thu xếp để làm nơi cư trú hoặc là nơi được sử dụng làm nơi cư trú mặc dù thực sự nó không được dự định để làm nơi cư trú, như: toa xe, toa tàu, gầm cầu, hang, động,...

4. Người cung cấp thông tin

Chủ hộ (hoặc người am hiểu về các thành viên trong hộ) là người cung cấp thông tin về NKTTTT thông tin về nhà ở và điều kiện sống của hộ. Đối với những thông tin về thành viên hộ mà chủ hộ hoặc người đại diện của hộ không nắm chắc, ĐTV phỏng vấn trực tiếp thành viên hộ để hỏi các thông tin này.

VI. ĐỊA BÀN ĐIỀU TRA, SƠ ĐỒ NỀN XÃ/PHƯỜNG VÀ BẢNG KÊ HỘ

1. Địa bàn điều tra

ĐBĐT là khu vực dân cư có ranh giới rõ ràng hoặc tương đối rõ ràng; về cơ bản là các thôn, buôn, xóm, ấp, bản, phum, sóc, tổ dân phố, khu phố, tiểu khu (viết gọn là thôn/tổ dân phố). Trong mỗi xã, phường, thị trấn (viết gọn là xã/phường) gồm nhiều

ĐBĐT và ranh giới các ĐBĐT ghép lại thành bản đồ của xã/phường. Quy mô ĐBĐT bình quân trong cả nước khoảng 120 hộ/địa bàn. Các ĐBĐT được thể hiện trên sơ đồ nền xã/phường.

2. Sơ đồ nền xã/phường và Bảng kê hộ

Sơ đồ nền xã/phường thể hiện phạm vi, ranh giới của các thôn/tổ dân phố và các ĐBĐT trong xã/phường đó.

Bảng kê hộ là bảng danh sách các hộ dân cư và một số thông tin về hộ dân cư trong 01 ĐBĐT cụ thể, gồm: thông tin về số thứ tự ngôi nhà/căn hộ/nơi ở mà hộ dân cư đó đang cư trú, số thứ tự hộ, tổng số người là NKTTTT của hộ, số nữ là NKTTTT của hộ; thông tin về việc hộ có đăng ký tự cung cấp thông tin phiếu Webform; số điện thoại di động và địa chỉ thư điện tử (email) của hộ (đối với các hộ đăng ký thực hiện phiếu Webform).

VII. NHÂN KHẨU THỰC TẾ THƯỜNG TRÚ TẠI HỘ

NKTTTT tại hộ là những người thực tế thường xuyên ăn ở tại hộ tính đến thời điểm điều tra đã được từ 06 tháng trở lên và những người mới chuyển đến dưới 06 tháng nhưng xác định sẽ ăn, ở ổn định tại hộ, trẻ em mới sinh trước thời điểm điều tra và những người tạm vắng, không phân biệt họ có hay không có hộ khẩu thường trú.

1. Nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ

Những trường hợp sau đây được xác định là NKTTTT tại hộ:

(1) Những người thực tế thường xuyên ăn, ở tại hộ từ 06 tháng trở lên tính đến thời điểm điều tra, không phân biệt họ có hay không có hộ khẩu thường trú; những người tuy đã có giấy tờ di chuyển (giấy gọi nhập ngũ, giấy chiêu sinh, quyết định tuyển dụng, thuyên chuyển công tác,...) nhưng đến thời điểm điều tra họ vẫn chưa rời khỏi hộ để đến nơi ở mới.

Một số trường hợp đã sống tại hộ từ 06 tháng trở lên tính đến thời điểm điều tra nhưng không được tính là NKTTTT tại hộ, bao gồm:

- Những người thuộc biên chế ngành công an, quân đội vẫn thường xuyên ăn, ở tại hộ (những người này do Bộ Công an và Bộ Quốc phòng điều tra theo kế hoạch riêng);

- Học sinh phổ thông đến trọ học/ở nhờ;

- Những người đến thăm, đến chơi; đến nghỉ hè, nghỉ lễ; đến chữa bệnh; đến vì mục đích công tác, đào tạo ngắn hạn dưới 01 năm;

- Những người nước ngoài chưa nhập quốc tịch Việt Nam, Việt kiều về thăm gia đình.

Lưu ý:

- Những người làm hợp đồng (ngắn hạn, dài hạn) cho quân đội hiện đang sống tại hộ thì được tính là NKTTTT tại hộ; nếu sống tại doanh trại hoặc khu vực do quân đội quản lý thì không được tính là NKTTTT tại hộ (do Bộ Quốc phòng điều tra).

- Những người đang làm hợp đồng ngắn hạn, tạm tuyển, lao động thời vụ cho ngành Công an sẽ được tính là NKTTTT tại hộ (do Ban Chỉ đạo địa phương tổ chức điều tra).

- Những người đang làm hợp đồng không xác định thời hạn cho ngành Công an không được tính là NKTTTT tại hộ (do Bộ Công an điều tra).

(2) Những người mới đến hộ chưa được 06 tháng nhưng xác định sẽ ăn, ở ổn định lâu dài tại hộ, bao gồm:

- Trẻ em (dưới 06 tháng tuổi) sinh trước thời điểm điều tra;

- Những người đã rời hẳn nơi ở cũ đến ở ổn định tại hộ, như: về ở nhà chồng/nhà vợ để làm dâu/làm rể, đến ở làm con nuôi; cán bộ, công nhân viên chức, bộ đội, công an nghỉ theo chế độ hưu trí, mất sức đã trở về ở hẳn với gia đình,…;

- Những người đã rời gia đình (nơi ở cũ) dưới 06 tháng tính đến thời điểm điều tra, đến hộ vì mục đích làm ăn và có quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động.

- Những quân nhân, công an đào ngũ, đào nhiệm (đã có giấy báo của đơn vị hoặc có một căn cứ xác đáng khác) hiện đang cư trú tại hộ;

- Những người đang ăn ở tạm thời trong hộ nhưng họ không có bất kỳ một nơi thường trú nào khác.

Lưu ý:

- Những người trên không bao gồm người thuộc biên chế ngành quân đội, công an; học sinh phổ thông đến trọ học/ở nhờ; người nước ngoài chưa nhập quốc tịch Việt Nam, Việt kiều về thăm gia đình.

- Những người trên bao gồm các trường hợp đã chuyển cả hộ tới hộ đang phỏng vấn.

(3) Những người lâu nay vẫn thường xuyên ăn, ở tại hộ nhưng tại thời điểm điều tra họ tạm vắng, bao gồm:

- Những người rời hộ đi làm ăn nơi khác chưa được 06 tháng tính đến thời điểm điều tra và không có quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động;

- Những người đang chữa bệnh nội trú trong các bệnh viện, cơ sở điều dưỡng (trừ những người đang điều trị tập trung ở các trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần, trại phong, trại cai nghiện,... sẽ do địa phương nơi có các cơ sở đó điều tra);

- Những người đang đi chơi/thăm người thân, bạn bè; đi nghỉ hè, nghỉ lễ, du lịch; đi chữa bệnh hoặc đi công tác, đào tạo ngắn hạn trong nước dưới 01 năm;

- Học sinh phổ thông đi trọ học/ở nhờ tại các hộ dân cư khác;

- Những người đi buôn chuyến, đi tàu viễn dương, đi đánh bắt hải sản;

- Những người được cơ quan có thẩm quyền cho phép đi làm việc, công tác, học tập, chữa bệnh, du lịch ở nước ngoài, tính đến thời điểm điều tra họ vẫn còn ở nước ngoài trong thời hạn được cấp phép. *Những người này không bao gồm cán bộ, nhân viên đang làm việc tại các cơ quan đại diện của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài (các cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện lãnh sự, cơ quan đại diện tại các tổ chức quốc tế) và những người đi cùng (những người này do Bộ Ngoại giao điều tra)*;

- Những người đang bị ngành công an, quân đội tạm giữ, tức là những người bị cơ quan có thẩm quyền bắt giữ trong thời gian 03 ngày và được gia hạn tạm giữ tối đa không quá 02 lần, mỗi lần 03 ngày. Theo luật định, tổng số ngày tạm giữ một người không được quá 09 ngày. Quá thời hạn đó gọi là tạm giam (đã bị Viện Kiểm sát ra lệnh bắt tạm giam).

Lưu ý: Ở những huyện biên giới, một số dân tộc ít người có tập quán du canh, du cư hoặc người dân đi lại qua nước khác làm ăn thời vụ dưới 06 tháng rồi lại quay về Việt Nam thì quy ước là NKTTTT tại hộ và đang tạm vắng.

Một số trường hợp đặc biệt trong xác định NKTTTT tại hộ:

- Đối với những người có 02 hoặc nhiều nơi ở: Những người này được xác định là NKTTTT tại nơi mà họ có thời gian ăn ngủ nhiều hơn (nơi ở chính). Trường hợp thời gian ăn, ngủ ở các nơi bằng nhau thì quy ước ghi ở nơi chính theo câu trả lời của ĐTĐT.

- Đối với những người ăn một nơi, ngủ một nơi: Những người này được xác định là NKTTTT tại nơi mà họ ngủ (ngoại trừ trường hợp trẻ em và người già như đã nêu tại mục V.1, Phần II).

- Đối với những người chuyển đi cả hộ: Những người này được xác định là NKTTTT tại nơi họ hiện đang cư trú.

- Đối với những người đã rời hộ (nơi ở cũ) đi làm ăn từ 06 tháng trở lên và tại thời điểm điều tra họ đang ăn, ở thường xuyên tại nơi cư trú hiện tại chưa được 06 tháng: Những người này được xác định là NKTTTT tại nơi họ hiện đang cư trú.

- Đối với những người hiện tại đang sinh sống trên phạm vi ranh giới ở một xã (ví dụ xã A) nhưng về mặt chính quyền lại do một xã khác quản lý (ví dụ xã B, các khoản đóng góp, chế độ chính sách do xã B trả cho người dân…): Những người này sẽ được xác định là NKTTTT tại địa bàn họ đang sinh sống (xã A).

- Đối với những người gốc Việt không có bất kỳ quốc tịch nào, hiện đang cư trú và có ý định ăn, ở lâu dài tại Việt Nam: Những người này được xác định là NKTTTT tại hộ họ đang cư trú.

- Đối với trẻ em (người dưới 16 tuổi) không có quốc tịch Việt Nam nhưng có bố hoặc mẹ là người Việt Nam; đồng thời, trẻ hiện đang ở Việt Nam và xác định sống lâu dài ở Việt Nam: Những trẻ này được xác định là NKTTTT tại hộ đang cư trú.

- Đối với những người nước ngoài không có quốc tịch Việt Nam nhưng thực tế đã sinh sống ở Việt Nam trên 20 năm, họ đã hội nhập cộng đồng, có ý định sinh sống lâu dài ở Việt Nam và những người con của họ dưới 20 tuổi đã sinh ra và lớn lên tại Việt Nam tính đến thời điểm điều tra: Những người này được xác định là NKTTTT tại hộ họ đang cư trú.

- Đối với những người sống bằng nghề trên mặt nước:

+ Nếu họ có nhà ở trên bờ: Nhà ở của họ thuộc ĐBĐT nào sẽ do ĐTV phụ trách ĐBĐT đó điều tra (được thể hiện trên Bảng kê giống như các hộ có nhà khác);

+ Nếu họ không có nhà ở trên bờ nhưng có đăng ký bến gốc: Bến gốc của họ thuộc ĐBĐT nào sẽ do ĐBĐT đó điều tra (được thể hiện trên Bảng kê bằng những ký hiệu A1, A2,… là những nơi không có nhà nhưng có người cư trú thường xuyên);

+ Nếu họ không có nhà ở trên bờ, không có bến gốc: Những người này do BCĐ cấp xã điều tra vào ngày 01/4/2019.

Lưu ý trong xác định người thuộc biên chế ngành công an, quân đội:

ĐTV cần hỏi kỹ về những người thuộc biên chế do ngành công an, quân đội quản lý đang sống tại hộ để xác định đúng NKTTTT tại hộ. Trong đó:

- Công an xã về cơ bản thuộc NKTTTT tại hộ vì những người này không phải là công an chính quy (không có quân hàm, phù hiệu). Tuy nhiên, ở một số xã giáp biên giới, những vùng đặc biệt, những địa bàn trọng điểm vẫn có công an xã là công an chính quy. Thực chất những người này là công an cấp huyện tăng cường xuống xã nên họ vẫn do Bộ Công an điều tra.

- Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng của Ban Chỉ huy quân sự xã/phường không phải là quân đội chính quy nên đối tượng này được xác định là NKTTTT tại hộ.

2. Những người không phải là nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ

Các trường hợp sau đây không phải là NKTTTT tại hộ:

(1) Các trường hợp không sống tại hộ vào thời điểm điều tra, bao gồm:

- Trẻ em sinh sau ngày 01/4/2019;

- Những người chết trước ngày 01/4/2019;

- Những người đã chuyển hẳn khỏi hộ trước ngày 01/4/2019;

- Những người đi làm ăn ở nơi khác đã được 06 tháng trở lên tính đến thời điểm điều tra (không kể những người đi đánh bắt hải sản, đi tàu viễn dương, đi buôn chuyến, đi công tác ngắn hạn...);

- Những người đi làm ăn ở nơi khác chưa được 06 tháng tính đến thời điểm điều tra và có quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động;

- Những người đã cư trú ổn định ở nước ngoài (có hoặc không có giấy xuất cảnh); những người đã ở nước ngoài quá thời hạn quy định;

- Sinh viên đi học xa nhà; học sinh phổ thông đi học tại các trường nội trú;

- Những người là cán bộ, nhân viên đang làm việc tại các cơ quan đại diện của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài (bao gồm các cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện lãnh sự, cơ quan đại diện tại các tổ chức quốc tế) và những người đi cùng;

- Những người bị tạm giam hoặc bắt giữ bởi các cơ quan có chức năng.

(2) Các trường hợp đang sống tại hộ vào thời điểm điều tra, bao gồm:

- Những người mới chuyển đến ăn, ở ổn định tại hộ sau ngày 01/4/2019 (trừ những người không có nơi ở ổn định nào khác);

- Những người đã rời gia đình (nơi ở cũ) dưới 06 tháng tính đến thời điểm điều tra, đến hộ vì mục đích làm ăn và không có quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động (trừ những người không có bất kỳ một nơi thực tế thường trú nào khác);

- Những người đến thăm, đến chơi; đến nghỉ hè, nghỉ lễ; đến chữa bệnh; đến vì mục đích công tác, đào tạo ngắn hạn dưới 01 năm;

- Học sinh phổ thông đến trọ học/ở nhờ;

- Người nước ngoài chưa nhập quốc tịch Việt Nam, Việt kiều về thăm gia đình;

- Những người là cán bộ, nhân viên đang làm việc tại các cơ quan đại diện của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài về thăm gia đình (bao gồm các cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện lãnh sự, cơ quan đại diện tại các tổ chức quốc tế và những người đi cùng);

- Sinh viên đi học xa nhà; học sinh phổ thông đi học tại các trường nội trú về thăm gia đình;

- Những người thuộc biên chế ngành quân đội (do Bộ Quốc phòng điều tra), gồm: (i) Quân nhân (sỹ quan, hạ sỹ quan - binh sỹ, quân nhân chuyên nghiệp); công chức, viên chức quốc phòng; công nhân viên quốc phòng, bao gồm: những người hàng ngày về ăn ở với gia đình tại nơi cư trú, những người sống trong các doanh trại hoặc trong các khu vực do quân đội quản lý; (ii) Quân nhân, công nhân viên quốc phòng đang học tập trong các trường đào tạo trong quân đội và ngoài quân đội quản lý, người đang được quân đội cử đi công tác, học tập... ở nước ngoài (trừ những người làm ở Phòng Tùy viên Quốc phòng); (iii) Những người làm hợp đồng (ngắn hạn, dài hạn) đang sinh sống và làm việc trong doanh trại hoặc các khu vực do quân đội quản lý; (iv) Phạm nhân trong các trại giam, trại cải tạo, cải huấn do quân đội quản lý; (v) Những người bị tạm giam tại cơ sở giam giữ do ngành quân đội quản lý (đã được Viện Kiểm sát Quân sự phê chuẩn lệnh bắt giam); (vi) Học sinh, sinh viên không thuộc biên chế ngành Quốc phòng nhưng đang học nội trú tại các trường do Bộ Quốc phòng quản lý.

- Những người thuộc biên chế ngành công an (do Bộ Công an điều tra), gồm: (i) Sỹ quan, hạ sỹ quan, chiến sỹ, công nhân, viên chức thuộc biên chế của ngành công

an, bao gồm: những người hàng ngày về ăn ở với gia đình tại nơi cư trú, những người sống trong các doanh trại hoặc trong các khu vực do công an quản lý; (ii) Sỹ quan, hạ sỹ quan, chiến sỹ, công nhân, viên chức thuộc biên chế ngành công an đang được cử đi học tập tại các trường đào tạo trong nước, người đang được ngành công an cử đi công tác, học tập,… ở nước ngoài; (iii) Phạm nhân trong các trại giam, trại cải tạo, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng do ngành công an quản lý; (iv) Bị can đang bị tạm giam tại các trại tạm giam, nhà tạm giữ do ngành công an quản lý (đã được Viện Kiểm sát nhân dân phê chuẩn lệnh bắt giam); (v) Học sinh, sinh viên không thuộc biên chế ngành công an nhưng đang học nội trú tại các trường do Bộ Công an quản lý.

- Những người do Bộ Ngoại giao điều tra, gồm: Cán bộ, nhân viên đang làm việc tại các cơ quan đại diện của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài (bao gồm các cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện lãnh sự, cơ quan đại diện tại các tổ chức quốc tế), thân nhân và những người đi cùng.

VIII. NHÂN KHẨU ĐẶC THÙ

Nhân khẩu đặc thù là những người sống trong ĐBĐT đặc thù, gồm:

- Những người sống trong các nhà dưỡng lão, trại trẻ mồ côi, làng trẻ SOS, các trường/lớp học tình thương, trại phong, trung tâm/trường/trại và các cơ sở xã hội khác đóng tập trung trên phạm vi, ranh giới của xã/phường/thị trấn; bệnh nhân sống trong các trại phong, trung tâm chăm sóc và nuôi dưỡng những người tâm thần, những người đang cai nghiện ở các trại cai nghiện ma tuý,...;

- Học sinh, sinh viên đang ở tập trung (không kể học sinh phổ thông trọ học/ở nhờ tại các hộ dân cư) trong các trường thanh thiếu niên, trường dân tộc nội trú, trường vừa học vừa làm, trường dạy nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học, trường câm điếc; các tu sỹ trong các tu viện; các nhà sư hoặc tu sỹ sống trong các nhà chùa, nhà chung;

- Những người sống trong các khu nhà ở công nhân trong khuôn viên các công ty, nhà máy, xí nghiệp, doanh nghiệp xây dựng cho công nhân ở theo mô hình tập trung, có phân biệt khu vực cư trú dành riêng cho nam và dành riêng cho nữ (mô hình ký túc xá của các trường đại học), những khu nhà này đủ lớn và thường do doanh nghiệp quản lý tập trung, ĐTV khó tiếp cận để điều tra (chủ yếu là những người độc thân và có Ban quản lý, bảo vệ quản lý khu vực này) đóng trên phạm vi ranh giới của xã/phường;

- Những người lang thang, cơ nhỡ, không có nhà ở; những người sống bằng nghề trên mặt nước không có nhà trên bờ, không đăng ký bến gốc; những bệnh nhân không nơi nương tựa và không có bất kỳ một nơi thường trú nào khác đang điều trị nội trú trong các bệnh viện.

PHẦN III:

QUY TRÌNH ĐIỀU TRA VÀ CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHIẾU ĐIỀU TRA

I. QUY TRÌNH ĐIỀU TRA

1. Cập nhật Bảng kê hộ trước thời điểm điều tra

BCĐ cấp xã tổ chức cập nhật Bảng kê hộ trước thời điểm điều tra (từ ngày 15-20/3/2019) nhằm bổ sung những thay đổi về số hộ và số NKTTTT tại hộ trong ĐBĐT, điều chỉnh các phân công cho ĐTV thực hiện thu thập thông tin và tránh điều tra sót các hộ và NKTTTT tại hộ.

Công tác cập nhật Bảng kê hộ đã được hướng dẫn chi tiết trong Sổ tay hướng dẫn lập Bảng kê hộ. Tuy nhiên, công việc này được nhắc lại trong tài liệu này nhằm nhấn mạnh tầm quan trọng của việc rà soát, cập nhật Bảng kê hộ trước thời điểm điều tra. Ngoài ra, khi thu thập thông tin tại hộ, trong một số trường hợp (ví dụ như hộ mới chuyển đến địa bàn), ĐTV phải hiểu được cách cập nhật, bổ sung thông tin trong Bảng kê hộ. Do vậy, ĐTV cần thực hiện các công việc sau:

- Nghiên cứu kỹ hướng dẫn cập nhật Bảng kê hộ tại Phụ lục 12;

- Nghiên cứu kỹ hướng dẫn sử dụng CAPI đối với nội dung về cập nhật Bảng kê hộ.

2. Điều tra thu thập thông tin tại hộ

ĐTV thực hiện điều tra thu thập thông tin tại các hộ được giao theo kế hoạch. Trong quá trình điều tra, ĐTV cập nhật những thay đổi của hộ trong ĐBĐT đảm bảo việc xác định hộ, xác định NKTTTT theo đúng thời điểm điều tra là ngày 01/4/2019 và theo đúng các quy định của TĐT 2019.

Đối với phiếu điện tử: Trước khi thực hiện phỏng vấn hộ để thu thập thông tin, ĐTV cần cập nhật tình trạng hiện tại của hộ trong ĐBĐT (hộ còn tại địa bàn, hộ không còn tại địa bàn, hộ chuyển đi - đến hay chết cả hộ) để cập nhật Bảng kê hộ và thực hiện thu thập thông tin. Chi tiết hướng dẫn cập nhật tình trạng của hộ được trình bày tại phần hướng dẫn sử dụng CAPI.

II. QUY ĐỊNH CỦA PHIẾU ĐIỀU TRA VÀ CÁCH GHI CÂU TRẢ LỜI

1. Quy định của phiếu điều tra

1.1. Các loại chữ trong phiếu hỏi

Phiếu điều tra gồm 02 loại chữ: “chữ in thường” và “CHỮ IN HOA”.

- ĐTV được phép đọc to các câu viết dưới dạng "chữ in thường" để ĐTĐT nghe và trả lời câu hỏi; "chữ in thường" là những câu hỏi và trong một số trường hợp là các phương án trả lời.

- ĐTV không được phép đọc to các câu viết dưới dạng "CHỮ IN HOA" cho ĐTĐT nghe vì đây là những hướng dẫn để ĐTV thực hiện phỏng vấn hoặc các phương án trả lời không được phép đọc để ĐTĐT lựa chọn câu trả lời.

1.2. Các ký hiệu trả lời câu hỏi

1.2.1. Ký hiệu để chọn phương án trả lời

+ ***Đối với phiếu giấy:*** Ký hiệu để chọn phương án trả lời là ô vuông nhỏ với chữ số được ghi ở phía trước (1, 2, 3,...). ĐTV lựa chọn mã trả lời bằng cách gạch chéo (X) trong phạm vi của ô đó, không được để dấu "X" vượt ra ngoài đường viền bao quanh ô.

Ví dụ: Giới tính của một người là nữ, ĐTV ghi thông tin cho Câu 3 như sau:

3. [TÊN] là nam hay nữ?	NAM .... 1 ☐ NỮ .....2 ☒

+ ***Đối với phiếu điện tử:*** Ký hiệu để chọn phương án trả lời là ô vuông nhỏ.

1.2.2. Ký hiệu để ghi thông tin

- Ghi thông tin bằng số:

+ ***Đối với phiếu giấy:*** Ký hiệu để ghi các thông tin bằng số là các ô vuông to. Mỗi ô chỉ được ghi 01 chữ số, chú ý ghi chữ số một cách rõ ràng như mẫu đã in trên trang bìa của phiếu điều tra. Trường hợp câu trả lời có số chữ số ít hơn số ô to có sẵn, ĐTV phải viết thêm (các) số "0" vào (các) ô to bên trái.

+ ***Đối với phiếu điện tử:*** ĐTV nhập trực tiếp thông tin bằng số vào câu trả lời.

Ví dụ: Tháng năm sinh theo dương lịch của một người là tháng 7 năm 1963, ĐTV ghi Câu 4 như sau:

4. [TÊN] sinh vào tháng, năm dương lịch nào?	THÁNG ..... 0 7 NĂM ..... 1 9 6 3 C6 KHÔNG XĐ NĂM. 9998 ☐

- Ghi thông tin bằng chữ: Ký hiệu để ghi thông tin bằng chữ là các dòng kẻ liền. Nếu ở phần trả lời có những dòng kẻ liền, ĐTV phải ghi thông tin bằng chữ lên các dòng kẻ liền đó.

Ví dụ: Một người được xác định là thực tế thường trú ở quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, ĐTV ghi thông tin định danh như sau:

TỈNH/THÀNH PHỐ: ***Hà Nội***

HUYỆN/QUẬN/THỊ XÃ/THÀNH PHỐ THUỘC TỈNH: ***Ba Đình***

1.3. Ký hiệu để chuyển câu hỏi

- Đối với phiếu giấy: Trong một số phương án trả lời có ký hiệu mũi tên để hướng dẫn ĐTV sau khi ghi thông tin trả lời cho câu hỏi đó thì chuyển đến câu hỏi nào tiếp theo.

Ví dụ: Trong ví dụ về ngày tháng năm sinh nêu trên, sau khi ĐTV ghi năm sinh theo dương lịch của ĐTĐT, bên cạnh năm sinh có mũi tên chỉ đến "C6". Điều đó có nghĩa là, sau khi ghi năm sinh vào 04 ô vuông to, ĐTV sẽ chuyển đến Câu 6 để hỏi tiếp ĐTĐT mà không phải hỏi Câu 5.

- Đối với phiếu điện tử: Không có ký hiệu mũi tên chuyển câu hỏi vì việc chuyển câu hỏi đã được thực hiện tự động thông qua chương trình.

1.4. Câu kiểm tra

- Đối với phiếu giấy: Trong phiếu hỏi, ngoài các câu hỏi còn có câu kiểm tra. Mục đích của các câu kiểm tra nhằm giúp ĐTV kiểm tra những thông tin đã có trong phiếu điều tra để quyết định câu hỏi tiếp theo của phiếu điều tra sẽ là câu nào. Câu kiểm tra nhằm đảm bảo thu thập đủ các thông tin theo yêu cầu của TĐT 2019, tránh điều tra thừa hoặc thiếu thông tin.

Câu kiểm tra được kí hiệu bắt đầu bằng chữ "KT"; toàn bộ câu kiểm tra được in đậm bằng CHỮ IN HOA. ĐTV phải tuân thủ đúng hướng dẫn của câu kiểm tra để xác định chính xác câu hỏi tiếp theo. Lưu ý, ĐTV không được dựa vào trí nhớ hoặc phán đoán để xác định câu hỏi tiếp theo vì điều đó có thể gây nhầm lẫn.

Ví dụ:

KT1. KIỂM TRA CÂU 4 HOẶC CÂU 5: DƯỚI 5 TUỔI (SINH SAU THÁNG 3 NĂM 2014) ⟶ CÂU 8; TỪ 5 TUỔI TRỞ LÊN (SINH TRƯỚC THÁNG 4 NĂM 2014) ⟶ CÂU 14.

- Đối với phiếu điện tử: Không có câu kiểm tra vì việc kiểm tra và chuyển câu hỏi đã được thực hiện tự động thông qua chương trình.

2. Cách ghi chép thông tin

2.1. Đối với phiếu giấy

ĐTV sử dụng bút bi mực đen hoặc mực xanh để ghi thông tin vào phiếu điều tra và sử dụng băng xoá để sửa lỗi ghi trên phiếu. ĐTV cần viết sao cho chữ và số đều phải rõ ràng, dễ đọc (mọi người đều đọc và hiểu giống nhau, không để xảy ra tình

trạng mỗi người đọc và hiểu khác nhau). Cố gắng ghi chữ số theo mẫu đã in trên trang bìa của phiếu điều tra, cụ thể như sau:

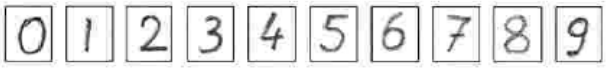

2.2. Đối với phiếu điện tử

ĐTV sử dụng bàn phím/bàn phím ảo trên máy tính bảng/điện thoại thông minh để ghi các thông tin vào phiếu điều tra.

3. Cách sửa lỗi

3.1. Đối với phiếu giấy

- Sửa lỗi trong ô vuông nhỏ: Nếu thông tin trả lời ghi sai (ô vuông nhỏ được gạch chéo không đúng), ĐTV dùng băng xoá để xóa sạch dấu gạch chéo, sau đó gạch chéo vào ô vuông nhỏ thích hợp.

- Sửa lỗi trong ô vuông to: Nếu thông tin trả lời được ghi sai (ô vuông to ghi sai chữ số), ĐTV dùng băng xoá để xoá sạch các thông tin ghi sai, sau đó dùng bút bi mực xanh hoặc đen viết lại thông tin đúng lên vị trí của ô vừa được xóa. Lưu ý, không được viết ra ngoài đường viền của (các) ô to; không được xoá các đường viền bao quanh (các) ô to. Trường hợp xóa mất đường viền của (các) ô to thì không phải kẻ lại.

3.2. Đối với phiếu điện tử

- Trường hợp vừa mới ghi sai hoặc tích sai ô mã, ĐTV xóa thông tin cũ và ghi lại thông tin mới chính xác vào các ô phù hợp.

- Trường hợp phát hiện lỗi sai khi đã phỏng vấn xong hộ hoặc đã chuyển sang câu hỏi khác, ĐTV phải quay lại câu hỏi cũ để sửa thông tin (cách quay lại câu hỏi cũ được hướng dẫn cụ thể trong phần hướng dẫn sử dụng CAPI).

PHẦN IV:

HƯỚNG DẪN CÁCH HỎI, GHI THÔNG TIN TRANG BÌA VÀ XÁC ĐỊNH NHÂN KHẨU THỰC TẾ THƯỜNG TRÚ TẠI HỘ

I. GIỚI THIỆU PHIẾU ĐIỀU TRA

Nội dung của TĐT 2019 được thiết kế trên 02 loại phiếu điều tra: Phiếu điều tra toàn bộ (còn gọi là phiếu ngắn) và Phiếu điều tra mẫu (còn gọi là phiếu dài).

1. Phiếu ngắn

Phiếu ngắn gồm các thông tin cơ bản về dân số và nhà ở. Ngoài các câu hỏi để xác nhận NKTTTT tại hộ, phiếu ngắn gồm các thông tin định danh và 22 câu hỏi được đánh số không liên tục, cụ thể như sau:

- Thông tin về dân số: Các đặc điểm cá nhân (09 câu hỏi); Giáo dục và đào tạo (04 câu hỏi).

- Thông tin về nhà ở (09 câu hỏi).

2. Phiếu dài

Phiếu dài bao gồm các thông tin trong phiếu ngắn, đồng thời bổ sung một số câu hỏi về lịch sử sinh của phụ nữ, tình hình việc làm của một bộ phận dân cư được chọn mẫu điều tra... Do vậy, các hộ dân cư được chọn mẫu để hỏi phiếu dài sẽ không phải trả lời phiếu ngắn.

Ngoài các câu hỏi để xác định NKTTTT tại hộ, phiếu dài gồm các thông tin định danh và 65 câu hỏi được đánh số liên tục từ 1 đến 65, cụ thể như sau:

- Thông tin về dân số: Các đặc điểm cá nhân (12 câu hỏi); Giáo dục và đào tạo (08 câu hỏi); Di cư (04 câu hỏi); Việc làm (09 câu hỏi); Lịch sử sinh của phụ nữ (08 câu hỏi); Người chết của hộ (08 câu hỏi).

- Thông tin về nhà ở (16 câu hỏi).

II. CÁCH GHI TRANG BÌA CỦA PHIẾU ĐIỀU TRA

1. Thông tin định danh

1.1. Đối với phiếu giấy

ĐTV chép lại các thông tin định danh đã có sẵn trên Bảng kê hộ (Mẫu số 03B/BCĐTW tại Phụ lục 6) vào phiếu điều tra cụ thể như sau:

- ĐTV ghi tên vào các dòng kẻ liền và ghi mã số vào các ô tương ứng với các thông tin: "TỈNH/THÀNH PHỐ"; "HUYỆN/QUẬN/THỊ XÃ/THÀNH PHỐ THUỘC TỈNH"; "XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN"; "THÔN/XÓM/ẤP/BẢN/TỔ DÂN PHỐ"; "ĐỊA BÀN ĐIỀU TRA".

- ĐTV ghi mã số vào các ô tương ứng với các thông tin "THÀNH THỊ/NÔNG THÔN" và "HỘ SỐ". Với dòng "HỘ SỐ", ĐTV sử dụng thông tin ở cột "C" trong Bảng kê hộ tương ứng với hộ đang phỏng vấn. Đối với các hộ mới chuyển đến ĐBĐT (ngôi nhà/căn hộ đã được hoặc chưa được liệt kê trong Bảng kê hộ), ĐTV bổ sung thông tin "HỘ SỐ" theo hướng dẫn tại Phụ lục 12, mục II.2.

- ĐTV ghi tên vào các dòng kẻ liền với các thông tin sau:

+ Dòng "HỌ VÀ TÊN CHỦ HỘ": ĐTV sử dụng thông tin ở cột "D" trong Bảng kê hộ tương ứng với hộ đang phỏng vấn. Nếu chủ hộ thay đổi so với bảng kê do có hộ mới chuyển đến (hộ cũ đã chuyển đi) hoặc vẫn hộ cũ nhưng thông tin về chủ hộ thay đổi, ĐTV ghi tên chủ hộ mới vào dòng này.

+ Dòng "ĐỊA CHỈ CỦA HỘ": ĐTV sử dụng thông tin ở cột "E" trong Bảng kê hộ tương ứng với hộ đang phỏng vấn. Đối với các hộ mới chuyển đến ĐBĐT và ngôi nhà/căn hộ của hộ chưa được liệt kê trong Bảng kê, ĐTV bổ sung thông tin "ĐỊA CHỈ CỦA HỘ" theo hướng dẫn tại Phụ lục 12, mục II.2.

Đối với những hộ phải dùng từ 02 tập phiếu trở lên, các thông tin thuộc phần định danh từ tập phiếu thứ hai trở đi ghi như tập phiếu thứ nhất.

1.2. Đối với phiếu điện tử

Khi ĐTV đăng nhập vào chương trình, thông tin định danh của các hộ trong ĐBĐT được phân công sẽ tự động chuyển từ Bảng kê hộ vào phiếu điều tra. ĐTV không phải thực hiện sao chép lại thông tin từ Bảng kê hộ như đã hướng dẫn đối với phiếu giấy.

Tuy nhiên, trong số các thông tin được tự động chuyển từ Bảng kê hộ, thông tin về "HỌ VÀ TÊN CHỦ HỘ" có thể cần phải điều chỉnh do có hộ mới chuyển đến (hộ cũ đã chuyển đi) hoặc vẫn hộ cũ nhưng thông tin về chủ hộ thay đổi so với bảng kê. Trong trường hợp này, ĐTV hỏi để ghi thông tin thực tế của hộ tại thời điểm đến hộ điều tra.

Đối với các hộ mới chuyển đến ĐBĐT và chưa có tên trong Bảng kê hộ, ĐTV thực hiện thêm mới hộ theo hướng dẫn tại Tài liệu hướng dẫn sử dụng phiếu điện tử.

2. Thông tin kết quả điều tra

2.1. Đối với phiếu giấy

ĐTV thực hiện ghi thông tin kết quả điều tra khi hoàn thành phỏng vấn tại hộ. Cụ thể như sau:

- Dòng "SỐ NHÂN KHẨU THỰC TẾ THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ": ĐTV phải đếm tổng số người đã ghi trong tập phiếu để ghi vào ô to dành sẵn tương ứng. Số liệu ở dòng "SỐ NHÂN KHẨU THỰC TẾ THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ" phải bằng tổng số của dòng "SỐ NAM" và dòng "SỐ NỮ".

Đối với những hộ phải dùng từ 02 tập phiếu trở lên, các mục "SỐ NHÂN KHẨU THỰC TẾ THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ", "SỐ NAM", và "SỐ NỮ" sẽ ghi theo số NKTTTT, số nam và số nữ của từng tập phiếu mà không ghi chung cho cả hộ.

- Dòng "ĐÂY LÀ TẬP PHIẾU SỐ ☐ TRONG ☐ TẬP PHIẾU CỦA HỘ", ghi như sau:

+ Trường hợp hộ chỉ phải dùng 01 tập phiếu, ĐTV ghi: "ĐÂY LÀ TẬP PHIẾU SỐ [1] TRONG [1] TẬP PHIẾU CỦA HỘ".

+ Trường hợp hộ phải dùng 02 tập phiếu:

Tập thứ nhất ghi: "ĐÂY LÀ TẬP PHIẾU SỐ [1] TRONG [2] TẬP PHIẾU CỦA HỘ";

Tập thứ hai ghi: "ĐÂY LÀ TẬP PHIẾU SỐ [2] TRONG [2] TẬP PHIẾU CỦA HỘ".

Phiếu được thiết kế đủ để ghi cho những hộ có tối đa là 06 người, mỗi người được ghi vào 01 cột. Đối với những hộ phải dùng từ 02 tập phiếu trở lên, từ tập phiếu thứ hai trở đi, ĐTV ghi số thứ tự của các thành viên hộ theo số thứ tự tự nhiên liên tục, ví dụ tại tập phiếu thứ hai, số thứ tự của các thành viên hộ là: 07, 08, 09, 10,...

Trường hợp vì một lý do nào đó mà ĐTV phải huỷ 01 (hay nhiều) cột (người), ĐTV phải sửa lại số thứ tự của từng người (trước dòng của Câu 1 trong phiếu điều tra) sao cho số thứ tự của các thành viên là liên tục.

2.2. Đối với phiếu điện tử

Các thông tin kết quả điều tra sẽ tự động được tính và hiển thị sau khi ĐTV hoàn thành phỏng vấn hộ. ĐTV không phải tính và ghi chép thông tin vào mục này.

3. Phần ký xác nhận

3.1. Đối với phiếu giấy

Sau khi hoàn thành cuộc phỏng vấn và hoàn tất việc kiểm tra các thông tin ghi trên phiếu, ĐTV phải đọc cho người cung cấp thông tin nghe một số thông tin cơ bản nhất đã được ghi trên phiếu (07 câu hỏi đầu). Trước khi rời hộ để sang hộ tiếp theo, ĐTV yêu cầu người cung cấp thông tin (chủ hộ hoặc người đại diện của hộ) ghi rõ họ tên và ký vào phần dành sẵn cho người cung cấp thông tin. Cuối cùng, ĐTV ghi họ tên của mình và ký vào phần dành sẵn cho ĐTV.

Đối với những hộ phải dùng từ 02 tập phiếu trở lên, chỉ cần ký xác nhận vào tập phiếu thứ nhất.

3.2. Đối với phiếu điện tử

Sau khi hoàn thành cuộc phỏng vấn, chương trình sẽ tự động hiển thị danh sách các thành viên hộ, ĐTV chỉ cần tích chọn vào tên người đã cung cấp thông tin để hoàn thiện phiếu điều tra.

III. CÁCH HỎI VÀ XÁC ĐỊNH NHÂN KHẨU THỰC TẾ THƯỜNG TRÚ TẠI HỘ

ĐTV đọc kỹ hướng dẫn về cách xác định NKTTTT tại Mục VII, Phần II để nắm rõ khái niệm và quy định về NKTTTT. ĐTV hỏi các câu từ Q1 đến Q8 để xác định NKTTTT tại hộ.

Câu Q1: ĐTV hỏi và ghi đầy đủ họ và tên từng người thường xuyên ăn, ở tại hộ được 06 tháng trở lên tính đến 0 giờ ngày 01/4/2019, không phân biệt người đó có hay không có hộ khẩu thường trú tại hộ.

Lưu ý: Những người này không bao gồm sinh viên là người của hộ đang đi học xa nhà (không còn ăn, ở thường xuyên tại hộ) hoặc những người của hộ đã đi làm ăn xa từ 06 tháng trở lên, chỉ về thăm nhà vào các dịp cuối tuần, lễ, Tết.

Trường hợp trong hộ có 02 người giống nhau cả họ và tên đệm, ĐTV phải ghi thêm ký tự để đánh dấu sự khác nhau (sử dụng chữ cái A, B,...).

Câu Q2: ĐTV hỏi để xác định trong hộ có ai mới chuyển đến chưa được 06 tháng tính đến 0 giờ ngày 01/4/2019 nhưng xác định ăn ở lâu dài tại hộ hoặc không có nơi ở ổn định nào khác (bao gồm cả trẻ mới sinh trước ngày 01/4/2019). Nếu có, ĐTV đánh dấu vào ô trả lời tương ứng và ghi bổ sung họ và tên từng người vào Câu Q1, sau đó hỏi tiếp Câu Q3.

Mục đích câu này là để xác định một số trường hợp đặc biệt, mặc dù ăn, ở tại hộ chưa được 06 tháng tính đến thời điểm điều tra nhưng có thể vẫn được xác định là

NKTTTT tại hộ. Lưu ý, những người này bao gồm những người đã chuyển cả hộ tới hộ đang phỏng vấn.

Trường hợp trẻ em mới sinh chưa kịp đặt tên, ĐTV ghi "Trẻ mới sinh" và kèm theo họ của trẻ trong dấu "( )". Ví dụ: Trẻ mới sinh (Nguyễn).

Câu Q3: ĐTV hỏi để xác định những người mặc dù đang ăn, ở tại hộ nhưng thực tế sẽ không được tính là NKTTTT tại hộ.

ĐTV đọc to lần lượt từng trường hợp được liệt kê trong câu hỏi. Nếu hộ trả lời "Có", ĐTV đánh dấu vào ô tương ứng và hỏi tiếp đó là ai để gạch tên người đó trong Câu Q1. Cách gạch tên như ví dụ sau: ~~Nguyễn Thị Hoa~~.

Đối với phiếu điện tử: Câu Q3 được tách thành Q3a và Q3b. Trong đó, Câu Q3a liệt kê tất cả các trường hợp để ĐTV hỏi lần lượt và tích vào câu trả lời tương ứng ("Có" hoặc "Không"). Câu Q3b chỉ xuất hiện nếu hộ có ít nhất 01 trong các trường hợp được liệt kê ở Câu Q3a (tức câu trả lời là "Có"); khi đó, danh sách thành viên hộ ở Câu Q1 sẽ tự động hiện ra để ĐTV chọn thành viên tương ứng.

Câu Q4a: ĐTV hỏi để xác định những người vẫn thường xuyên ăn, ở tại hộ nhưng tại thời điểm điều tra họ tạm vắng. Những người này theo quy định vẫn được xác định là NKTTTT tại hộ.

ĐTV đọc to từng trường hợp. Nếu hộ trả lời "Có", ĐTV đánh dấu vào ô trả lời tương ứng. Nếu hộ có ít nhất 01 trong các trường hợp được liệt kê ở Câu Q4a (tức câu trả lời là "Có"), ĐTV hỏi tiếp Câu Q4b. Nếu không có ai thuộc các đối tượng được liệt kê, ĐTV chuyển sang hỏi tiếp Câu Q5a.

Câu Q4b: ĐTV ghi rõ họ và tên những người tạm vắng tương ứng với (các) trường hợp đã được trả lời "Có" trong Câu Q4a (nếu có).

Câu Q5a: ĐTV hỏi để xác định có ai vẫn thường xuyên ăn, ở tại hộ nhưng đã chết sau 0 giờ ngày 01/4/2019 và chưa được ghi tên hay không.

Câu Q5b: ĐTV ghi rõ họ và tên những người vẫn thường xuyên ăn, ở tại hộ nhưng đã chết sau 0 giờ ngày 01/4/2019 và chưa được ghi tên (nếu có).

Câu Q6: ĐTV đọc tên những người không bị gạch tên trong Câu Q1 và những người có tên trong Câu Q4b và Câu Q5b. Đây là những người theo quy ước được xác định là NKTTTT tại hộ.

Đối với phiếu điện tử: Phiếu sẽ tự động liệt kê danh sách những người là NKTTTT tại hộ.

Câu Q7: ĐTV hỏi để xác định trong số những người là NKTTTT tại hộ, ai là chủ hộ.

Chủ hộ là người am hiểu thông tin của các thành viên khác và được các thành viên khác trong hộ thừa nhận. Chủ hộ có thể trùng hoặc không trùng với chủ hộ được ghi trong sổ hộ khẩu do ngành công an cấp.

Đối với các hộ có bố, mẹ đều do ngành quân đội, công an quản lý và được điều tra theo kế hoạch riêng, chỉ có (các) cháu nhỏ do địa phương điều tra, thì (các) cháu nhỏ cũng được xác định là 01 hộ. Chủ hộ sẽ là cháu lớn tuổi nhất.

Câu Q8: ĐTV hỏi để xác định trong số những người là NKTTTT tại hộ, có bao nhiêu người có hộ khẩu thường trú tại xã/phường/thị trấn này.

Theo Điều 18, Luật Cư trú số 03/VBHN-VPQH ngày 11/7/2013, đăng ký thường trú là việc công dân đăng ký nơi thường trú của mình với cơ quan nhà nước có thẩm quyền và được cơ quan này làm thủ tục đăng ký thường trú, cấp sổ hộ khẩu cho họ.

PHẦN V:
HƯỚNG DẪN CÁCH HỎI VÀ GHI THÔNG TIN NỘI DUNG PHIẾU ĐIỀU TRA

PHẦN 1: THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH VIÊN TRONG HỘ

Phần 1 của Phiếu điều tra gồm 13 câu hỏi, được đánh số thứ tự không liên tục.

Người trả lời là chủ hộ hoặc người am hiểu thông tin về các thành viên hộ. Đối với các thông tin về thành viên hộ, nếu chủ hộ hoặc người cung cấp thông tin không nắm rõ, ĐTV cần gặp trực tiếp ĐTĐT để hỏi và ghi nhận thông tin.

Câu 1: Họ và tên những người là nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ, bắt đầu từ chủ hộ

Thông tin về NKTTTT tại hộ đã được ĐTV hỏi và xác định trong phần đầu của phiếu điều tra, do đó, ĐTV không phải hỏi lại câu này.

ĐTV ghi lại đầy đủ họ và tên (có dấu) của những người không bị gạch tên trong Câu Q1 và những người có tên trong Câu Q4b và Câu Q5b vào các cột tương ứng với Câu 1, bắt đầu từ chủ hộ (người có tên trong Câu Q7).

Nếu hộ phải dùng từ 02 tập phiếu trở lên, chủ hộ được ghi vào cột thứ nhất của tập phiếu thứ nhất. Từ tập phiếu thứ hai trở đi, ĐTV bỏ trống cột đầu tiên và ghi tên các thành viên khác của hộ liên tục vào những cột tiếp theo.

Đối với phiếu điện tử: Tên của các thành viên hộ sẽ được chuyển tự động từ Câu Q1 và Q4b, Q5b sang các cột tương ứng, ĐTV không phải ghi lại tên của các thành viên hộ.

Câu 2: [TÊN] có mối quan hệ thế nào với chủ hộ*?*

Các mối quan hệ với chủ hộ gồm:

- Vợ/chồng: Là người đã được luật pháp hoặc phong tục, tập quán của địa phương thừa nhận là đang có vợ (hoặc có chồng), hoặc đang chung sống với người khác giới như vợ chồng.

Lưu ý: Nếu chủ hộ có từ 02 vợ/chồng trở lên cùng sống chung trong 01 hộ, những người này đều được xác định là vợ/chồng của chủ hộ.

- Con đẻ: Là người do chính chủ hộ sinh ra.

- Cháu nội/ngoại: Là người cháu cùng huyết thống với chủ hộ, do người con đẻ (con trai hay con gái) của chủ hộ sinh ra.

- Bố/mẹ: Là người sinh ra chủ hộ, hoặc bố/mẹ vợ, bố/mẹ chồng của chủ hộ, bố/mẹ nuôi của chủ hộ hoặc vợ/chồng chủ hộ.

- Quan hệ gia đình khác: Là người có quan hệ gia đình, ruột thịt nhưng không phải là vợ/chồng, con đẻ hay bố/mẹ của chủ hộ. Ví dụ: Con nuôi, con riêng của vợ/chồng, ông/bà, anh/chị em ruột, cô/dì/chú/bác, con dâu, con rể,...

- Không quan hệ gia đình: Là người không có quan hệ ruột thịt, hôn nhân, nuôi dưỡng hay gia đình/họ hàng với chủ hộ. Ví dụ: Bạn, người làm thuê, ở trọ, giúp việc gia đình,...

Ví dụ: Một gia đình có 04 người, trong đó có 02 người lớn đều là bộ đội, người con lớn của hai người này 10 tuổi và con thứ hai 05 tuổi. Trường hợp này, ĐTV ghi Câu 2 như sau: người con lớn là "Chủ hộ" và người con thứ 2 là "Quan hệ gia đình khác".

Câu 3: [TÊN] là nam hay nữ?

Đối với những người được phỏng vấn trực tiếp hoặc có mặt ở nhà khi ĐTV tới hộ phỏng vấn, ĐTV có thể dễ dàng xác định người đó là nam hay nữ để đánh dấu vào ô mã thích hợp. Tuy nhiên, đối với các cháu nhỏ và những người đi vắng, ĐTV không được dựa vào "tên đệm" để suy đoán người đó là nam hay nữ, mà phải hỏi chủ hộ.

Đối với những người có hai giới tính, ĐTV căn cứ vào câu trả lời của ĐTĐT để ghi nhận thông tin.

Câu 4: [TÊN] sinh vào tháng, năm dương lịch nào?

Tháng và năm sinh được ghi theo dương lịch và là tháng, năm sinh thực tế. ĐTV không dựa vào bất kỳ một loại giấy tờ nào (giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu,...) để ghi chép về tháng và năm sinh trừ trường hợp ĐTĐT khẳng định tháng và năm sinh của họ hoặc các thành viên hộ giống như giấy tờ mà hộ cung cấp. ĐTV cố gắng khai thác tháng và năm sinh để có đầy đủ thông tin cho các nội dung khác của phiếu hỏi, đặc biệt đối với trẻ em dưới 05 tuổi.

Một số lưu ý khi xác định tháng và năm sinh dương lịch:

- Trường hợp ĐTĐT chỉ nhớ năm sinh theo âm lịch (như năm Bính Tý, Ất Sửu,…), ĐTV phải căn cứ vào "Bảng đối chiếu năm âm lịch và năm dương lịch" tại Phụ lục 4 để chuyển từ năm âm lịch sang năm dương lịch.

Khi dùng "Bảng đối chiếu năm âm lịch và năm dương lịch" để xác định năm sinh theo dương lịch, có thể có sự chênh lệch tới 12 năm (nếu ĐTĐT chỉ nhớ tuổi con

gì), vì thế ĐTV cần phải hỏi thêm "Năm nay [TÊN] khoảng bao nhiêu tuổi?", kết hợp với quan sát diện mạo của ĐTĐT để có thể xác định chính xác năm sinh theo dương lịch của ĐTĐT, tránh nhầm lẫn.

- Tháng dương lịch thường đến trước tháng âm lịch hơn 01 tháng, do đó khi chuyển tháng sinh từ âm lịch sang dương lịch, ĐTV cần lấy tháng sinh theo âm lịch cộng thêm 01. Như vậy, những người sinh từ tháng giêng đến tháng 11 của năm âm lịch sẽ là các tháng từ tháng 02 đến tháng 12 cùng năm. Nếu sinh vào tháng chạp (tháng 12 âm lịch) thì sẽ là tháng 01 dương lịch của năm sau.

- Trường hợp người trả lời không nhớ tháng sinh, ĐTV cần dùng những câu hỏi thăm dò: Sinh vào mùa nào trong năm? Sinh trước hay sau Tết âm lịch, rằm tháng bảy, rằm tháng tám? Sinh trước hay sau ngày giải phóng miền Nam (30/4), ngày Quốc khánh (02/9), ngày sinh của Bác Hồ (19/5)?... để người trả lời hồi tưởng và nhớ được tháng sinh của mình.

Vì thời điểm điều tra là ngày 01/4/2019, những người sinh từ tháng 1 đến tháng 3 trong cùng năm sẽ có cùng cách tính tuổi tròn; những người sinh từ tháng 4 đến tháng 12 trong cùng năm sẽ có cùng cách tính tuổi tròn. Chính vì vậy, trong trường hợp dùng các câu hỏi thăm dò mà ĐTĐT vẫn không nhớ được tháng sinh của mình, ĐTV cố gắng tìm hiểu xem ĐTĐT sinh vào 03 tháng đầu năm hay 09 tháng cuối năm theo dương lịch để chọn ngẫu nhiên 01 tháng nào đó trong 03 tháng đầu năm hoặc 09 tháng cuối năm để ghi vào ô tương ứng.

Sau khi đã đặt thêm những câu hỏi thăm dò mà ĐTĐT vẫn không thể nhớ được tháng sinh, ĐTV ghi mã "98" (***phiếu điện tử*** chọn mã "KXĐ"). Sau đó tiếp tục hỏi năm sinh theo dương lịch của ĐTĐT.

Trường hợp ĐTĐT không nhớ năm sinh, ĐTV ghi mã "9998" (***phiếu điện tử*** chọn mã "KXĐ" hoặc nhập mã "9998").

Câu 5: Hiện nay, [TÊN] bao nhiêu tuổi theo dương lịch?

Câu này chỉ hỏi và ghi cho những người không nhớ được năm sinh nhằm thu thập thông tin về số tuổi tròn theo dương lịch của ĐTĐT. Vì vậy, khi ĐTĐT trả lời về số tuổi của họ, ĐTV phải hỏi thêm "Đó là tuổi theo âm lịch hay dương lịch?". Nếu ĐTĐT trả lời là tuổi theo âm lịch, ĐTV phải trừ đi 01 để có số tuổi theo dương lịch và ghi thông tin vào ô vuông.

Khi ĐTĐT không thể nhớ tuổi của mình, ĐTV có thể tham khảo các hồ sơ, giấy tờ, tài liệu liên quan hoặc trao đổi thêm với các thành viên khác trong hộ để ghi tuổi hoặc phải thăm dò để ước lượng tuổi. Có thể thăm dò bằng cách so sánh tuổi của ĐTĐT với tuổi của một ai đó trong hộ hoặc tuổi của những người xung quanh mà họ đã biết chính xác tuổi của người này.

Nếu các biện pháp thăm dò tuổi không có kết quả, ĐTV phải ước lượng tuổi cho ĐTĐT thông qua việc quan sát ĐTĐT, tức là quan sát diện mạo của ĐTĐT kết hợp với tuổi của các con của ĐTĐT, tuổi của vợ/chồng,... để ước lượng tuổi gần đúng cho ĐTĐT. Lưu ý, đây là biện pháp bất đắc dĩ, chỉ thực hiện khi mọi cố gắng thăm dò tuổi không có kết quả. Không được để trống thông tin ở câu hỏi này.

Câu 6: [TÊN] thuộc dân tộc nào?

Nếu ĐTĐT trả lời là dân tộc khác, ĐTV hỏi và ghi tên dân tộc thường gọi ở địa phương (nhánh dân tộc) và tên gọi của nhóm dân tộc chính vào dòng kẻ liền, đồng thời căn cứ vào "Danh mục các dân tộc Việt Nam" tại Phụ lục 2 để ghi mã số thích hợp. Cách ghi như ví dụ sau: ĐTĐT khai là dân tộc "Triều Châu", ĐTV ghi "Triều Châu (Hoa)" sau đó ghi mã dân tộc là "04".

Một số trường hợp về xác định dân tộc:

- Đối với những người là con đẻ hay con nuôi của hai vợ chồng không cùng dân tộc, dân tộc của người con được xác định theo thoả thuận của bố mẹ. Trường hợp hai bố mẹ không thoả thuận được thì lấy theo dân tộc của người cha (theo quy định của Luật Dân sự).

- Với những dân tộc theo chế độ mẫu hệ, ghi tên dân tộc của người con theo dân tộc của người mẹ.

- Đối với con ngoài giá thú, dân tộc của người con được ghi theo dân tộc của người mẹ. Trường hợp người cha ngoài giá thú thừa nhận đứa trẻ là con của mình và đồng ý khai tên của mình vào giấy khai sinh của người con đó, đồng thời được người mẹ chấp nhận, ĐTV ghi dân tộc của người con theo dân tộc của người cha.

- Đối với người nước ngoài đã nhập quốc tịch Việt Nam, ĐTV ghi tên dân tộc cho người đó theo quốc tịch gốc của họ dưới hình thức phiên âm tiếng Việt. Ví dụ: Niu Gi-lân, Mỹ hay Hoa Kỳ.

Ví dụ: Một người có quốc tịch gốc là người Mỹ, ĐTV ghi "Mỹ" vào ô trống sau đó ghi mã "55" (người nước ngoài).

Câu 7: [TÊN] có theo tôn giáo nào không? NẾU CÓ: Đó là tôn giáo gì?

ĐTV hỏi và để ĐTĐT tự xác định tôn giáo của họ (không quan tâm đến ĐTĐT có phải là tín đồ của tôn giáo đó hay không).

Nếu câu trả lời là "Có", ĐTV hỏi và ghi tên, mã tôn giáo dựa trên "Danh mục tôn giáo" tại Phụ lục 3.

Trường hợp tôn giáo mà ĐTĐT cung cấp không thuộc "Danh mục tôn giáo", ĐTV xác định ĐTĐT đó không theo tôn giáo.

Trường hợp ĐTĐT không chắc chắn có theo tôn giáo nào không hoặc trả lời là "Lương", ĐTV xác định ĐTĐT đó không theo tôn giáo.

Kiểm tra 1 (KT1)

Câu kiểm tra nhằm xác định những người dưới 05 tuổi (sinh sau tháng 3 năm 2014) để hỏi tiếp Câu 8; với những người từ 05 tuổi trở lên (sinh trước tháng 4 năm 2014), ĐTV hỏi tiếp Câu 9.

Đối với những trường hợp có thông tin năm sinh nhưng không có thông tin tháng sinh (tháng sinh ở Câu 4 ghi mã "98"), ĐTV xác định người sinh sau năm 2014 để hỏi tiếp Câu 8; những người sinh từ năm 2014 trở về trước để hỏi tiếp Câu 9.

Câu 8: Hiện nay [TÊN] đã được đăng ký khai sinh chưa?

Câu hỏi này nhằm thu thập thông tin về tình trạng đăng ký khai sinh cho trẻ em dưới 05 tuổi (sinh sau tháng 3 năm 2014).

Đăng ký khai sinh là đăng ký sự kiện sinh cho đứa trẻ mới sinh tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền và phải được tiến hành trong thời hạn luật định kể từ ngày đứa trẻ được sinh ra.

Trường hợp trẻ em đã được gia đình đi đăng ký khai sinh nhưng đang trong thời gian đợi lấy giấy đăng ký khai sinh thì vẫn được tính là đã đăng ký khai sinh.

Câu 14: Hiện nay [TÊN] đang đi học, đã thôi học hay chưa bao giờ đi học?

Tình trạng đi học được xác định căn cứ vào việc ĐTĐT đang/đã từng theo học một chương trình bất kỳ trong Hệ thống giáo dục quốc dân bao gồm các cấp học và trình độ đào tạo quy đổi: mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, sơ cấp, trung cấp (trung cấp nghề/chuyên nghiệp), cao đẳng (cao đẳng nghề/chuyên nghiệp), đại học, thạc sĩ và tiến sĩ.

Nếu chương trình mà ĐTĐT đang theo học không thuộc một trong các cấp học và trình độ đào tạo nói trên thì không được coi là "đang đi học".

ĐTĐT được xác định là "đã thôi học" nếu người đó đã từng tham gia một lớp học thuộc một trong các Hệ thống giáo dục quốc dân của Việt Nam từ trước tới nay bao gồm: Hệ thống giáo dục quốc dân thời Pháp thuộc, Hệ thống giáo dục từ 1945 đến 1954, Hệ thống bổ túc văn hóa, Hệ thống giáo dục miền Bắc, Hệ thống giáo dục hiện nay.

Một số lưu ý:

- Một người không tính là đi học nếu tham gia các khoá học không theo chương trình giáo dục, đào tạo và dạy nghề của Nhà nước như: Học ôn thi đại học, ôn thi tiếng Anh; Học nghề theo dạng thầy truyền nghề; Các lớp do các doanh nghiệp tự mở theo

dạng kèm cặp; Học chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ do cơ quan/ngành tổ chức; Những người đang học chương trình bồi dưỡng lý luận chính trị.

- Một người được tính là đi học nếu tham gia các chương trình giáo dục, đào tạo và dạy nghề của Nhà nước và được cấp các xác nhận, chứng chỉ, văn bằng,... Ví dụ: Người học các lớp đào tạo sơ cấp nghề lái xe để được cấp các loại bằng B1, B2, C, D, E, F thì được xác định là đi học.

- Một người đã hoàn thành một cấp học hoặc chương trình giáo dục, đào tạo và dạy nghề của Nhà nước (hoặc tương đương, ví dụ các chương trình tại nước ngoài) nhưng chưa có quyết định về việc được cấp văn bằng, chứng chỉ hoàn thành cấp học đó thì họ vẫn được tính "đang đi học" tại cấp học/chương trình học đã hoàn thành nhưng chưa được cấp bằng đó. Ví dụ: Đến thời điểm điều tra, ĐTĐT đã thi xong tốt nghiệp Trung học phổ thông và đã biết điểm là đạt, tuy nhiên chưa có giấy xác nhận về việc hoàn thành chương trình Trung học phổ thông thì người này vẫn được tính là đang học Trung học phổ thông.

Câu 15: Trình độ giáo dục, đào tạo [TÊN] đang học là gì?

Câu này chỉ hỏi cho những người đang đi học (Câu 14 chọn mã "1").

- Mầm non: Giáo dục mầm non gồm giáo dục nhà trẻ và giáo dục mẫu giáo, được thực hiện đối với trẻ từ 03 tháng tuổi đến 06 tuổi.

Câu hỏi này hỏi về mầm non dưới 05 tuổi và mầm non 05 tuổi nhằm đánh giá việc thực hiện đề án phổ cập mầm non cho trẻ 05 tuổi. Nếu ĐTĐT mặc dù 05 tuổi nhưng chỉ học lớp mầm non 04 tuổi, ĐTV phải chọn mã 1 "Mầm non dưới 05 tuổi".

- Tiểu học: Thực hiện trong 05 năm học, từ lớp 1 đến hết lớp 5.

- Trung học cơ sở (THCS): Thực hiện trong 04 năm học, từ lớp 6 đến hết lớp 9.

- Trung học phổ thông (THPT): Thực hiện trong 03 năm học, từ lớp 10 đến lớp 12.

- Sơ cấp: Trình độ đào tạo sơ cấp có thời gian đào tạo dưới 01 năm nhằm giúp người học có kỹ năng thực hiện được các công việc đơn giản của một nghề.

- Trung cấp: Các chương trình đào tạo trình độ trung cấp có thời gian đào tạo tối thiểu tương đương 01 năm học tập trung đối với người đã tốt nghiệp THPT; từ 02 đến 03 năm học tập trung (tùy từng ngành, nghề) đối với người đã tốt nghiệp THCS. Trung cấp chuyên nghiệp và trung cấp nghề đều được xếp vào nhóm trung cấp.

- Cao đẳng: Chương trình đào tạo cao đẳng có khối lượng học tập tương đương 02 đến 03 năm học tập trung tùy theo chuyên ngành hoặc nghề đào tạo đối với người

đã tốt nghiệp THPT; từ 01 đến 02 năm học tập trung đối với người đã tốt nghiệp trình độ trung cấp và có bằng tốt nghiệp THPT, hoặc đã học và thi đạt yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Cao đẳng chuyên nghiệp và cao đẳng nghề đều được xếp vào nhóm cao đẳng.

- Đại học: Chương trình đào tạo đại học có thời gian tương đương 03 đến 06 năm học tập trung đối với người tốt nghiệp THPT hoặc người đã tốt nghiệp trình độ trung cấp.

- Thạc sỹ: Thời gian đào tạo trình độ thạc sỹ tương đương 01 đến 02 năm học tập trung tùy theo yêu cầu của ngành đào tạo.

- Tiến sỹ: Thời gian đào tạo trình độ tiến sỹ tương đương 03 đến 04 năm học tập trung tùy theo yêu cầu của ngành đào tạo và trình độ đầu vào của người học.

Lưu ý:

- Trường hợp ĐTĐT đang đi học Trung cấp/Cao đẳng và trong chương trình được dạy bổ sung kiến thức THCS/THPT, trình độ đang học được xác định là Trung cấp/Cao đẳng.

- Trường hợp ĐTĐT vừa học trình độ giáo dục phổ thông vừa học nghề, ưu tiên ghi mã trình độ giáo dục phổ thông. Ví dụ: Một người đang học THPT, đồng thời học sơ cấp nghề điện dân dụng, ĐTV ghi nhận trình độ đang theo học là THPT.

- Nếu ĐTĐT đang theo học các trình độ đều không phải trình độ giáo dục phổ thông, ĐTV ưu tiên chọn mã cao hơn.

Câu 16: Trình độ giáo dục, đào tạo cao nhất [TÊN] đã tốt nghiệp/đạt được là gì?

Câu này hỏi cho những người đã thôi học hoặc đang đi học trình độ từ tiểu học trở lên. ĐTV căn cứ vào giấy tờ có liên quan (bằng cấp cao nhất) hoặc loại chương trình đã hoàn thành để xác định thông tin cho câu hỏi này.

- Trình độ giáo dục, đào tạo cao nhất đã tốt nghiệp: Đã học xong và có bằng đối với trình độ quy định được cấp bằng/chứng chỉ.

Một người đã hoàn thành một cấp học hoặc chương trình giáo dục, đào tạo và dạy nghề của Nhà nước nhưng chưa có quyết định về việc được cấp văn bằng hoàn thành cấp học đó thì họ vẫn được tính "đang đi học" tại cấp học/chương trình học đã hoàn thành nhưng chưa được cấp bằng; bằng cấp cao nhất đạt được là cấp dưới của cấp "đang đi học".

Ví dụ 1: Một người đã bảo vệ xong luận án tiến sĩ nhưng đang trong thời gian chờ xét duyệt để được lấy bằng, chưa có quyết định về việc được cấp bằng tiến sĩ, trình độ cao nhất người đó đã tốt nghiệp là thạc sĩ.

- Trình độ giáo dục, đào tạo cao nhất đã hoàn thành: Đã học xong và không được cấp bằng đối với trình độ quy định không được cấp bằng/chứng chỉ.

Ví dụ 2: Từ năm 2015, học sinh tiểu học sau khi hoàn thành chương trình lớp 5 và được xác nhận vào học bạ "Hoàn thành chương trình tiểu học" được coi là đã đạt trình độ giáo dục tiểu học.

Một số lưu ý về xác định trình độ giáo dục, đào tạo cao nhất như sau:

(1) Dưới tiểu học bao gồm những người: (i) Đã học xong chương trình mầm non nhưng chưa đi học tiểu học; (ii) Đang học chương trình tiểu học; (iii) Mặc dù đã từng đi học nhưng không đạt được (chưa tốt nghiệp) bất kỳ một trình độ nào.

Ví dụ: Một người đang học lớp 5 thì bỏ học, trình độ cao nhất của người đó được xác định là "Dưới tiểu học".

(2) Không được quy đổi các trình độ tương đương đối với các trường hợp sau:

- Cán bộ đi học bồi dưỡng lý luận chính trị như: sơ cấp chính trị, trung cấp chính trị, cao cấp chính trị (vì các trình độ này không nằm trong Hệ thống giáo dục quốc dân).

- Bác sĩ chuyên khoa I, chuyên khoa II, bác sĩ nội trú không được quy đổi tương đương trình độ thạc sĩ hoặc tiến sĩ.

(3) Trường hợp ĐTĐT học tập và lấy bằng tốt nghiệp ở nước ngoài, ĐTV ghi nhận trình độ tương ứng.

(4) Bằng lái xe ô tô hạng B1, B2, C, D, E, F có trình độ sơ cấp.

(5) Nếu ĐTĐT được cấp bằng của các trường tôn giáo theo Hệ thống giáo dục quốc dân, ĐTV ghi nhận trình độ tương ứng.

(6) Trường hợp ĐTĐT vừa có bằng tốt nghiệp THPT (mã 04) vừa có bằng sơ cấp nghề (mã 05) hoặc trung cấp nghề (mã 06), ĐTV ưu tiên chọn mã cao hơn, tức chọn mã "05" hoặc "06".

Kiểm tra 2 (KT2)

Câu kiểm tra nhằm xác định những người có trình độ giáo dục, đào tạo cao nhất đã tốt nghiệp/đạt được là dưới tiểu học (Câu 16=1) để hỏi tiếp Câu 19; với các trường hợp khác (Câu 16 khác mã 1), ĐTV chuyển sang câu kiểm tra 3 (KT3).

Câu 19: Hiện nay, [TÊN] có biết đọc và biết viết không?

Biết đọc và biết viết: Là khả năng đọc và viết được một đoạn văn đơn giản trong sinh hoạt hàng ngày bằng tiếng quốc ngữ, tiếng dân tộc hoặc tiếng nước ngoài.

Nếu ĐTĐT biết đọc nhưng không biết viết, ĐTV ghi thông tin của người này là "Không" biết đọc và biết viết.

Kiểm tra 3 (KT3)

Câu kiểm tra nhằm xác định những người từ 15 tuổi trở lên (sinh trước tháng 4 năm 2004) để hỏi thông tin về tình trạng hôn nhân; với những người dưới 15 tuổi, ĐTV hỏi thông tin chung của người tiếp theo.

Câu 20: Tình trạng hôn nhân hiện nay của [TÊN] là gì?

Câu hỏi này nhằm thu thập thông tin về tình trạng hôn nhân hiện tại (tức là tại thời điểm điều tra vào ngày 01/4/2019) của ĐTĐT. Tình trạng hôn nhân của một người chỉ có thể thuộc một trong năm loại sau đây:

- Chưa vợ/chồng: Là tình trạng của một người chưa từng lấy vợ/chồng hoặc chưa từng chung sống với một người khác giới như vợ chồng.

- Có vợ/chồng: Là tình trạng của một người hiện đang được luật pháp hoặc phong tục, tập quán của địa phương thừa nhận là có vợ/chồng hoặc đang chung sống với người khác giới như vợ chồng.

- Góa vợ/chồng: Là tình trạng của một người có vợ/chồng đã chết và hiện tại chưa tái kết hôn.

- Ly hôn: Là tình trạng của một người đã từng có vợ/chồng, nhưng hiện tại đã ly hôn (đã được tòa án phán quyết) và hiện tại chưa tái kết hôn.

- Ly thân: Là tình trạng của một người trên pháp lý hoặc phong tục, tập quán của địa phương thừa nhận họ vẫn đang có vợ/chồng tuy nhiên hiện tại họ không sống với vợ/chồng như vợ chồng.

ĐTV căn cứ vào câu trả lời của ĐTĐT để xác định tình trạng hôn nhân hiện tại của ĐTĐT.

Lưu ý: Cần phân biệt giữa những người sống ly thân và những người sống xa vợ/chồng vì lý do như đi công tác, làm ăn xa nhà (thậm chí đang làm việc ở nước ngoài) trong một thời gian dài. Những người này vẫn thuộc tình trạng "Có vợ/chồng".

Kiểm tra 4 (KT4)

Câu kiểm tra nhằm xác định những người từ 15 đến 39 tuổi (sinh từ tháng 4 năm 1979 đến tháng 3 năm 2004) để hỏi tiếp Câu 21; còn lại với những người từ 40 tuổi trở lên, ĐTV hỏi Câu 23.

Trường hợp không xác định được tháng sinh (tháng sinh ở Câu 4 ghi "98"), ĐTV hỏi tiếp Câu 21 cho những người sinh từ năm 1980 đến năm 2004.

PHẦN 3: THÔNG TIN VỀ NHÀ Ở

ĐTV thu thập các thông tin về tình hình nhà ở của hộ. Không thu thập thông tin về nhà ở đối với các nhân khẩu đặc thù.

Câu 50: Hộ ông/bà có nhà ở hay không?

ĐTV quan sát để xác định hộ có nhà ở hay không (không phân biệt có hay không có quyền sở hữu). Trong trường hợp không quan sát được hoặc quan sát nhưng không biết rõ, ĐTV hỏi ĐTĐT để xác định thông tin của Câu 50.

Hộ được xác định là có nhà ở nếu hộ ở trong một công trình xây dựng gồm có 03 bộ phận: tường, mái và sàn. Trường hợp nơi ở của hộ là nhà bè ở trên sông, hồ có đầy đủ 03 bộ phận: tường, mái và sàn thì được coi là hộ có nhà ở.

Trường hợp hộ đang ở lán tạm do hộ đang trong giai đoạn xây dựng nhà, ĐTV xác định tình trạng nhà ở của hộ là "Không, đang xây dựng và ở lán tạm".

Câu 51: Hộ ông/bà có đang ở chung với (các) hộ khác trong cùng ngôi nhà/căn hộ này không?

Một hộ được coi là ở chung nhà với hộ khác khi ngôi nhà/căn hộ mà họ ở không bảo đảm tiêu chuẩn riêng biệt và độc lập về mặt cấu trúc, có sử dụng chung một phần diện tích ở như phòng khách, khu phụ, lối ra vào,...

Câu 52: Hộ ông/bà có phải là hộ đại diện không?

Câu hỏi này nhằm xác định 01 hộ trong số những hộ sống chung trong ngôi nhà/căn hộ sẽ trả lời các thông tin chi tiết về nhà ở trong các câu hỏi tiếp theo.

- Hộ đại diện: Hộ đại diện thường là hộ của người chủ sở hữu hoặc được ủy quyền quản lý chung ngôi nhà/căn hộ đang ở hoặc được các hộ khác ở cùng ngôi nhà/căn hộ đó công nhận.

- Hộ không đại diện: Đối với các hộ không phải hộ đại diện, ĐTV hỏi tên của hộ đại diện và ghi tên vào dòng kẻ liền, ghi mã "HỘ SỐ" của hộ đại diện vào 03 ô vuông to bên cạnh. Mã "HỘ SỐ" của hộ đại diện được lấy từ Bảng kê hộ (ĐTV rà soát tên của chủ hộ đại diện với tên trong Bảng kê hộ, đảm bảo số thứ tự nhà của hộ đại diện và hộ không đại diện là cùng số thứ tự nhà).

Câu 53: Ngôi nhà/căn hộ mà hộ ông/bà đang ở là nhà chung cư hay nhà riêng lẻ? Ngôi nhà/căn hộ này có bao nhiêu phòng ngủ riêng biệt?

- Nhà chung cư: Là nhà ở có từ 02 tầng trở lên, có nhiều căn hộ, có lối đi, cầu thang chung, có hệ thống công trình hạ tầng sử dụng chung; nhà chung cư gồm nhà chung cư được xây dựng với mục đích để ở và nhà chung cư được xây dựng có mục đích sử dụng hỗn hợp (để ở và kinh doanh).

- Nhà riêng lẻ: Là ngôi nhà được xây dựng dùng để ở trên một khuôn viên độc lập với nhau, có tường riêng, lối đi riêng. Những ngôi nhà 01 tầng chung móng, chung tường cũng được tính là nhà riêng lẻ.

- Phòng ngủ riêng biệt: Là phòng được ngăn, che kín đáo, tạo không gian độc lập với các phòng khác bằng tường, vách ngăn cố định, có tường cao ít nhất 2,1 m và diện tích sàn tối thiểu 4 m^2, được sử dụng để ngủ.

Đối với những không gian được ngăn, che bằng ri đô di động hoặc các vật dụng có thể di chuyển,... được sử dụng để ngủ, không được tính là phòng ngủ.

Lưu ý: Phòng ngủ cần đảm bảo 03 tiêu chí: phòng có vách ngăn cố định xung quanh; tường cao ít nhất 2,1 m; diện tích sàn tối thiểu 4 m^2 (có thể có cánh/khung cửa ra vào hoặc không).

Câu 54: Tổng diện tích sử dụng để ở của ngôi nhà/căn hộ này là bao nhiêu mét vuông?

ĐTV hỏi để xác định tổng diện tích thực tế sử dụng để ở của ngôi nhà/căn hộ, không căn cứ vào tổng diện tích trên giấy tờ, sổ sách.

- Đối với căn hộ chung cư: Là tổng diện tích sàn xây dựng sử dụng để ở của hộ (bao gồm: diện tích sàn có tường ngăn các phòng bên trong căn hộ và diện tích ban công, lô gia (nếu có) gắn liền với căn hộ đó; không tính tường bao ngôi nhà, tường phân chia các căn hộ, diện tích sàn có cột, hộp kỹ thuật nằm bên trong căn hộ), không tính diện tích sử dụng chung cho các hộ trong nhà chung cư như: diện tích cầu thang, lối đi, hành lang chung, phòng bảo vệ, phòng văn hóa,...

- Đối với nhà riêng lẻ (bao gồm nhà biệt thự): Là tổng diện tích sử dụng để ở của hộ, bao gồm diện tích các phòng ngủ, phòng tiếp khách, phòng đọc sách, giải trí,...; không bao gồm các công trình xây dựng riêng lẻ trong khuôn viên nhà ở của hộ như: chuồng trại chăn nuôi, nhà bếp, nhà vệ sinh, nhà kho được xây dựng riêng biệt,...

+ Đối với nhà ở một tầng: Tổng diện tích sử dụng để ở là tổng diện tích nền nhà tính cả tường (phần có trần, mái che) của ngôi nhà đó; trường hợp có tường, khung cột chung (với ngôi nhà khác hoặc với khu sinh hoạt chung của các ngôi nhà xung quanh), chỉ tính 1/2 diện tích mặt bằng của tường, khung cột chung đó.

+ Đối với nhà nhiều tầng: Tổng diện tích sử dụng để ở là tổng diện tích của các tầng; trường hợp có tường, khung cột chung (với ngôi nhà khác hoặc với khu sinh hoạt chung của các ngôi nhà xung quanh) ở các tầng, chỉ tính 1/2 diện tích mặt bằng của tường, khung cột chung đó.

+ Phần sàn và gầm sàn nhà không được bao che và không được sử dụng để ở thì không tính diện tích. Trường hợp phần gầm sàn nhà cao từ 2,1 m trở lên, có diện tích tối thiểu là 4 m^2, có bao che và được sử dụng để ở thì được tính diện tích. ĐTV hỏi kết hợp với quan sát để ghi phần diện tích (m^2) vào ô trống.

Lưu ý: Trường hợp gác xép được tính diện tích khi cao từ 2,1 m trở lên, có diện tích tối thiểu là 4 m^2 và được sử dụng để ở.

Một số lưu ý trong xác định tổng diện tích sử dụng của ngôi nhà/căn hộ:

- Nếu hộ không biết hoặc không xác định được diện tích sử dụng của ngôi nhà/căn hộ, ĐTV phải ước để ghi thông tin. ĐTV ước lượng bằng cách: Đếm số hàng gạch (nếu sàn nhà lát gạch vuông) của chiều dài và chiều rộng để tính diện tích; đo bước chân hoặc sử dụng dây hay cây/que để đo chiều dài và chiều rộng để tính diện tích.

- Trường hợp hộ thường xuyên ăn, ở trong 02 ngôi nhà trở lên cùng khuôn viên, diện tích sử dụng để ở bằng tổng diện tích của các ngôi nhà này.

- Trường hợp nhà riêng lẻ có nhiều hộ cùng cư trú:

+ Nếu xác định được hộ đại diện, diện tích sử dụng để ở của toàn bộ ngôi nhà được tính cho hộ đại diện.

+ Nếu không xác định được hộ đại diện, diện tích sử dụng để ở được tính cho từng hộ. Trong đó, không tính các diện tích sử dụng chung.

- Trường hợp ngôi nhà/căn hộ có tổng diện tích sử dụng từ 1000 m^2 trở lên, ĐTV ghi 999 m^2.

Ví dụ: Một ngôi nhà 4 tầng, diện tích sàn mỗi tầng là 40 m^2 và được xây từ tầng 1 đến tầng 4; riêng tầng 4 chỉ xây 1 phòng 15 m^2 để làm phòng thờ, phần còn lại được quây lưới thép chắc chắn bao quanh và dùng để giặt, phơi quần áo. Tổng diện tích sử dụng của ngôi nhà là: 40 x 3 + 15 = 135 m^2.

Câu 55: Vật liệu chính làm cột (hoặc trụ, hoặc tường chịu lực) của ngôi nhà/căn hộ này là gì?

Cột (hoặc trụ, hoặc tường chịu lực) là cấu kiện được xây dựng để đỡ mái (hoặc trần, hoặc dầm).

Việc xác định chất lượng của các loại gỗ dùng làm cột (hoặc trụ, hoặc tường chịu lực) căn cứ theo cách phân loại nhóm gỗ hiện hành của Việt Nam, trong đó gỗ bền chắc là các loại gỗ thuộc nhóm I, II, III, IV, V; gỗ tạp, không bền chắc là các loại gỗ thuộc nhóm VI, VII và VIII hoặc là các cây gỗ non, có đường kính nhỏ hơn 10 cm. Chi tiết về các loại gỗ được trình bày trong "Bảng phân loại tạm thời các loại gỗ sử dụng thống nhất trong cả nước" tại Phụ lục 11.

Một số vật liệu làm cột được quy định là vật liệu bền chắc, gồm: bê tông cốt thép, gạch/đá, sắt/thép/gỗ bền chắc.

Một số vật liệu làm cột được quy định là vật liệu tạm, gồm: gỗ tạp/tre, đất,...

Trường hợp hộ thường xuyên ăn, ở trong 02 ngôi nhà trở lên cùng khuôn viên, vật liệu chính làm cột được tính cho ngôi nhà chính.

Câu 56: Vật liệu chính làm mái của ngôi nhà/căn hộ này là gì?

ĐTV hỏi kết hợp với quan sát để xác định thông tin đúng cho Câu 56.

Mái nhà là bộ phận nằm trên cùng của ngôi nhà, để bảo vệ công trình nhà ở theo hướng từ trên xuống dưới (che mưa, che nắng, cách nhiệt, giữ nhiệt, chống thấm - chức năng bao che) và liên kết với các bộ phận tường, cột, dầm, giằng của công trình nhà ở, tạo nên sự ổn định chung cho toàn công trình (chức năng chịu lực).

Một số vật liệu làm mái được quy định là vật liệu bền chắc, gồm: bê tông cốt thép, ngói.

Một số vật liệu làm mái được quy định là vật liệu tạm, gồm: tấm lợp (phibrôximăng, nhựa lấy sáng loại mỏng, tôn), lá/rơm rạ/giấy dầu hoặc vật liệu khác.

Trường hợp mái bằng tôn lợp giả ngói, tôn lạnh, tôn cách nhiệt, tôn cán sóng và có kết cấu đỡ chắc chắn (*khung sắt, gỗ...*) liên kết bền chặt với tường xây, cột bê tông cốt thép thì mái tôn trong trường hợp này được coi là vật liệu bền chắc.

Trường hợp ngôi nhà có 02 hoặc nhiều lớp mái (các lớp mái chống nóng, chống thấm dột,...), ĐTV hỏi để xác định vật liệu chính của mái được xây dựng để bảo vệ công trình; không tính các vật liệu chống nóng, chống dột là vật liệu chính của mái.

Trường hợp ngôi nhà xây kiên cố từ 01 tầng trở lên, mái của tầng một (tầng trệt) làm bằng bê tông, tầng thượng trên cùng đổ cột, xây tường bao, trên lợp mái tôn, phibrôximăng, tấm nhựa, trần thạch cao,... và tầng thượng hộ dùng để ăn, ở, sinh hoạt, ĐTV xác định vật liệu chính làm mái của ngôi nhà này là mái bê tông.

Trường hợp hộ thường xuyên ăn, ở trong 02 ngôi nhà trở lên cùng khuôn viên, vật liệu chính làm mái được tính cho ngôi nhà chính.

Câu 57: Vật liệu chính làm tường hoặc bao che của ngôi nhà/căn hộ này là gì?

ĐTV hỏi kết hợp với quan sát để xác định thông tin đúng cho Câu 57.

Tường là một trong những bộ phận cấu tạo chính đảm nhận chức năng bao che, ngăn chia không gian, chịu lực trên mặt đất của nhà. Đây cũng là cấu kiện giúp phân biệt không gian trong và bên ngoài nhà, giữa phòng này và phòng khác. Tường cũng làm chức năng chịu lực, đỡ tải trọng, mái truyền xuống móng.

Vật liệu làm tường được coi là bền chắc nếu được làm bằng bê tông cốt thép, gạch/đá, gỗ, kim loại.

Vật liệu làm tường được coi là tạm nếu được làm từ đất, vôi/rơm, phiên/ liếp/ván ép hoặc vật liệu khác.

Trường hợp hộ thường xuyên ăn, ở trong 02 ngôi nhà trở lên cùng khuôn viên, vật liệu chính làm tường hoặc bao che được tính cho ngôi nhà chính.

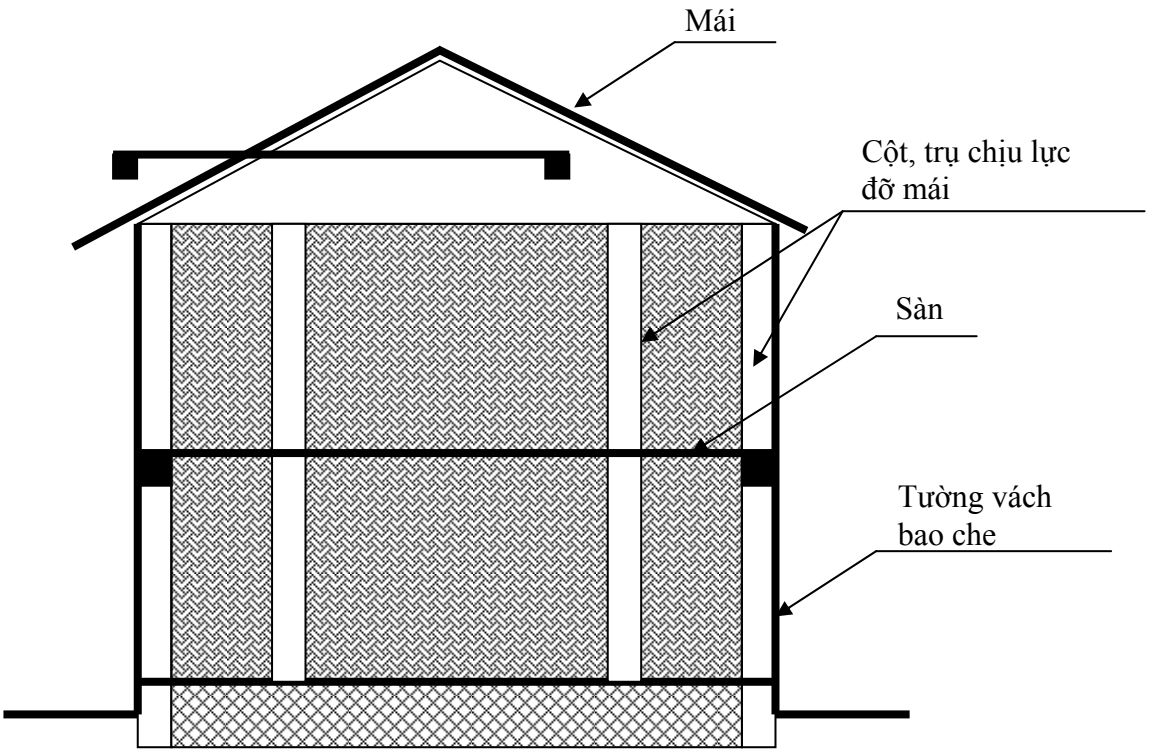
Mái
Cột, trụ chịu lực
đỡ mái
Sàn
Tường vách
bao che

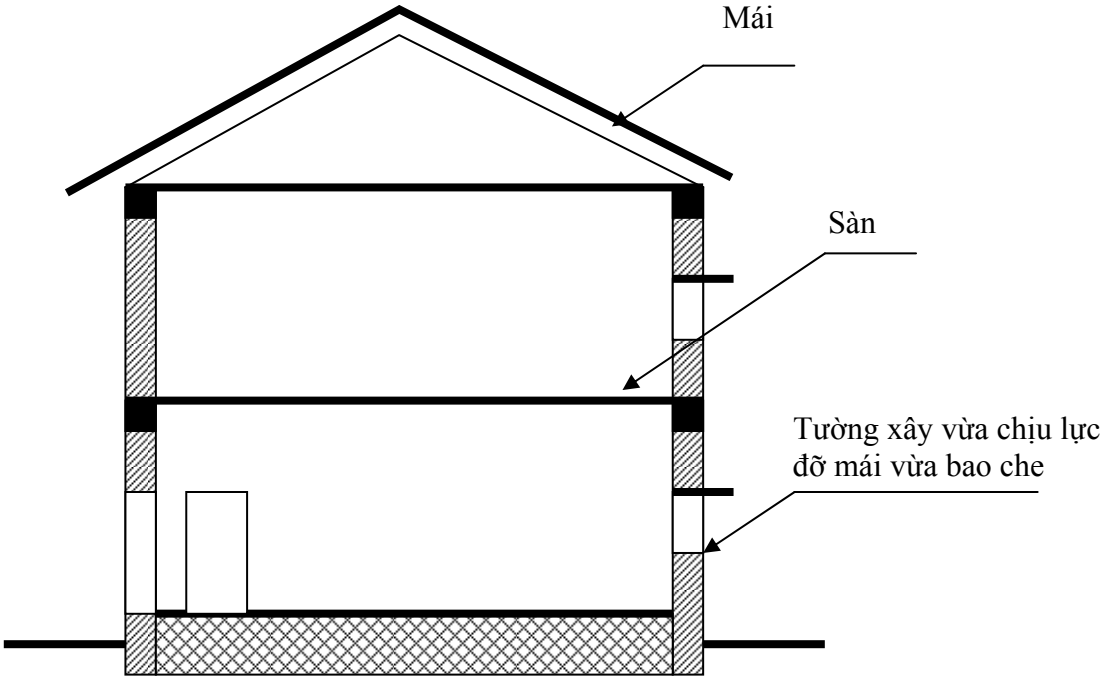
Mái
Sàn
Tường xây vừa chịu lực
đỡ mái vừa bao che

Câu 58: Ngôi nhà/căn hộ này được sử dụng từ năm nào?

ĐTV ghi năm mà ngôi nhà được hoàn thiện và lần đầu đưa vào sử dụng. Trường hợp nhà ở của hộ bao gồm nhiều phần, mỗi phần được hoàn thiện và bắt đầu dùng để ở vào các năm khác nhau, ĐTV chỉ ghi năm mà bộ phận chính (có diện tích lớn nhất) của ngôi nhà đó được xây dựng xong và lần đầu đưa vào sử dụng để ở.

Trường hợp chủ hộ không nhớ ngôi nhà được đưa vào sử dụng năm nào, ĐTV chọn mã "Không xác định".

Với những ngôi nhà sửa chữa lại: Nếu sửa chữa lớn làm thay đổi kết cấu ngôi nhà, ghi năm sửa lại; nếu sửa chữa nhỏ, ghi năm sửa chữa lớn gần đây nhất hoặc năm sử dụng lần đầu (trường hợp chưa bao giờ sửa chữa lớn).

Ví dụ: Một ngôi nhà được xây năm 1990 và lợp mái ngói. Năm 2000, ngôi nhà được dỡ mái ngói, cải tạo để đổ trần bê tông và xây thêm 01 tầng. Năm 2005, ngôi nhà được cải tạo và xây thêm 1 tầng nữa. Trường hợp này, ĐTV ghi năm sử dụng của ngôi nhà là năm 2000 vì đây là năm thay đổi kết cấu lớn nhất của ngôi nhà.

Số điện thoại của hộ

Sau khi hoàn thiện Câu 58, ĐTV hỏi số điện thoại di động của chủ hộ (hoặc người lớn am hiểu về các thành viên trong hộ) hoặc số điện thoại cố định của hộ (bao gồm cả mã vùng) để liên hệ trong trường hợp cần hỏi lại một số thông tin của phiếu điều tra.

Kiểm tra lại toàn bộ thông tin phiếu điều tra

ĐTV kiểm tra lại các thông tin trong phiếu, bao gồm thông tin của từng thành viên hộ để đảm bảo các câu trả lời đã được ghi một cách chính xác, đầy đủ.

- Đối với phiếu giấy:

+ Kiểm tra câu trả lời của từng câu hỏi, bảo đảm thực hiện đúng bước chuyển và không bỏ sót cũng như không ghi thừa câu hỏi nào. Trong trường hợp cần thiết, ĐTV cần hỏi lại hộ để xác minh hoặc bổ sung các thông tin còn thiếu.

+ Kiểm tra tính logic trong thông tin trả lời của từng thành viên và giữa các thành viên hộ về những nội dung có liên quan như:

++ Mẹ đẻ thường phải hơn người con đầu ít nhất 13 tuổi, vì ở Việt Nam, người phụ nữ hầu như không có khả năng sinh con trước độ tuổi 13.

++ Một người mới 9 tuổi không thể học lớp 7 vì thông thường một đứa trẻ bắt đầu đi học lớp 1 khi 6 tuổi. Một người đã đạt được trình độ đại học thường phải trên 20 tuổi,...

- Đối với phiếu điện tử: Kiểm tra các thông tin còn thiếu do thành viên hộ đi vắng (nếu có) và hẹn hộ thời gian quay lại hoặc hẹn thời gian sẽ gọi điện thoại trực tiếp cho ĐTĐT để bổ sung thông tin.

Sau khi hoàn thành công việc kiểm tra phiếu điều tra tại hộ, ĐTV cảm ơn chủ hộ và các thành viên hộ đã cộng tác, giúp đỡ mình hoàn thành nhiệm vụ và di chuyển qua phỏng vấn hộ tiếp theo.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Lời giới thiệu của điều tra viên thống kê

GIỚI THIỆU VỀ THU THẬP THÔNG TIN
TỔNG ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở NĂM 2019

Xin chào Ông/Bà, tôi tên là ……., là điều tra viên thống kê được giao nhiệm vụ thu thập thông tin cho Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 tại hộ Ông/Bà.

Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 là cuộc Tổng điều tra quốc gia được quy định trong Luật Thống kê và được Thủ tướng Chính phủ yêu cầu thực hiện nhằm đánh giá tình hình và xây dựng chiến lược, chính sách phát triển đất nước.

Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 sẽ hỏi Ông/Bà một số thông tin chung về các thành viên hộ (như tên, tuổi, trình độ giáo dục,…) và tình hình nhà ở của hộ. Thông tin do hộ Ông/Bà cung cấp sẽ được ghi vào máy điện thoại này để lưu giữ và tổng hợp chung cho cả nước. Các thông tin này sẽ được tuyệt đối giữ kín và chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu chính sách như đã nêu trên.

Cuộc trao đổi với hộ Ông/Bà sẽ được thực hiện trong khoảng... phút. Rất mong Ông/Bà hợp tác cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác cho Tổng điều tra dân số và nhà ở./.

Phụ lục 2: Danh mục dân tộc

DANH MỤC CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM

Mã số	Tên dân tộc	Một số tên gọi khác	Địa bàn cư trú chính
01	**Kinh**	Kinh (Việt)	Trên cả nước.
02	**Tày**	Thổ, Ngạn, Phén, Thù Lao, Pa Dí...	Lạng Sơn, Cao Bằng, Tuyên Quang, Hà Giang, Bắc Kạn, Yên Bái, Thái Nguyên, Lào Cai, Đắk Lắk, Bắc Giang, Quảng Ninh, Hòa Bình, Lâm Đồng,...
03	**Thái**	Tày Khao* hoặc Đón (Thái Trắng*), Tày Đăm* (Thái Đen*), Tày Mười, Tày Thanh (Mán Thanh), Hàng Tổng (Tày Mường), Pa Thay, Thổ Đà Bắc, Tày Dọ**, Tay**...	Sơn La, Nghệ An, Thanh Hoá, Điện Biên, Lai Châu, Yên Bái, Hoà Bình, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng,...
04	**Hoa**	Triều Châu, Phúc Kiến, Quảng Đông, Quảng Tây**, Hải Nam, Hạ*, Xạ Phạng*, Xìa Phống**, Thảng Nhằm**, Minh Hương**, Hẹ**, Sang Phang**...	TP Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Sóc Trăng, Kiên Giang, Bạc Liêu, Bắc Giang, Cần Thơ, Lâm Đồng, Bình Dương, An Giang, Bình Thuận, Bà Rịa - Vũng Tàu,...
05	**Khmer**	Cul, Cur, Cu, Thổ, Việt gốc Miên, Khơ Me, Krôm...	Sóc Trăng, Trà Vinh, Kiên Giang, An Giang, Bạc Liêu, Cà Mau, Vĩnh Long, Cần Thơ, Hậu Giang, Bình Phước, Tây Ninh, TP Hồ Chí Minh,...
06	**Mường**	Mol (Mual, Mon**, Moan**), Mọi* (1), Mọi Bi, Ao Tá (Ậu Tá)...	Hoà Bình, Thanh Hóa, Phú Thọ, Sơn La, Hà Nội (Hà Tây), Ninh Bình, Yên Bái, Đắk Lắk, Đồng Nai, Gia Lai,...
07	**Nùng**	Nùng Xuồng, Nùng Giang, Nùng An, Nùng Inh**, Nùng Phàn Slinh, Nùng Cháo, Nùng Lòi, Nùng Quy Rin, Nùng Dín**, Khèn Lài, Nồng**…	Lạng Sơn, Cao Bằng, Bắc Giang, Hà Giang, Thái Nguyên, Đắk Lắk, Bắc Kạn, Lào Cai, Lâm Đồng, Đắk Nông, Bình Phước, Đồng Nai, Yên Bái,...
08	**Mông**	Mèo, Hoa, Mèo Xanh, Mèo Đỏ, Mèo Đen, Ná Mẻo (Na Miẻo), Mán Trắng, Miếu Ha**...	Hà Giang, Điện Biên, Sơn La, Lào Cai, Yên Bái, Cao Bằng, Nghệ An, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Thanh Hóa, Đắk Lắk,...

Mã số	Tên dân tộc	Một số tên gọi khác	Địa bàn cư trú chính
09	**Dao**	Mán, Động*, Trại*, Xá*, Dìu*, Miên*, Kiềm*, Miền*, Dao Quần Trắng, Dao Đỏ, Dao Quần Chẹt, Dao Lô Gang, Dao Tiền, Dao Thanh Y, Dao Lan Tẻn, Đại Bản*, Tiểu Bản*, Cóc Ngáng*, Cóc Mùn*, Sơn Đầu*, Kìm Miền**, Kìm Mùn** …	Hà Giang, Tuyên Quang, Lào Cai, Yên Bái, Quảng Ninh, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lai Châu, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Sơn La, Hòa Bình, Phú Thọ, Đắk Lắk, Đắk Nông,...
10	**Gia Rai**	Giơ Rai, Tơ Buăn, Chơ Rai, Hđrung (Hbau, Chor), Aráp**, Mthur**…	Gia Lai, Kon Tum, Đắk Lắk, Bình Thuận,...
11	**Ngái**	Xín, Lê, Đản, Khách Gia*, Ngái Hắc Cá**, Ngái Lầu Mần**, Hẹ**, Xuyến**, Sán Ngải**...	An Giang, Thái Nguyên, Thái Bình, TP Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Trà Vinh, Đồng Tháp, Bình Thuận, Hà Nam,...
12	**Ê Đê**	Ra Đê, Ê Đê Êgar**, Đê, Kpa, A Đham, Krung, Ktul, Đliê Hruê, Blô, Kah**, Kdrao**, Dong Kay**, Dong Mak**, Ening**, Arul**, Hwing**, Ktlê**, Êpan, Mđhur (2), Bih, …	Đắk Lắk, Phú Yên, Đắk Nông, Khánh Hoà,...
13	**Ba Na**	Gơ Lar, Tơ Lô, Giơ Lâng, (Y Lăng), Rơ ngao, Krem, Roh, ConKđe, A La Công, Kpăng Công, Bơ Nâm...	Gia Lai, Kon Tum, Bình Định, Phú Yên, Đắk Lắk,...
14	**Xơ Đăng**	Xơ Teng, Hđang, Tơ Đra, Mơ Nâm, Ha Lăng, Ca Dong, Kmrâng*, Con Lan, Bri La, Tang*, Tà Trĩ**, Châu**...	Kon Tum, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Đắk Lắk, Gia Lai,...
15	**Sán Chay**	Cao Lan*, Mán Cao Lan*, Hờn Bạn, Sán Chỉ* (còn gọi là Sơn tử* và không bao gồm nhóm Sán Chỉ ở Bảo Lạc và Chợ Rạ), Chùng**, Trại**…	Tuyên Quang, Thái Nguyên, Bắc Giang, Quảng Ninh, Yên Bái, Cao Bằng, Lạng Sơn, Đắk Lắk, Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Bắc Kạn,…
16	**Cơ Ho**	Xrê, Nốp (Tu Lốp), Cơ Don, Chil, (3), Lat (Lach), Tơ Ring...	Lâm Đồng, Bình Thuận, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Đồng Nai,...

Mã số	Tên dân tộc	Một số tên gọi khác	Địa bàn cư trú chính
17	**Chăm**	Chàm, Chiêm**, Chiêm Thành, Chăm Pa**, Chăm Hroi, Chăm Pông**, Chà Và Ku**, Chăm Châu Đốc** ...	Ninh Thuận, Bình Thuận, Phú Yên, An Giang, TP Hồ Chí Minh, Bình Định, Tây Ninh,...
18	**Sán Dìu**	Sán Dẻo*, Sán Déo Nhín** (Sơn Dao Nhân**), Trại, Trại Đất, Mán Quần Cộc, Mán Váy Xẻ**...	Thái Nguyên, Vĩnh Phúc, Bắc Giang, Quảng Ninh, Tuyên Quang, Hải Dương, Đồng Nai, Đắk Lắk…
19	**Hrê**	ChămRê, Mọi Chom, Krẹ*, Luỹ*, Thượng Ba Tơ**, Mọi Lũy**, Mọi Sơn Phòng**, Mọi Đá Vách**, Chăm Quảng Ngãi**, Man Thạch Bích**...	Quảng Ngãi, Bình Định, Kon Tum, Đắk Lắk, Gia Lai,...
20	**Mnông**	Pnông, Mnông Nông, Mnông Pré, Mnông Bu đâng, ĐiPri*, Biat*, Mnông Gar, Mnông Rơ Lam, Mnông Chil (3), Mnông Kuênh**, Mnông Díp**, Mnông Bu Nor**, Mnông Bu Đêh**...	Đắk Lắk, Đắk Nông, Quảng Nam, Lâm Đồng, Bình Phước,...
21	**Raglay**	Ra Clây*, Rai, La Oang, Noang...	Ninh Thuận, Khánh Hòa, Bình Thuận, Lâm Đồng,...
22	**Xtiêng**	Xa Điêng, Xa Chiêng**, Bù Lơ**, Bù Đek** (Bù Đêh**), Bù Biêk**...	Bình Phước, Tây Ninh, Đồng Nai, Lâm Đồng,...
23	**Bru Vân Kiều**	Măng Coong, Tri Khùa...	Quảng Trị, Quảng Bình, Đắk Lắk, Thừa Thiên - Huế,...
24	**Thổ** (4)	Người Nhà Làng**, Mường**, Kẹo, Mọn, Cuối, Họ, Đan Lai, Ly Hà, Tày Pọng, Con Kha, Xá Lá Vàng (5)...	Nghệ An, Thanh Hóa, Lâm Đồng, Đồng Nai, Điện Biên, Đắk Lắk, Phú Thọ, Sơn La,...
25	**Giáy**	Nhắng, Dẩng*, Pầu Thìn*, Pu Nà*, Cùi Chu* (6), Xa*, Giảng**...	Lào Cai, Hà Giang, Lai Châu, Yên Bái,...
26	**Cơ Tu**	Ca Tu, Cao*, Hạ*, Phương*, Ca Tang*(7)...	Quảng Nam, Thừa Thiên - Huế, Đà Nẵng,...

Mã số	Tên dân tộc	Một số tên gọi khác	Địa bàn cư trú chính
27	**Gié Triêng**	Đgiéh*, Ta Riêng*, Ve (Veh)*, Giang Rẫy Pin, Triêng, Treng*, Ca Tang (7), La Ve, Bnoong (Mnoong)**, Cà Tang*…	Kon Tum, Quảng Nam,...
28	**Mạ**	Châu Mạ, Chô Mạ**, Chê Mạ**, Mạ Ngăn, Mạ Xóp, Mạ Tô, Mạ Krung…	Lâm Đồng, Đắk Nông, Đồng Nai, Bình Phước,...
29	**Khơ mú**	Xá Cẩu, Khạ Klẩu**, Măng Cẩu**, Mứn Xen, Pu thênh, Tềnh, Tày Hay, Kmụ**, Kưm Mụ**...	Nghệ An, Điện Biên, Sơn La, Lai Châu, Yên Bái, Thanh Hóa,...
30	**Co**	Cor, Col, Cùa, Trầu	Quảng Ngãi, Quảng Nam,...
31	**Tà Ôi**	Tôi Ôi, Pa Co, Pa Hi (Ba Hi), Kan Tua**, Tà Uốt**...	Thừa Thiên - Huế, Quảng Trị,...
32	**Chơ Ro**	Dơ Ro, Châu Ro, Chro**, Thượng**...	Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Thuận,...
33	**Kháng**	Xá Khao*, Xá Súa*, Xá Dón*, Xá Dẳng*, Xá Hốc*, Xá Ái*, Xá Bung*, Quảng Lâm*, Mơ Kháng**, Háng**, Brển**, Kháng Dẳng**, Kháng Hoặc**, Kháng Dón**, Kháng Súa**, Bủ Háng Cọi**, Ma Háng Bén**...	Sơn La, Điện Biên, Lai Châu,...
34	**Xinh Mun**	Puộc, Pụa*, Xá**, Pnạ**, Xinh Mun Dạ**, Nghẹt**...	Sơn La, Điện Biên,...
35	**Hà Nhì**	Hà Nhì Già**, U Ni, Xá U Ni, Hà Nhì Cồ Chồ**, Hà Nhì La Mí**, Hà Nhì Đen**...	Lai Châu, Điện Biên, Lào Cai,...
36	**Chu Ru**	Chơ Ru, Chu*, Kru**, Thượng**	Lâm Đồng, Ninh Thuận,...
37	**Lào**	Lào Bốc (Lào Cạn**), Lào Nọi (Lào Nhỏ**), Phu Thay**, Phu Lào**, Thay Duồn**, Thay**, Thay Nhuồn**...	Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Đắk Lắk,...

Mã số	Tên dân tộc	Một số tên gọi khác	Địa bàn cư trú chính
38	**La Chí**	Cù Tê, La Quả*, Thổ Đen**, Mán**, Xá**...	Hà Giang, Lào Cai,...
39	**La Ha**	Xá Khao*, Khlá Phlạo (La Ha Cạn), La Ha Nước (La Ha Ủng), Xá Cha**, Xá Bung**, Xá Khao**, Xá Táu Nhạ**, Xá Poọng**, Xá Uống**, Bủ Hả**, Pụa**...	Sơn La, Lai Châu,...
40	**Phù Lá**	Bồ Khô Pạ (Phù Lá Lão**), Mu Di*, Pạ Xá*, Phó, Phổ*, Vaxơ, Cần Thin**, Phù Lá Đen**, Phù La Hán**...	Lào Cai, Yên Bái, Hà Giang, Điện Biên,...
41	**La Hủ**	Lao*, Pu Đang Khù Xung, Cò Xung, Khả Quy, Cọ Sọ**, Nê Thú**, La Hủ Na (Đen), La Hủ Sử (Vàng), La Hủ Phung (Trắng), Xá Lá Vàng**...	Lai Châu,...
42	**Lự**	Lừ, Nhuồn (Duôn), Mùn Di*, Thay**, Thay Lừ**, Phù Lừ**, Lự Đen (Lự Đăm)**, Lự Trắng**...	Lai Châu, Lâm Đồng,...
43	**Lô Lô**	Sách*, Mây*, Rục*, Mun Di**, Di**, Màn Di**, Qua La**, Ô Man**, Lu Lộc Màn**, Lô Lô Hoa**, Lô Lô Đen**...	Cao Bằng, Hà Giang, Lai Châu,...
44	**Chứt**	Mã Liêng*, A Rem, Tu Vang*, Pa Leng*, Xơ Lang*, Tơ Hung*, Chà Củi*, Tắc Củi*, U Mo*, Xá Lá Vàng*, Rục**, Sách**, Mày**, Mã Liềng**...	Quảng Bình, Hà Tĩnh, Đắk Lắk,...
45	**Mảng**	Mảng Ư, Xá Lá Vàng*, Xá Mảng**, Niểng O**, Xá Bá O**, Mảng Gứng**, Mảng Lệ**...	Lai Châu, Điện Biên,...
46	**Pà Thẻn**	Pà Hưng, Tống*, Mèo Lài**, Mèo Hoa**, Mèo Đỏ**, Bát Tiên Tộc**...	Hà Giang, Tuyên Quang,...

Mã số	Tên dân tộc	Một số tên gọi khác	Địa bàn cư trú chính
47	**Cơ Lao**	Tống*, Tứ Đư**, Ho Ki**, Voa Đề**, Cờ Lao Xanh**, Cờ Lao Trắng**, Cờ Lao Đỏ**...	Hà Giang, Tuyên Quang,...
48	**Cống**	Xắm Khống, Mấng Nhé*, Xá Xeng*, Phuy A**...	Lai Châu, Điện Biên,...
49	**Bố Y**	Chủng Chá, Trọng Gia, Tu Dí, Tu Din*...	Lào Cai,...
50	**Si La**	Cù Dề Xừ, Khả Pẻ...	Lai Châu, Điện Biên,...
51	**Pu Péo**	Ka Pèo, Pen Ti Lô Lô, La Quả**...	Hà Giang, Trà Vinh,...
52	**Brâu**	Brao	Kon Tum,...
53	**Ơ Đu**	Tày Hạt, I Đu**	Nghệ An...
54	**Rơ Măm**		Kon Tum,...
55	**Người nước ngoài**		TP Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Hà Nội, Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu, Tây Ninh,...
56	**Không xác định**		

Nguồn:

a. Danh mục các thành phần dân tộc Việt Nam (theo Quyết định số 121/TCTK-PPCĐ ngày 02/3/1979 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê) - (nguồn chính).

b. Miền núi Việt Nam, thành tựu và phát triển những năm đổi mới, 2002, Ủy ban Dân tộc và Miền núi - (nguồn bổ sung).

Chú thích:

(1) Là tên người Thái chỉ người Mường.

(2) Mđhur là một nhóm trung gian giữa người Ê-đê và Gia-rai. Có một số làng Mđhur nằm trong địa phận của tỉnh Gia Lai, Kon Tum và Cheo Reo, tiếp cận với người Gia-rai, nay đã tự báo là người Gia-rai.

(3) Chil là một nhóm địa phương của dân tộc Mnông. Một bộ phận lớn người Chil di cư xuống phía Nam, cư trú lẫn với người Cơ Ho, nay đã tự báo là người Cơ Ho. Còn bộ phận ở lại quê hương cũ, gắn với người Mnông, vẫn tự báo là Mnông.

(4) Thổ đây là tên tự gọi, khác với tên Thổ trước kia dùng để chỉ nhóm Tày ở Việt Bắc, nhóm Thái ở Đà Bắc và nhóm Khơ-me ở Đồng bằng sông Cửu Long.

(5) Xá Lá Vàng: Tên chỉ nhiều dân tộc sống du cư ở vùng biên giới.

(6) Cùi Chu (Quý Chân) có bộ phận ở Bảo Lạc (Cao Bằng) sống xen kẽ với người Nùng, được xếp vào người Nùng.

(7) Ca-tang: Tên gọi chung nhiều nhóm người ở miền núi Quảng Nam, Đà Nẵng, trong vùng tiếp giáp với Lào. Cần phân biệt tên gọi chung này với tên gọi riêng của từng dân tộc.

* Chỉ xuất hiện trong "Danh mục các thành phần dân tộc Việt Nam...";

** Chỉ xuất hiện trong "Miền núi Việt Nam,...".

Phụ lục 3: Danh mục tôn giáo

DANH MỤC TÔN GIÁO

Khái niệm: Tổ chức tôn giáo là tập hợp tín đồ, chức sắc, chức việc, nhà tu hành của một tôn giáo được tổ chức theo một cơ cấu nhất định được Nhà nước công nhận nhằm thực hiện các hoạt động tôn giáo.

Danh mục các tổ chức tôn giáo ở Việt Nam được Nhà nước công nhận và cấp đăng ký hoạt động như sau (tính đến ngày 01/11/2018).

(42 tổ chức thuộc 16 tôn giáo được công nhận và cấp đăng ký hoạt động)

Mã số	Tôn giáo	Tổ chức tôn giáo
1	Phật giáo	Giáo hội Phật giáo Việt Nam
2	Công giáo	Giáo hội Công giáo Việt Nam
3	Tin lành	1. Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Bắc)
		2. Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Nam)
		3. Hội truyền giáo Cơ đốc Việt Nam
		4. Hội thánh Mennonite Việt Nam
		5. Hội thánh Liên hữu Cơ đốc Việt Nam
		6. Hội thánh Tin lành Trưởng lão Việt Nam
		7. Tổng Hội Báp tít Việt Nam
		8. Giáo hội Báp tít Việt Nam
		9. Hội thánh Phúc Âm Ngũ tuần Việt Nam (Cấp đăng ký hoạt động)
		10. Hội thánh Phúc âm Toàn vẹn Việt Nam (Cấp đăng ký hoạt động)
4	Cao Đài	1. Hội thánh Cao Đài Tây Ninh
		2. Hội thánh Cao Đài Tiên Thiên
		3. Hội thánh Cao Đài Chơn lý
		4. Hội thánh Cao Đài Minh Chơn đạo
		5. Hội thánh Cao Đài Ban Chỉnh đạo
		6. Hội thánh Cao Đài Cầu kho Tam quan
		7. Hội thánh truyền giáo Cao Đài

Mã số	Tôn giáo	Tổ chức tôn giáo
		8. Hội thánh Cao Đài Việt Nam Bình Đức
		9. Hội thánh Cao Đài Bạch y liên hoàn Chơn lý
		10. Hội thánh Cao Đài Chiếu Minh Long Châu
		11. Pháp môn Cao Đài Chiếu Minh Tam Thanh vô vi
5	Phật giáo Hòa Hảo	Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo
6	Hồi giáo	1. Ban Đại diện Cộng đồng Hồi giáo TP. Hồ Chí Minh
		2. Ban Quản trị thánh đường Al noor Hà Nội
		3. Ban Đại diện Cộng đồng Hồi giáo tỉnh An Giang
		4. Ban Đại diện Cộng đồng Hồi giáo tỉnh Tây Ninh
		5. Hội đồng Sư cả Hồi giáo Bani tỉnh Ninh Thuận
		6. Hội đồng Sư cả Hồi giáo Bani tỉnh Bình Thuận
		7. Ban Đại diện Cộng đồng Hồi giáo tỉnh Ninh Thuận
7	Tôn giáo Baha'i	Cộng đồng Tôn giáo Baha'i Việt Nam
8	Tịnh độ Cư sỹ Phật hội Việt Nam	Tịnh độ Cư sỹ Phật hội Việt Nam
9	Đạo Tứ Ân Hiếu nghĩa	Đạo Tứ Ân Hiếu nghĩa
10	Bửu Sơn Kỳ hương	Bửu Sơn Kỳ hương
11	Giáo hội Phật đường Nam Tông Minh Sư đạo	Giáo hội Phật đường Nam Tông Minh Sư đạo
12	Hội thánh Minh lý đạo - Tam Tông Miếu	Hội thánh Minh lý đạo - Tam Tông Miếu
13	Chăm Bà la môn	1. Hội đồng chức sắc Chăm Bà la môn tỉnh Ninh Thuận
		2. Hội đồng chức sắc Chăm Bà la môn tỉnh Bình Thuận
14	Giáo hội Các thành hữu Ngày sau của Chúa Giê su Ky tô (Mormon)	Giáo hội Các thành hữu Ngày sau của Chúa Giê su Ky tô (Mormon)
15	Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn (Cấp đăng ký hoạt động)	Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn
16	Giáo hội Cơ đốc Phục lâm Việt Nam	Giáo hội Cơ đốc Phục lâm Việt Nam

Phụ lục 4: Bảng đối chiếu năm âm lịch và năm dương lịch

BẢNG ĐỐI CHIẾU NĂM ÂM LỊCH VÀ NĂM DƯƠNG LỊCH

	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý
Tý (Chuột)	1984 1924		1996 1936		2008 1948		1960 1900		1972 1912	
Sửu (Trâu)		1985 1925		1997 1937		2009 1949		1961 1901		1973 1913
Dần (Hổ)	1974 1914		1986 1926		1998 1938		2010 1950		1962 1902	
Mão (Mèo)		1975 1915		1987 1927		1999 1939		2011 1951		1963 1903
Thìn (Rồng)	1964 1904		1976 1916		1988 1928		2000 1940		2012 1952	
Tỵ (Rắn)		1965 1905		1977 1917		1989 1929		2001 1941		2013 1953
Ngọ (Ngựa)	2014 1954		1966 1906		1978 1918		1990 1930		2002 1942	
Mùi (Dê)		2015 1955		1967 1907		1979 1919		1991 1931		2003 1943
Thân (Khỉ)	2004 1944		2016 1956		1968 1908		1980 1920		1992 1932	
Dậu (Gà)		2005 1945		2017 1957		1969 1909		1981 1921		1993 1933
Tuất (Chó)	1994 1934		2006 1946		2018 1958		1970 1910		1982 1922	
Hợi (Lợn)		1995 1935		2007 1947		2019 1959		1971 1911		1983 1923

Phụ lục 5: Bảng chuyển đổi trình độ văn hóa phổ thông

BẢNG CHUYỂN ĐỔI TRÌNH ĐỘ VĂN HOÁ PHỔ THÔNG

Hệ thống giáo dục phổ thông để chuyển đổi		CÁC TRÌNH ĐỘ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG TƯƠNG ỨNG								Hệ thống giáo dục cả nước hiện nay
		Hệ thống thời Pháp thuộc	Từ năm 1945 đến 1954			Hệ thống bổ túc văn hoá	Hệ thống giáo dục Miền Bắc			
			Vùng tự do		Vùng tạm chiếm		Trước 1981	Từ Quảng Bình trở ra		
Cấp	Lớp		1945-1950	1950-1954				1981-1986	1986-1989	
Tiểu học	1	Lớp 5 đồng ấu (Cours enfantin)			Lớp năm tiểu học		Vỡ lòng	Lớp 1 phổ thông	Lớp 1 phổ thông	Lớp 1 phổ thông
	2	Lớp 4 (Cours préparatoire)	Lớp tư	Lớp 1	Lớp tư tiểu học	Lớp 1 BTVH	Lớp 1 PT	Lớp 2 phổ thông	Lớp 2 phổ thông	Lớp 2 phổ thông
	3	Lớp 3 (Cours elementaire) Đậu sơ học yếu lược	Lớp ba	Lớp 2	Lớp ba tiểu học	Lớp 2 BTVH	Lớp 2 PT	Lớp 3 phổ thông	Lớp 3 phổ thông	Lớp 3 phổ thông
	4	Lớp nhì năm thứ nhất (Moyen 1) Lớp nhì năm thứ hai (Moyen 2)	Lớp nhì	Lớp 3	Lớp nhì tiểu học	Lớp 3 BTVH	Lớp 3 PT	Lớp 4 phổ thông	Lớp 4 phổ thông	Lớp 4 phổ thông
	5	Lớp nhất (Supérieur) Đậu tiểu học (Certificat)	Lớp nhất	Lớp 4	Lớp nhất tiểu học	Lớp 4 BTVH	Lớp 4 PT	Lớp 5 phổ thông	Lớp 5 phổ thông	Lớp 5 phổ thông
Trung học cơ sở	6	Đệ nhất niên trung học (Première année)	Đệ nhất niên		Đệ thất trung học	Lớp 5 BTVH			Lớp 6 phổ thông	Lớp 6 phổ thông
	7	Đệ nhị niên trung học (Deuxième année)	Đệ nhị niên	Lớp 5	Đệ lục trung học	Lớp 6 BTVH	Lớp 5 PT	Lớp 6 phổ thông	Lớp 7 phổ thông	Lớp 7 phổ thông
	8	Đệ tam niên trung học (Troisième année)	Đệ tam niên	Lớp 6	Đệ ngũ trung học	Lớp 7 BTVH	Lớp 6 PT			Lớp 8 phổ thông
	9	Đệ tứ niên trung học (Quatrième année - Diplôme)	Đệ tứ niên	Lớp 7	Đệ tứ trung học	Lớp 7B BTVH	Lớp 7 PT	Lớp 7 phổ thông	Lớp 8 phổ thông	Lớp 9 phổ thông

Hệ thống giáo dục phổ thông để chuyển đổi		CÁC TRÌNH ĐỘ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG TƯƠNG ỨNG								Hệ thống giáo dục cả nước hiện nay
		Hệ thống thời Pháp thuộc	Từ năm 1945 đến 1954			Hệ thống bổ túc văn hoá	Hệ thống giáo dục Miền Bắc			
			Vùng tự do		Vùng tạm chiếm		Trước 1981	Từ Quảng Bình trở ra		
Cấp	Lớp		1945-1950	1950-1954				1981-1986	1986-1989	
Trung học phổ thông	10	Đệ nhất niên	Đệ nhất niên chuyên khoa	Lớp 8	Đệ tam	Lớp 8 BTVH	Lớp 8 PT	Lớp 10 phổ thông	Lớp 10 phổ thông	Lớp 10 phổ thông
	11	Đệ nhị niên, tú tài phần thứ nhất (Baccalauréat première partie)	Đệ nhị niên chuyên khoa	Lớp 9	Đệ nhị Tú tài I	Lớp 9 BTVH Lớp 10A BTVH	Lớp 9 PT	Lớp 11 phổ thông	Lớp 11 phổ thông	Lớp 11 phổ thông
	12	Đệ tam niên, thi tú tài toàn phần (Baccalauréat deuxième partie)	Đệ tam niên chuyên khoa		Đệ nhất Tú tài II	Lớp 10B BTVH	Lớp 10 PT	Lớp 12 phổ thông	Lớp 12 phổ thông	Lớp 12 phổ thông

Phụ lục 6: Bảng kê hộ

Mẫu số 03B/BCĐTW

BAN CHỈ ĐẠO TỔNG ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở TRUNG ƯƠNG

BẢNG KÊ HỘ

(Dùng cho giai đoạn cập nhật Bảng kê hộ)

Tỉnh/thành phố:_____ ☐☐

Huyện/quận:_____ ☐☐☐

Xã/phường:_____ ☐☐☐☐☐

Tên thôn/tổ dân phố:_____

Tờ thứ trong tổng số tờ

Địa bàn điều tra:_____ ☐☐☐

Thành thị/nông thôn (*TT = 1; NT = 2*): ……. ☐

Họ và tên người lập bảng kê:_____

Số điện thoại người lập bảng kê:_____

Mã thôn	STT nhà	Hộ số	Họ và tên chủ hộ	Địa chỉ của hộ	Số nhân khẩu thực tế thường trú của hộ khi lập bảng kê		Số nhân khẩu thực tế thường trú của hộ khi cập nhật bảng kê		Hộ đồng ý cung cấp thông tin trên internet (đồng ý đánh dấu "x")	Nếu hộ đồng ý cung cấp thông tin trên internet ghi		Ghi chú
					Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ		Số điện thoại	Địa chỉ Email (nếu có)	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

Tờ thứ trong tổng số tờ

Mã thôn	STT nhà	Hộ số	Họ và tên chủ hộ	Địa chỉ của hộ	Số nhân khẩu thực tế thường trú của hộ khi lập bảng kê		Số nhân khẩu thực tế thường trú của hộ khi cập nhật bảng kê		Hộ đồng ý cung cấp thông tin trên internet (đồng ý đánh dấu "x")	Nếu hộ đồng ý cung cấp thông tin trên internet ghi		Ghi chú
					Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ		Số điện thoại	Địa chỉ Email (nếu có)	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
				TỔNG SỐ								

Ngày …… tháng……năm 2019
BAN CHỈ ĐẠO XÃ/PHƯỜNG
(Ký, đóng dấu)

Ngày……tháng……năm 2019
NGƯỜI CẬP NHẬT BẢNG KÊ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục 7: Sơ đồ nền xã/phường

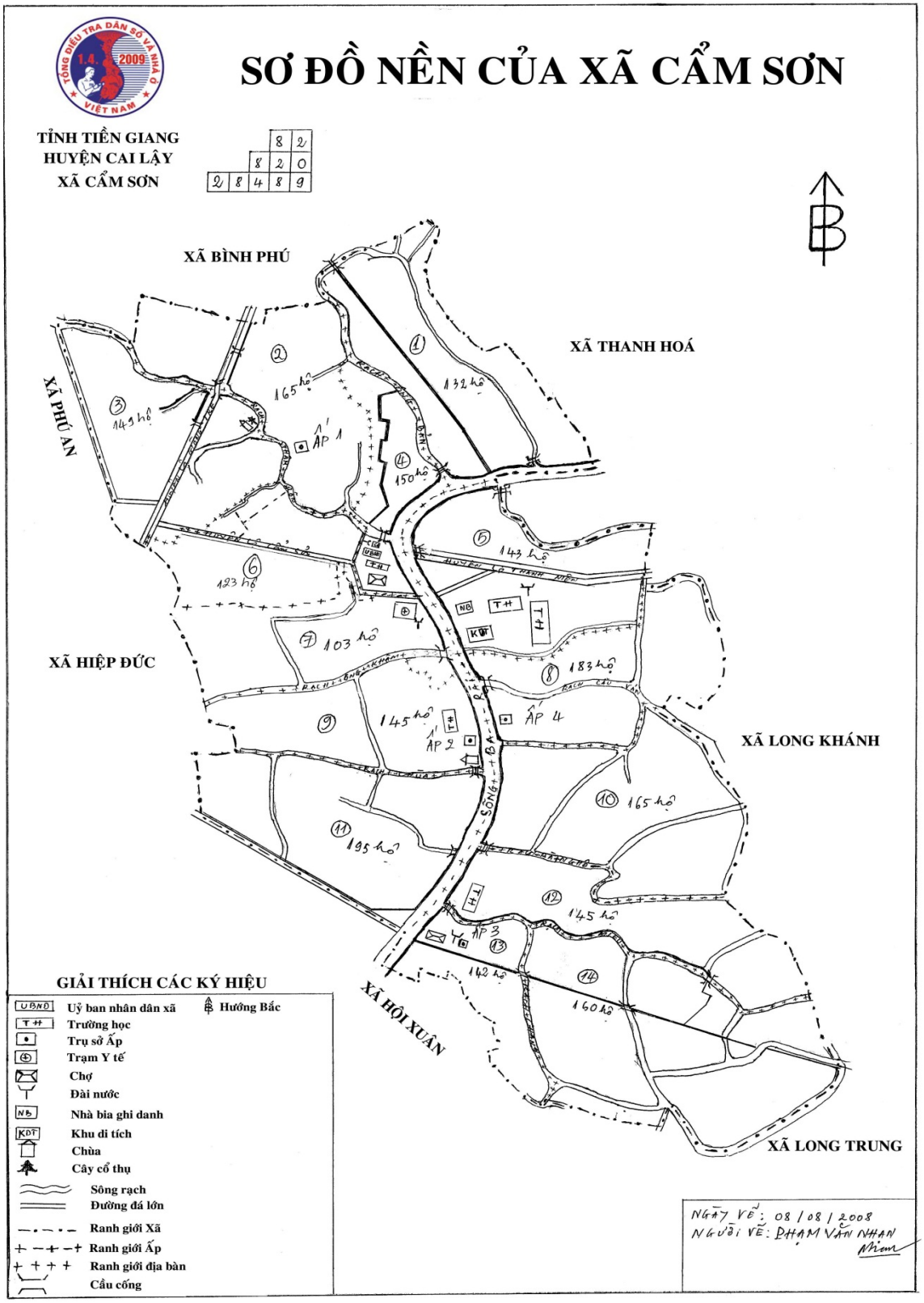

Phụ lục 8: Mẫu báo cáo tiến độ điều tra phiếu giấy của điều tra viên thống kê

Mẫu số 10/BCĐTW

BAN CHỈ ĐẠO XÃ/PHƯỜNG….

BÁO CÁO TIẾN ĐỘ ĐIỀU TRA PHIẾU GIẤY

Tỉnh/thành phố: _____

Huyện/quận: _____

Xã/phường: _____

Họ và tên điều tra viên thống kê: _____

Ngày điều tra	Mã ĐBĐT	Tên ĐBĐT	Số hộ	Số nhân khẩu		Ghi chú
				Tổng số	Số nữ	
Ngày 1						
Ngày 2						
Ngày 3						
Ngày 4						
Ngày 5						
Ngày 6						
Ngày 7						
Ngày 8						
Ngày 9						
Ngày 10						
Ngày 11						
Ngày 12						
Ngày 13						
Ngày 14						
Ngày 15						
Ngày 16						
Ngày 17						
Ngày 18						
Ngày 19						
Ngày 20						
Ngày 21						
Ngày 22						
Ngày 23						
Ngày 24						
Ngày 25						
Tổng số						

Ngày… … tháng…… năm 2019

ĐIỀU TRA VIÊN THỐNG KÊ

Phụ lục 9: Mẫu báo cáo tiến độ điều tra phiếu giấy của tổ trưởng điều tra

BAN CHỈ ĐẠO TỔNG ĐIỀU TRA
DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở XÃ .....

Mẫu số 07/BCĐTW

BÁO CÁO TIẾN ĐỘ ĐIỀU TRA PHIẾU GIẤY

Tỉnh/thành phố:_____

Huyện/quận:_____

Xã/phường:_____

Tiến độ điều tra đến hết ngày điều tra thứ:_____

STT	Mã ĐBĐT	Tên ĐBĐT	Số hộ	Số nhân khẩu			Ghi chú
				Tổng số	Số nam	Số nữ	
A	B	C	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
1	1	Địa bàn 1					
2	2	Địa bàn 2					
3	…						
		Tổng số					

Ngày..... tháng..... năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

BAN CHỈ ĐẠO XÃ/PHƯỜNG
(Ký, đóng dấu)

Phụ lục 10: Mẫu biên bản bàn giao tài liệu

Mẫu số 09/BCĐTW

BAN CHỈ ĐẠO ……
BAN CHỈ ĐẠO …….....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN BÀN GIAO TÀI LIỆU

Hôm nay, ngày …. tháng …… năm 2019 tại …….....……
tổ chức nghiệm thu tài liệu Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019.

Bên Giao:

Họ và tên:.....

Chức vụ:.....

Trụ sở:.....

Bên Nhận:

Họ và tên:.....

Chức vụ:.....

Trụ sở:.....

Chi tiết tài liệu bàn giao:

TT	Nội dung	Số lượng	Ghi chú

BÊN GIAO
(Ký, họ tên)

BÊN NHẬN
(Ký, đóng dấu)

Phụ lục 11: Danh mục các loại gỗ

BẢNG PHÂN LOẠI TẠM THỜI CÁC LOẠI GỖ SỬ DỤNG THỐNG NHẤT TRONG CẢ NƯỚC

(Quyết định số 2198/CNR ngày 26 tháng 11 năm 1977 của Bộ trưởng Bộ Lâm nghiệp về việc ban hành Bảng phân loại tạm thời các loại gỗ sử dụng thống nhất trong cả nước)

TT	Tên gỗ	Tên địa phương	TT	Tên gỗ	Tên địa phương
	NHÓM I		31	Sa mu dầu	
1	Bàng Lang cườm		32	Sơn huyết	
2	Cẩm lai		33	Sưa	
3	Cẩm lai Bà Rịa		34	Thông ré	
4	Cẩm lai Đồng Nai		35	Thông tre	
5	Cẩm liên	Cà gần	36	Trai (Nam Bộ)	
6	Cẩm thị		37	Trắc Nam Bộ	
7	Dáng hương		38	Trắc đen	
8	Dáng hương căm-bốt		39	Trắc căm bốt	
9	Dáng hương mắt chim		40	Trầm hương	
10	Dáng hương quả lớn		41	Trắc vàng	
11	Du sam	Ngô tùng			
12	Du sam Cao Bằng			**NHÓM II**	
13	Gõ đỏ	Hồ bì, Cà te	1	Cẩm xe	
14	Gụ		2	Da đá	
15	Gụ mật	Gõ mật	3	Dầu đen	
16	Gụ lau	Gõ lau	4	Dinh	
17	Hoàng đàn		5	Dinh gan gà	
18	Huệ mộc		6	Dinh khét	
19	Huỳnh đường		7	Dinh mật	
20	Hương tía		8	Dinh thối	
21	Lát hoa		9	Dinh vàng	
22	Lát da đồng		10	Dinh vàng Hòa Bình	
23	Lát chun		11	Dinh xanh	
24	Lát xanh		12	Lim xanh	
25	Lát lông		13	Nghiến	Kiêng
26	Mạy lay		14	Kiền kiền	(Phía Nam)
27	Mun sừng		15	Săng đào	
28	Mun sọc		16	Sao xanh	Nạp ốc
29	Muồng đen		17	Sến mật	
30	Pơ mu		18	Sến cát	

TT	Tên gỗ	Tên địa phương	TT	Tên gỗ	Tên địa phương
19	Sến trắng		3	Cà duối	
20	Táu mật		4	Chặc khế	
21	Táu núi		5	Chau chau	Côm lông
22	Táu nước		6	Dầu mít	
23	Táu mắt quỷ		7	Dầu lông	
24	Trai ly		8	Dầu song nàng	
25	Xoay	Nai sai mét	9	Dầu trà beng	
26	Vắp	Dõi	10	Gội nếp	
			11	Gội trung bộ	
	NHÓM III		12	Gội dầu	
1	Bàng lang nước		13	Giổi	
2	Bàng lang tía		14	Hà nu	
3	Bình linh		15	Hồng tùng	Hoàng, đàn gia
4	Cà chắc	Cà chí	16	Kim giao	
5	Cà ổi		17	Kháo tía	Re vàng
6	Chai		18	Kháo dầu	
7	Chò chỉ		19	Long não	Dạ hương
8	Chò chai		20	Mít	
9	Chua khét		21	Mỡ	
10	Chự	Dự	22	Re hương	
11	Chiêu liêu xanh		23	Re xanh	Nhè xanh
12	Dâu vàng		24	Re đỏ	
13	Huỳnh	Huẩn	25	Re gừng	
14	Lát khét		26	Sến bo bo	
15	Lau táu		27	Sến đỏ	
16	Loại thụ		28	Sụ	
17	Re mit		29	So đo công	Lo bò
18	Săng lẻ		30	Thông ba lá	Ngô 3 lá
19	Sao đen		31	Thông nàng	Bạch tùng
20	Sao hải nam	Sao lá to	32	Vàng tâm	
21	Tếch	Gia tỵ	33	Viết	
22	Trường mật		34	Vên vên	
23	Trường chua				
24	Vên vên vàng	Dên Dên		**NHÓM V**	
			1	Bản xe	
	NHÓM IV		2	Bời lời giấy	
1	Bời lời		3	Ca bu	
2	Bời lời vàng		4	Chò lông	

TT	Tên gỗ	Tên địa phương	TT	Tên gỗ	Tên địa phương
5	Chò xanh		43	Nhãn rừng	
6	Chò xót		44	Phi lao	Táu hậu
7	Chôm chôm		45	Re bàu	
8	Chùm bao		46	Sa mộc	
9	Cồng tía		47	Sau sau	
10	Cồng trắng		48	Săng táu	Sồi ghè
11	Cồng chìm		49	Săng đá	Áp ảnh
12	Dải ngựa		50	Săng trắng	
13	Dầu		51	Sồi đá	
14	Dầu rái		52	Sếu	
15	Dầu chai		53	Thành ngạnh	Thích 10
16	Dầu đỏ		54	Tràm sừng	Vải thiều
17	Dầu nước		55	Tràm tía	Thông tầu
18	Dầu sơn		56	Thích	Thông ta
19	Giẻ gai		57	Thiều rừng	
20	Giẻ gai hạt nhỏ		58	Thông đuôi ngựa	
21	Giẻ thơm		59	Thông nhựa	
22	Giẻ cau		60	Tô hạp điện biên	
23	Giẻ cuống		61	Vải guốc	
24	Giẻ đen		62	Vàng kiêng	
25	Giẻ đỏ		63	Vừng	
26	Giẻ mỡ gà		64	Xà cừ	
27	Giẻ xanh		65	Xoài	
28	Giẻ sồi	Sồi vàng			
29	Giẻ đề xi			**NHÓM VI**	
30	Gội tẻ	Gội gác	1	Ba khía	
31	Hoàng linh		2	Bạch đàn chanh	
32	Kháo mật		3	Bạch đàn đỏ	
33	Ké	Khé	4	Bạch đàn liễu	
34	Kè đuôi dông		5	Bạch đàn trắng	
35	Kẹn		6	Bứa lá thuôn	
36	Lim vang	Lim xẹt	7	Bứa nhà	
37	Lõi thọ		8	Bứa núi	Kơ-nia
38	Muồng	Muồng, cánh dán	9	Bồ kết giả	
39	Muồng gân		10	Cáng lò	
40	Mò gỗ		11	Cầy	
41	Mạ sưa	Dương liễu	12	Chẹo tía	
42	Nang		13	Chiêu liêu	Râm

TT	Tên gỗ	Tên địa phương	TT	Tên gỗ	Tên địa phương
14	Chò nếp	Chò nước	53	Sồi phăng	Cà na
15	Chò nâu		54	Sồi vàng mép	
16	Chò nhai		55	Săng bóp	
17	Chò ổi	Quế lợn	56	Trám hồng	
18	Da		57	Tràm	
19	Đước		58	Thôi ba	
20	Hậu phát		59	Thôi chanh	
21	Kháo chuông		60	Thị rừng	
22	Kháo		61	Trín	
23	Kháo thối		62	Vẩy ốc	
24	Kháo vàng		63	Vàng rè	
25	Khế		64	Vối thuốc	
26	Lòng mang		65	Vù hương	
27	Mang kiêng	Huyết muông	66	Xoan ta	
28	Mã nhâm		67	Xoan nhừ	
29	Mã tiền		68	Xoan đào	
30	Máu chó		69	Xoan mộc	
31	Mận rừng		70	Xương cá	
32	Mắm				
33	Mắc niễng			**NHÓM VII**	
34	Mít nài	Nho nghẹ	1	Cao su	Bàng nhút
35	Mù u	Lội	2	Cả lồ	
36	Muỗm	Chàm ổi. Hôi	3	Cám	
37	Nhọ nồi		4	Choai	
38	Nhội		5	Chân chim	
39	Nọng heo		6	Côm lá bạc	
40	Phay		7	Côm tầng	
41	Quao		8	Dung nam	
42	Quế		9	Gáo vàng	
43	Quế xây lan		10	Giẻ bộp	
44	Ràng ràng đá		11	Giẻ trắng	Bồ quân, mùng quân
45	Ràng ràng mít		12	Hồng rừng	Thành ngạnh hôi
46	Ràng ràng mật		13	Hoàng mang lá to	
47	Ràng ràng tía		14	Hồng quân	
48	Re		15	Lành ngạnh hôi	Chua me
49	Sâng		16	Lọng bàng	
50	Sấu	Giẻ phảng	17	Lõi khoai	
51	Sấu tía		18	Me	Mù cua, sữa
52	Sồi	Lá ráp	19	Mý	

TT	Tên gỗ	Tên địa phương	TT	Tên gỗ	Tên địa phương
20	Mã		11	Chay	
21	Mò cua		12	Cóc	
22	Ngát		13	Cơi	Dung
23	Phay vi		14	Dâu da bắc	
24	Phổi bò		15	Dâu da xoan	
25	Rù rì	Săng vè	16	Dung giấy	
26	Răng vi		17	Dàng	
27	Săng máu		18	Duối rừng	
28	Sảng		19	Đề	
29	Sâng mây		20	Đỏ ngọn	Bông gòn
30	Sở bà		21	Gáo	Roi, đào tiên
31	Sổ con quay		22	Gạo	Thung
32	Sồi bộp		23	Gòn	
33	Sồi trắng		24	Gioi	
34	Sui		25	Hu	
35	Trám đen		26	Hu lông	
36	Trám trắng		27	Hu đay	
37	Táu muối		28	Hu đay	
38	Thung	Đa xanh	29	Lai rừng	
39	Tai nghé		30	Lai	
40	Thừng mực		31	Lôi	
41	Thàn mát		32	Mán đĩa	
42	Thầu tấu		33	Mán đĩa trâu	Muống mít
43	Ưởi		34	Mốp	
44	Vang trứng		35	Muồng trắng	
45	Vàng anh		36	Muồng gai	
46	Xoan tây		37	Nóng	
			38	Núc nắc	
	NHÓM VIII		39	Ngọc lan tây	
1	Ba bét		40	Sung	
2	Ba soi		41	Sồi bấc	
3	Bay thưa		42	So đũa	
4	Bồ đề		43	Sang nước	
5	Bồ hòn		44	Thanh thất	
6	Bồ kết		45	Trẩu	
7	Bông bạc		46	Tung trắng	
8	Bộp		47	Trôm	
9	Bo		48	Vông	
10	Bung bí				

Phụ lục 12: Hướng dẫn cập nhật Bảng kê hộ

HƯỚNG DẪN CẬP NHẬT BẢNG KÊ HỘ

I. MỘT SỐ THÔNG TIN VÀ QUY ĐỊNH CHUNG

1. Mục đích cập nhật Bảng kê hộ

Cập nhật Bảng kê hộ nhằm rà soát, cập nhật và nắm đầy đủ những thay đổi về số hộ (hộ mới chuyển đến ĐBĐT, hộ mới chuyển đi khỏi ĐBĐT), về NKTTTT (trẻ em mới sinh, người chết, người chuyển đi, người chuyển đến) của các hộ trong ĐBĐT ngay trước thời điểm thu thập thông tin TĐT 2019. Cập nhật Bảng kê hộ giúp việc phân công nhiệm vụ thu thập thông tin cho các ĐTV được đầy đủ, tránh điều tra trùng hoặc bỏ sót các hộ dân cư và các NKTTTT tại các hộ.

Thời gian cập nhật Bảng kê hộ được thực hiện từ ngày 15 đến ngày 20 tháng 3 năm 2019.

2. Nhiệm vụ của người cập nhật Bảng kê hộ

- Người cập nhật bảng kê nhận bàn giao Bảng kê hộ từ BCĐ cấp xã.

- Người cập nhật bảng kê nên phối hợp với trưởng thôn, tổ trưởng dân phố, người quản lý các nhà chung cư/toà nhà nhiều tầng thuộc ĐBĐT do mình phụ trách để xác định rõ ranh giới của ĐBĐT và nắm thông tin về những thay đổi của các hộ, các NKTTTT tại hộ phục vụ cho công tác kiểm tra thực địa và cập nhật Bảng kê hộ.

- Người cập nhật bảng kê đi thực địa tại ĐBĐT để quan sát những thay đổi về các ngôi nhà/căn hộ/nơi ở trong ĐBĐT và đến các hộ mới chuyển đến hoặc có thay đổi trong ĐBĐT để hỏi chủ hộ về những NKTTTT của hộ và cập nhật Bảng kê hộ.

Lưu ý: Trong quá trình cập nhật Bảng kê hộ, người cập nhật bảng kê cần phải xác định lại đối với những hộ đã đăng ký tự cung cấp thông tin Webform để hỏi số điện thoại do hộ cung cấp đã đúng chưa; người sở hữu số điện thoại đã đăng ký trên Bảng kê hộ còn cư trú trong hộ không. Nếu người đó không còn cư trú trong hộ nữa thì người cập nhật bảng kê gạch bỏ thông tin ở cột 5, cột 6 và cột 7 đối với hộ này và thông báo cho hộ về việc sẽ có ĐTV đến phỏng vấn thu thập thông tin TĐT tại hộ.

Không thực hiện cập nhật Bảng kê nhân khẩu đặc thù.

II. HƯỚNG DẪN CẬP NHẬT BẢNG KÊ HỘ

1. Tài liệu sử dụng để cập nhật Bảng kê hộ

Người cập nhật bảng kê sử dụng Bảng kê hộ do BCĐ cấp xã cung cấp (Bảng kê hộ được ghi thông tin như Mẫu 03B/BCĐTW trình bày tại Phụ lục 6). Đến thời điểm

cập nhật bảng kê hộ, BCĐ cấp xã tải dữ liệu Bảng kê hộ từ cơ sở dữ liệu TĐT 2019 tại Trang thông tin Hệ thống điều hành tác nghiệp (viết gọn là Trang Web điều hành) của TĐT để in và bàn giao cho người cập nhật bảng kê thực hiện nhiệm vụ.

Trong trường hợp người cập nhật bảng kê sử dụng thiết bị điện tử di động (máy tính bảng, điện thoại thông minh) để cập nhật (CAPI) thì BCĐ cấp xã không phải in Mẫu 03B/BCĐTW cho người cập nhật bảng kê. Trong trường hợp này, người cập nhật bảng kê sử dụng chương trình CAPI để thực hiện cập nhật Bảng kê hộ.

2. Các trường hợp thay đổi cần cập nhật Bảng kê hộ

Khi có thay đổi về hộ và NKTTTT tại hộ thì người cập nhật bảng kê tiến hành cập nhật Bảng kê hộ theo các trường hợp cụ thể sau:

Trường hợp 1: Có (những) ngôi nhà/căn hộ/nơi ở có người cư trú nhưng bị bỏ sót khi lập Bảng kê hộ hoặc chưa được lập trong Bảng kê hộ do đang được xây dựng trong thời gian lập Bảng kê hộ và hiện nay đã hoàn thành, có người đến cư trú. Trong trường hợp này, người cập nhật bảng kê hộ ghi thông tin của hộ/các hộ vào dòng cuối cùng của Bảng kê hộ; ghi các thông tin như sau:

- Cột A: Ghi mã thôn.

- Cột B: Ghi số thứ tự nhà như cách ghi đối với căn nhà bị bỏ sót (Mục II.4, Phần II).

- Cột C: Ghi số thứ tự hộ là số tự nhiên tiếp theo số thứ tự lớn nhất của hộ hiện có trên Bảng kê hộ.

- Cột D và Cột E: Người cập nhật bảng kê hỏi và ghi thông tin vào các cột này. Lưu ý ghi thông tin vào cột 8 về địa chỉ ngôi nhà/căn hộ/nơi ở đó cạnh ngôi nhà/căn hộ/nơi ở nào.

- Cột 1 và Cột 2: Bỏ trống.

- Cột 3 và Cột 4: Người cập nhật bảng kê hỏi và ghi thông tin về tổng số NKTTTT tại hộ và số nữ.

Ví dụ 1: Khi đi cập nhật Bảng kê hộ, người cập nhật bảng kê thấy 1 ngôi nhà mới xây xong đã có người đến ở (hộ anh Phạm Văn Thà). Ngôi nhà này cạnh ngôi nhà của chị Nguyễn Thị Lanh, trên Bảng kê hộ hiện tại chưa có thông tin về hộ sống ở ngôi nhà mới xây xong này. Người cập nhật bảng kê cập nhật như Bảng 1 dưới đây:

Bảng 1: Cách cập nhật bảng kê đối với ngôi nhà mới xây và có người ở

Mã thôn	STT nhà	Hộ số	Họ và tên chủ hộ	Địa chỉ của hộ	Số nhân khẩu thực tế thường trú của hộ khi lập bảng kê		Số nhân khẩu thực tế thường trú của hộ khi cập nhật bảng kê		Hộ đồng ý tự cung cấp thông tin trên Internet *(nếu có đánh dấu "x"; không "Bỏ trống")*	Nếu có đăng ký khai trực tuyến thì ghi		Ghi chú
					Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ		Số điện thoại	Địa chỉ Email (nếu có)	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
8	1	1	Nguyễn Thị Lanh	Số nhà 34, Hùng Vương	4	2	3	1	……..	……		…
…	…	…	…….	……								
8	*1.1*	*111*	*Phạm Văn Thà*	*Hùng Vương*			*5*	*3*				*Cạnh nhà Nguyễn Thị Lanh*

Trường hợp 2: Có (những) ngôi nhà/căn hộ/nơi ở khi lập Bảng kê hộ có người ở nhưng những người ở trong ngôi nhà/căn hộ/nơi ở đó đã chuyển hẳn đi nơi khác, nhà bỏ trống hoặc bị phá huỷ đến thời điểm cập nhật Bảng kê hộ. Người cập nhật bảng kê thực hiện như sau:

- Gạch bỏ số thứ tự nhà và hộ/các hộ sống trong ngôi nhà/căn hộ/nơi ở đó trong Bảng kê hộ bằng nét gạch xuyên suốt từ Cột A đến Cột 8.

- Không phải sửa lại số thứ tự của các ngôi nhà/căn hộ/nơi ở đã ghi trên Bảng kê hộ.

Trường hợp 3: Hộ mới chuyển đến thay thế hộ chuyển đi. Người cập nhật bảng kê thực hiện như sau:

Gạch họ và tên chủ hộ cũ (cột D), số NKTTTT của hộ cũ (Cột 1) và số nữ của hộ cũ (Cột 2), ghi họ và tên chủ hộ mới vào Cột D (ở trên hoặc ở dưới tên chủ hộ cũ vừa gạch tên); điền thông tin số NKTTTT và số nữ của hộ mới vào Cột 3 và Cột 4.

Trường hợp 4: Tăng hộ do tách hộ. Người cập nhật bảng kê thực hiện như sau:

- Đối với hộ đã có tên chủ hộ trong lúc lập Bảng kê hộ: Giữ nguyên số thứ tự nhà, số thứ tự hộ và ghi thông tin của hộ này vào Cột 3, Cột 4.

- Đối với hộ/các hộ mới tách: Ghi (các) hộ mới tách này lần lượt vào (các) dòng trống tiếp theo các dòng đã có thông tin của Bảng kê hộ. Cụ thể là:

+ Cột B: Ghi số thứ tự nhà theo số thứ tự nhà cũ (khi chưa tách hộ) vào Cột B.

+ Cột C: Ghi số thứ tự hộ tiếp theo số thứ tự hộ lớn nhất của Bảng kê hộ vào Cột C.

+ Cột D và Cột E: Ghi họ tên chủ hộ và địa chỉ của hộ vào Cột D và Cột E.

+ Cột 1 và Cột 2: Để trống.

+ Cột 3 và Cột 4: Ghi số NKTTTT của hộ và số nữ vào Cột 3, Cột 4.

Ví dụ 2: Giả sử khi cập nhật bảng kê chị Lanh đã cho 2 vợ chồng người con (anh Nguyễn Văn Hùng) ăn riêng nhưng vẫn ở trong cùng nhà, cách cập nhật như Bảng 2 dưới đây:

Bảng 2: Cách cập nhật bảng kê đối với trường hợp tách hộ

Mã thôn	STT nhà	Hộ số	Họ và tên chủ hộ	Địa chỉ của hộ	Số nhân khẩu thực tế thường trú của hộ khi lập bảng kê		Số nhân khẩu thực tế thường trú của hộ khi cập nhật bảng kê		Hộ đồng ý tự cung cấp thông tin trên Internet (nếu đồng ý đánh dấu "x")	Nếu có đăng ký khai trực tuyến thì ghi		Ghi chú
					Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ		Số điện thoại	Địa chỉ Email (nếu có)	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
8	1	1	Nguyễn Thị Lanh	Số nhà 34, đường Hùng Vương	4	2	2	1	……..	……		…
…	…	…	……	…….								
8	*1*	*112*	*Nguyễn Văn Hùng*	*Số nhà 34, đường Hùng Vương*			*2*	*1*				

Trường hợp 5: Tăng hoặc giảm số NKTTTT của hộ, người cập nhật bảng kê ghi số NKTTTT của hộ và số nữ có đến thời điểm cập nhật vào cột 3, cột 4 của Bảng kê hộ.

Trường hợp 6: Đối với hộ có thông tin của người đại diện cung cấp thông tin trên trang thông tin điện tử ở cột 6 "số điện thoại" và cột 7 "địa chỉ email" mà đến thời điểm cập nhật bảng kê người này đã chuyển đi thì gạch bỏ thông tin ở cột 5, cột 6 và cột 7 đối với hộ này.

Sau khi hoàn thiện cập nhật Bảng kê hộ cho cả ĐBĐT, người cập nhật bảng kê cộng số lượng NKTTTT và số nữ có tại thời điểm cập nhật và ghi thông tin vào dòng Tổng số. Người cập nhật bảng kê kiểm tra, hoàn thiện và ký, ghi rõ họ và tên vào Bảng kê hộ đã cập nhật, bàn giao Bảng kê hộ đã cập nhật cho BCĐ cấp xã.

Ví dụ 3: Cách cập nhật Bảng kê hộ đối với các hộ có thay đổi theo Bảng 3 dưới đây:

Bảng 3: Cách cập nhật bảng kê đối với các hộ có thay đổi

Mã thôn	STT nhà	Hộ số	Họ và tên chủ hộ	Địa chỉ của hộ	Số nhân khẩu thực tế thường trú của hộ khi lập bảng kê		Số nhân khẩu thực tế thường trú của hộ khi cập nhật bảng kê		Hộ đồng ý tự cung cấp thông tin trên Internet (nếu đồng ý đánh dấu "x")	Nếu có đăng ký khai trực tuyến thì ghi		Ghi chú
					Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ		Số điện thoại	Địa chỉ Email (nếu có)	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
6	1	1	Nguyễn Văn Trung ~~Lê Văn Sĩ~~	Số nhà 21 đường Nguyễn Trãi, Bắc Ninh	4	2	3	1	……..	……		Hộ cũ chuyển đi; thay hộ mới
6	2	2	Nguyễn Thị Sang	Số nhà 23 đường Nguyễn Trãi, Bắc Ninh	5	3	4	3	~~x~~	~~098xxx~~	~~nt@gmail.com~~	Người có số ĐT đã chuyển đi khỏi hộ
				TỔNG SỐ								

B

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CAPI
TỔNG ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở NĂM 2019

PHẦN I:
YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ DI ĐỘNG SỬ DỤNG TRONG ĐIỀU TRA

I. CÁC LOẠI THIẾT BỊ DI ĐỘNG SỬ DỤNG TRONG ĐIỀU TRA

TĐT 2019 sử dụng hình thức thu thập thông tin bằng phiếu điện tử hay còn gọi là CAPI. ĐTV cần cài đặt phần mềm thu thập thông tin TĐT 2019 vào thiết bị di động để thực hiện các thao tác về ghi nhận thông tin do hộ dân cư cung cấp và truyền gửi thông tin về cơ sở dữ liệu TĐT 2019 theo yêu cầu.

Phần mềm điều tra thu thập thông tin sử dụng trong TĐT 2019 được xây dựng dành cho các thiết bị di động sử dụng hệ điều hành Android và hệ điều hành IOS bao gồm:

- Máy tính bảng;
- Điện thoại thông minh.

Để đảm bảo cho công tác thu thập thông tin tại địa bàn, các thiết bị di động sử dụng trong TĐT 2019 phải đáp ứng cấu hình được quy định tại Phần I, mục II.

II. CẤU HÌNH THIẾT BỊ DI ĐỘNG

Đối với thiết bị di động sử dụng hệ điều hành Android: Phần mềm của TĐT 2019 yêu cầu thiết bị di động sử dụng hệ điều hành Android 4.2 trở lên.

Đối với thiết bị di động sử dụng hệ điều hành IOS: Phần mềm của TĐT 2019 yêu cầu điện thoại thông minh từ iphone 5 trở lên và tất cả các dòng ipad sử dụng hệ điều hành IOS 8.0.

PHẦN II:

HƯỚNG DẪN CÀI ĐẶT
CHƯƠNG TRÌNH ĐIỀU TRA

I. ĐĂNG NHẬP

Trong trường hợp thiết bị di động đã từng đăng nhập tài khoản vào các ứng dụng trên, ĐTV có thể bỏ qua mục "ĐĂNG NHẬP".

Trong trường hợp thiết bị di động chưa từng đăng nhập vào CHPlay hoặc AppStore, ĐTV bắt buộc phải có tài khoản google đối với thiết bị sử dụng hệ điều hành Android hoặc tài khoản icloud đối với thiết bị sử dụng hệ điều hành IOS.

ĐTV đăng nhập vào CHPlay hoặc AppStore để tải chương trình phần mềm TĐT 2019.

1. Đối với thiết bị di động sử dụng hệ điều hành Android

ĐTV tìm và chọn biểu tượng trên màn hình thiết bị di động hoặc trong mục "Ứng dụng" của thiết bị di động để vào chương trình, ĐTV chọn "Đăng nhập" sau đó lần lượt nhập **tên tài khoản** và **mật khẩu** rồi đồng ý với Điều khoản dịch vụ như Hình 1.

Hình 1

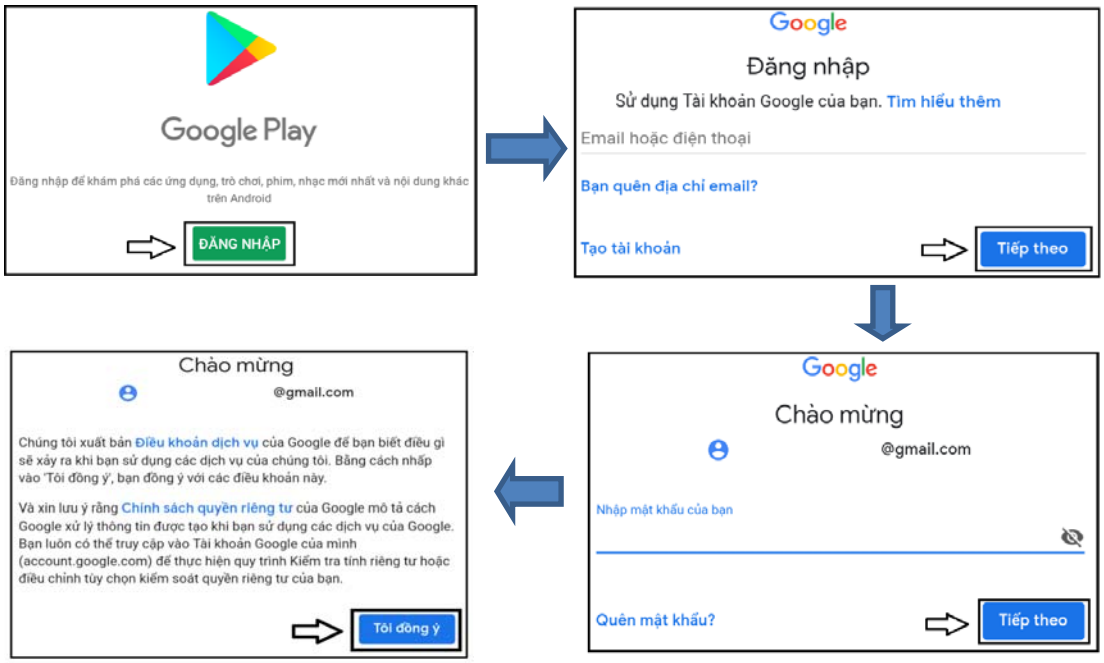

Sau khi đăng nhập xong, ứng dụng CHPlay sẽ yêu cầu thiết lập các thông tin cần thiết trước khi tiến hành tải các ứng dụng có trong cửa hàng. ĐTV làm theo như trong Hình 2 để hoàn thành việc đăng nhập.

Hình 2

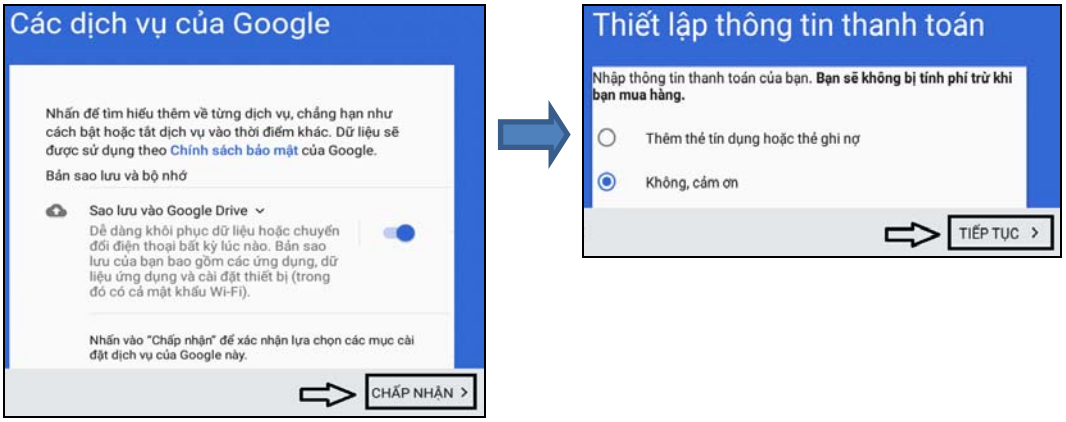

2. Đối với thiết bị di động sử dụng hệ điều hành IOS

ĐTV tìm và chọn biểu tượng trên màn hình thiết bị di động; chọn **"Tiếp tục"** và sau đó chọn biểu tượng như trong Hình 3 để tiến hành đăng nhập.

Hình 3

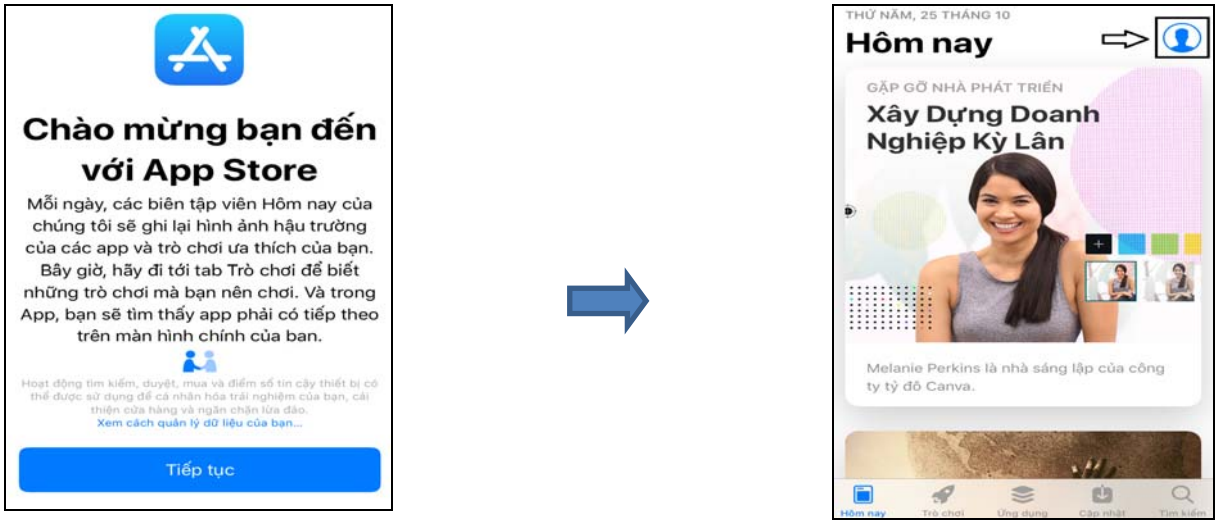

Giao diện mục đăng nhập sẽ hiện ra như Hình 4a, ĐTV nhập **tên tài khoản** và **mật khẩu icloud** của mình sau đó chọn **"Đăng nhập"**. Khi đó, màn hình thiết bị di động sẽ hiện ra giao diện đã được đăng nhập như Hình 4b, ĐTV chọn **"Xong"** để tiến hành tải và cài đặt chương trình.

Hình 4a

Hình 4b

II. TẢI VÀ CÀI ĐẶT CHƯƠNG TRÌNH

1. Đối với thiết bị di động sử dụng hệ điều hành Android

Sau khi đăng nhập thành công, ĐTV di chuyển đến ô tìm kiếm và tải chương trình như Hình 5a và gõ đầy đủ tên của chương trình **"Tổng điều tra dân số và nhà ở 2019"**.

Hình 5a

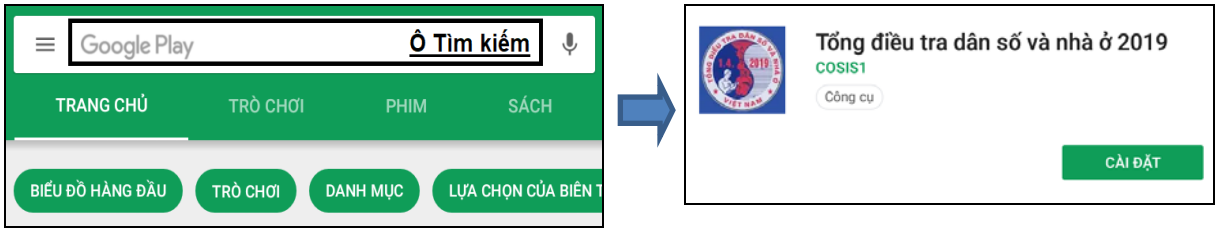

Ứng dụng **TDTDS2019** có biểu tượng , ĐTV tiến hành cài đặt như các bước trong Hình 6a, thiết bị di động sẽ tự động cài đặt ứng dụng **TDTDS2019** vào trong bộ nhớ của máy.

Hình 6a

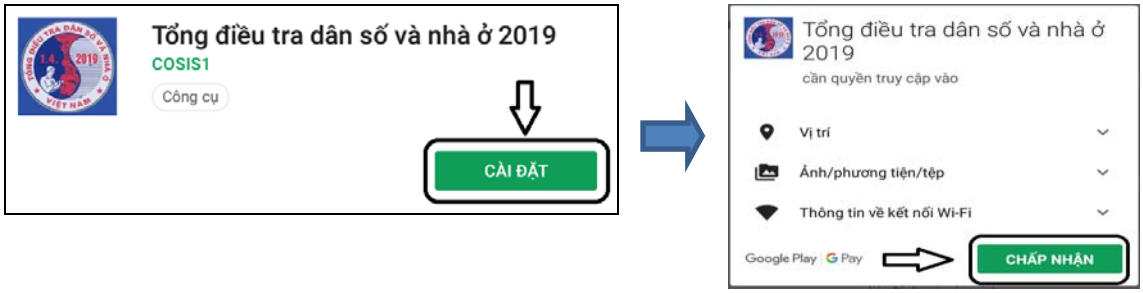

Lưu ý: Việc cài đặt ứng dụng TDTDS2019 hoàn toàn miễn phí trên CHPlay.

2. Đối với thiết bị di động sử dụng hệ điều hành IOS

Sau khi đăng nhập thành công, ĐTV di chuyển đến ô tìm kiếm và tải chương trình như Hình 5b và gõ tên của chương trình **"TDTDS2019"**.

Hình 5b

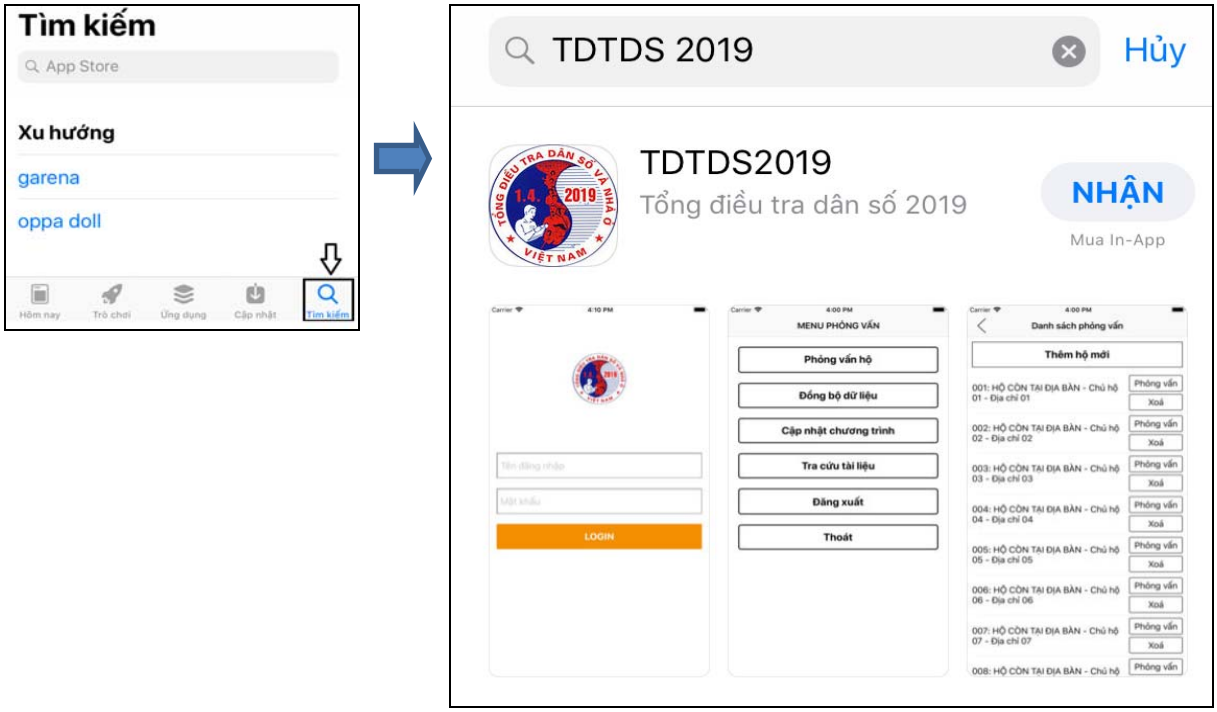

Ứng dụng **TDTDS2019** có biểu tượng , ĐTV tiến hành cài đặt như các bước trong Hình 6b, thiết bị di động sẽ tự động cài đặt ứng dụng **TDTDS2019** vào trong bộ nhớ của máy.

Hình 6b

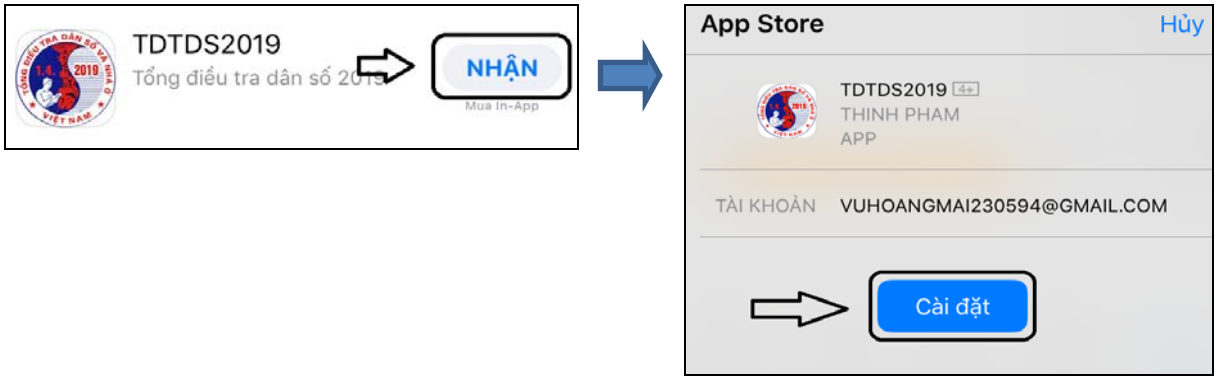

Lưu ý: Việc cài đặt ứng dụng TDTDS2019 hoàn toàn miễn phí trên AppStore.

PHẦN III:
HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

Để bắt đầu đăng nhập vào chương trình TĐT 2019, thiết bị di động bắt buộc phải kết nối Internet.

Giao diện chương trình TDTDS2019 trên các thiết bị sử dụng hệ điều hành Android hoặc IOS là hoàn toàn giống nhau. ĐTV tìm và chọn biểu tượng trong danh sách ứng dụng của thiết bị di động để đăng nhập chương trình, giao diện ứng dụng sẽ hiện ra như Hình 7. ĐTV nhập **"Tên đăng nhập"** và **"Mật khẩu"** vào ô tương ứng rồi chọn **"LOGIN"**. Giao diện chương trình sẽ hiện ra với các chức năng chính là **"Rà soát bảng kê"** và **"TDTDS_2019".**

Hình 7

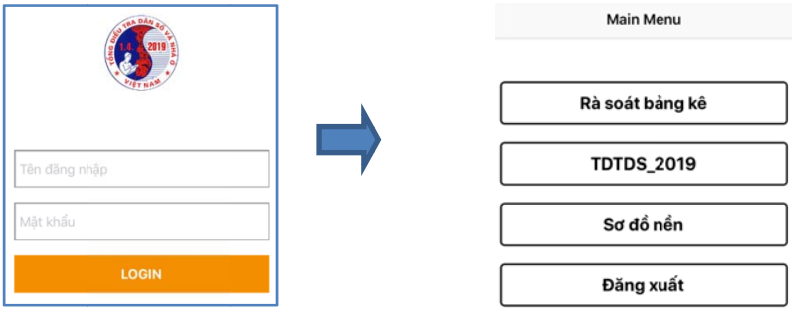

I. MỘT SỐ CHỨC NĂNG CƠ BẢN

1. Phím di chuyển

Phím di chuyển nằm ở giữa 2 góc bên trái và bên phải của màn hình như Hình 8, có chức năng di chuyển sang màn hình câu hỏi tiếp theo hoặc quay lại thao tác trước đó. Nút có ý nghĩa là **"Quay lại"** và nút có ý nghĩa là **"Tiếp tục"** hoặc **"Đồng ý"**.

Hình 8

2. Cây thư mục các câu hỏi

Chức năng "**Cây thư mục các câu hỏi**" có tác dụng giúp ĐTV dễ dàng xem lại các phần trước đó (Hình 9). Để hiển thị cây thư mục, ĐTV chọn biểu tượng ở phía trên bên trái màn hình.

Hình 9

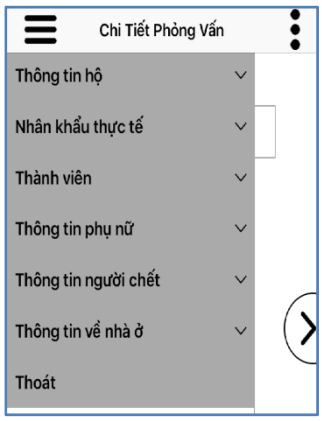

3. Tìm kiếm

Ô tìm kiếm được tích hợp trong cả mục **"Rà soát bảng kê"** và **"TDTDS_2019"** có chức năng tìm kiếm nhanh hộ điều tra trong danh sách như Hình 10.

Hình 10

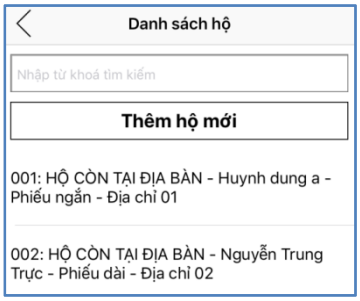

II. RÀ SOÁT BẢNG KÊ

Chọn **"Rà soát bảng kê"**, chương trình rà soát bảng kê hiển thị như Hình 11.

Hình 11

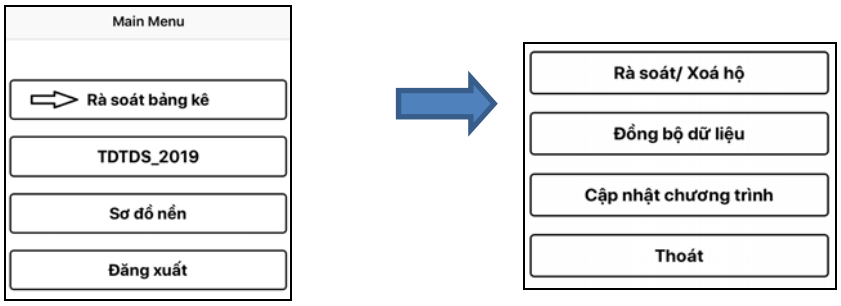

1. Rà soát danh sách bảng kê hộ

Chức năng này dùng để rà soát danh sách các hộ, xoá hoặc thêm mới hộ tại địa bàn mà ĐTV được phân công thực hiện.

ĐTV chọn địa bàn để tiến hành rà soát trong mục "**Danh sách địa bàn**". Sau đó, chương trình sẽ hiển thị danh sách các hộ cần rà soát như Hình 12.

Hình 12

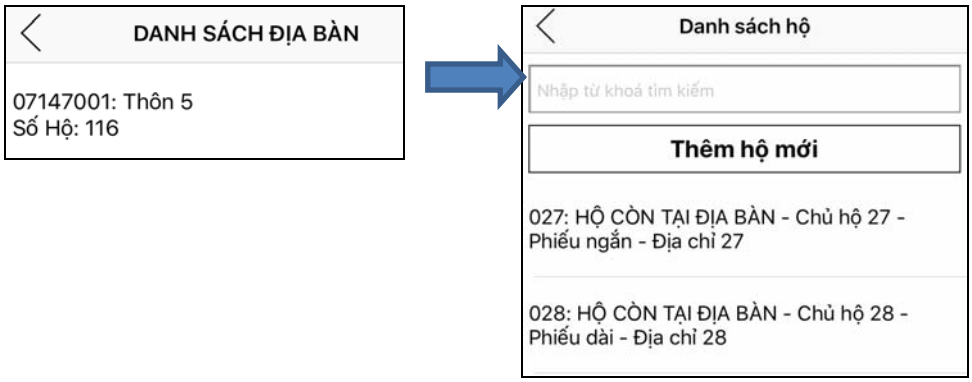

Trong quá trình kiểm tra, rà soát các hộ trên ĐBĐT sẽ có các trường hợp xảy ra như dưới đây:

Trường hợp 1: Hộ còn tại địa bàn.

Tất cả các hộ trong danh sách đều được mặc định ở trạng thái "**Hộ còn tại địa bàn**" như Hình 13.

Hình 13

Trường hợp 2: Hộ không còn tại địa bàn.

Trong trường hợp phát hiện hộ không còn tại địa bàn (hộ chuyển đi khỏi ĐBĐT, hộ không còn tồn tại do ĐBĐT giải tỏa,…), ĐTV chọn hộ đó, sau đó chuyển trạng thái hộ từ "**Hộ còn tại địa bàn**"thành "**Hộ không còn tại địa bàn**" như Hình 14. Sau khi thay đổi, trạng thái của hộ đó hiển thị trong danh sách cũng thay đổi theo.

Hình 14

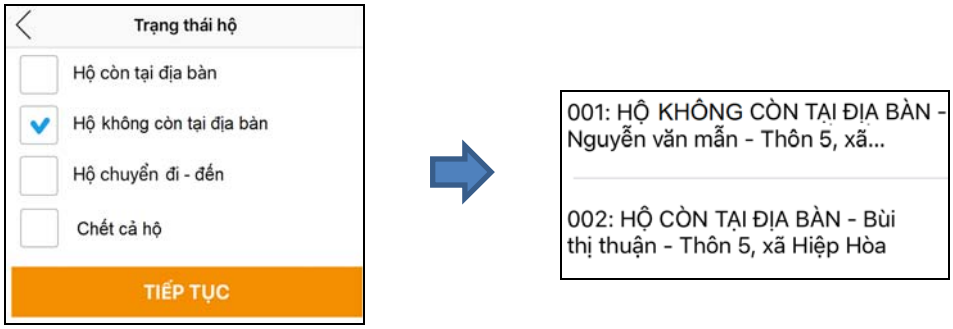

Trường hợp 3: Hộ chuyển đi - đến.

Trong trường hợp phát hiện hộ mới chuyển đến ĐBĐT thay thế vị trí của một hộ khác đã có trong danh sách, ĐTV chọn hộ cũ đó, sau đó chuyển trạng thái hộ từ "**Hộ còn tại địa bàn**" thành "**Hộ chuyển đi - đến**" như Hình 15a. Đồng thời, ĐTV phải thay đổi thông tin của hộ đó thành thông tin hộ mới. Sau khi thay đổi, trạng thái của hộ đó hiển thị trong danh sách cũng thay đổi theo.

Hình 15a

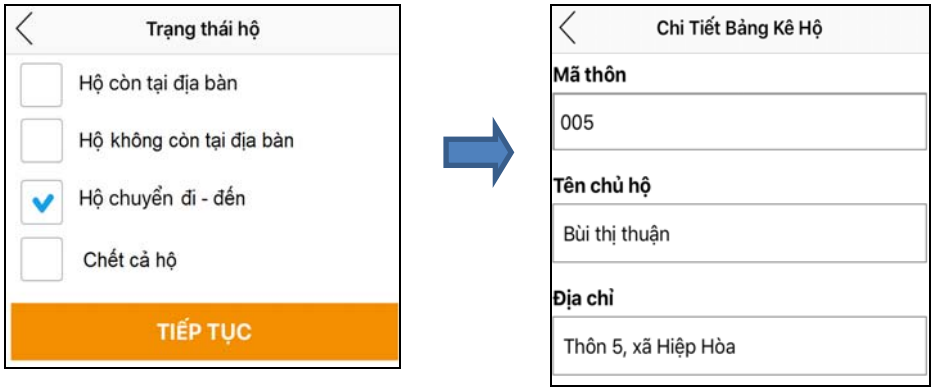

Trường hợp 4: Chết cả hộ

Trong trường hợp phát hiện hộ trong danh sách bảng kê đã chết cả hộ, ĐTV chọn hộ đó, sau đó chuyển trạng thái hộ từ "**Hộ còn tại địa bàn**"thành "**Chết cả hộ**" như Hình 15b. Sau khi thay đổi, trạng thái của hộ đó hiển thị trong danh sách cũng thay đổi theo.

Hình 15b

Trường hợp 5: Thêm hộ mới

Trong trường hợp phát hiện hộ chưa có trong danh sách, ĐTV chọn chức năng "**Thêm hộ mới**". Sau khi lần lượt nhập thông tin của hộ mới, ĐTV chọn "**THÊM MỚI**" để hoàn tất việc thêm hộ như Hình 16. Hộ mới sau khi được bổ sung sẽ xuất hiện ở phía cuối danh sách với trạng thái "**HỘ ĐƯỢC THÊM MỚI**".

Hình 16

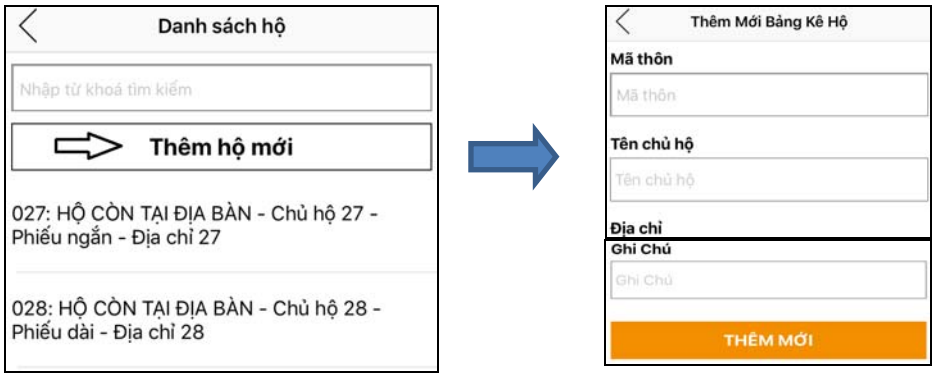

2. Đồng bộ dữ liệu bảng kê hộ

Sau khi đã kiểm tra, rà soát lại danh sách các hộ tại ĐBĐT, ĐTV chọn chức năng "**Đồng bộ dữ liệu**" sau đó chọn tiếp địa bàn cần đồng bộ để đẩy danh sách bảng kê của địa bàn đó lên máy chủ như Hình 17.

Hình 17

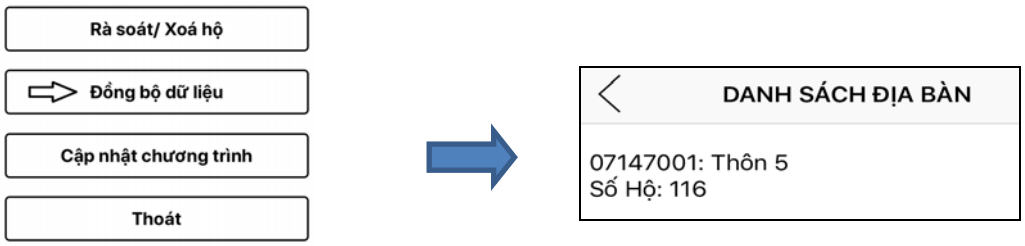

3. Cập nhật chương trình

ĐTV chọn chức năng **"Cập nhật chương trình"** để tải phiên bản mới nhất của chương trình về thiết bị di động như Hình 18.

Hình 18

III. CHƯƠNG TRÌNH PHỎNG VẤN

Tại màn hình đăng nhập như Hình 7, ĐTV chọn **"TDTDS_2019"**. Chương trình phỏng vấn hiển thị như Hình 19.

Hình 19

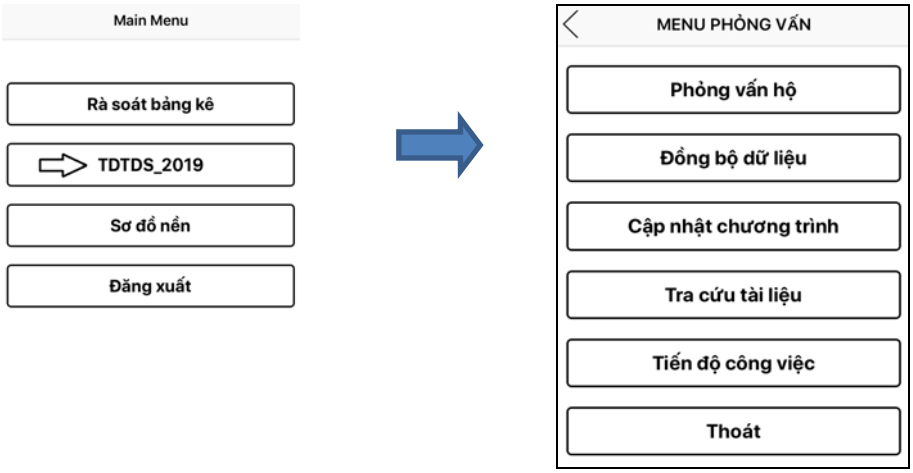

1. Phỏng vấn hộ

Chức năng "Phỏng vấn hộ" giúp ĐTV thu thập và ghi nhận thông tin trong quá trình phỏng vấn. ĐTV chọn lần lượt **"Phỏng vấn hộ"**, chọn địa bàn cần điều tra trong mục **"Danh sách địa bàn"** như Hình 20.

Hình 20

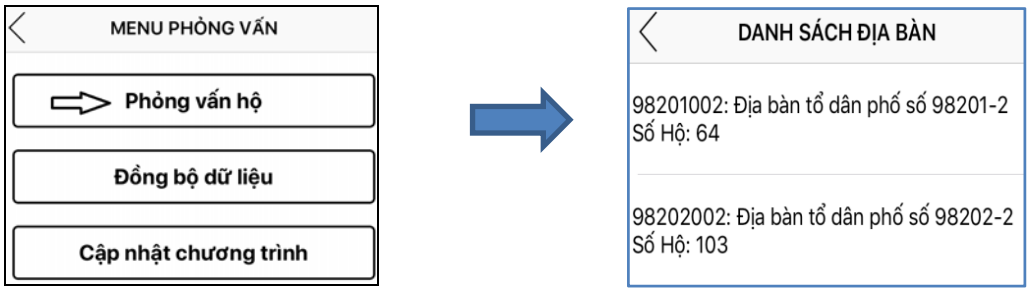

Sau đó chương trình sẽ hiển thị 02 mục chính gồm **"Danh sách hộ đã phỏng vấn"** và **"Danh sách hộ chưa phỏng vấn"** như Hình 21.

Hình 21

1.1. Danh sách hộ đã phỏng vấn

Mục **"Danh sách hộ đã phỏng vấn"** giúp ĐTV xem lại, sửa đổi thông tin các hộ mình đã phỏng vấn. ĐTV chọn mục **"Danh sách hộ đã phỏng vấn"** sau đó chọn hộ cần xem như Hình 22.

Hình 22

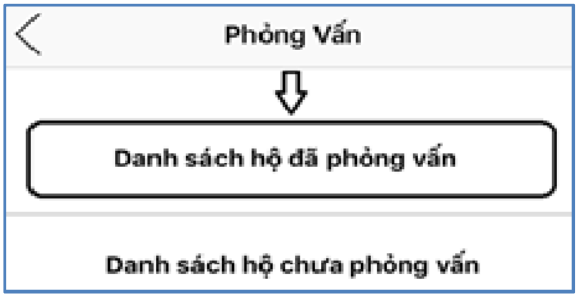

1.2. Danh sách hộ chưa phỏng vấn

1.2.1. Các bước phỏng vấn hộ

Mục **"Danh sách hộ chưa phỏng vấn"** giúp ĐTV nhập các thông tin trong quá trình phỏng vấn. ĐTV chọn mục **"Danh sách hộ chưa phỏng vấn"** sau đó chọn hộ cần điều tra trong **"Danh sách phỏng vấn"** như Hình 23.

Hình 23

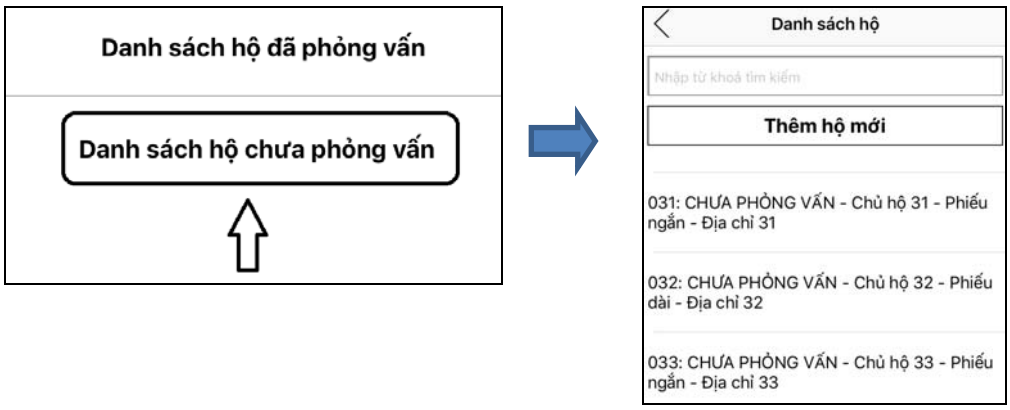

Để tiến hành nhập thông tin trong quá trình thu thập thông tin, ĐTV thực hiện các bước như sau:

Bước 1: Xác định trạng thái hộ

Sau khi chọn hộ để phỏng vấn, màn hình xác định trạng thái hộ sẽ hiện lên như Hình 24.

Hình 24

- **"Phỏng vấn"**: Khi gặp được hộ để thu thập thông tin, ĐTV bấm ô "**Phỏng vấn**" sau đó chọn **"TIẾP TỤC"** như Hình 25.

Hình 25

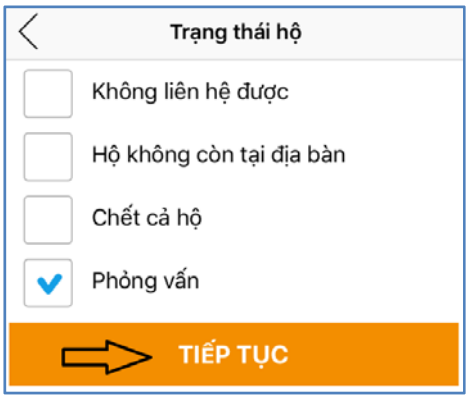

Với các trường hợp khác, ĐTV thao tác tương tự như trạng thái **"Phỏng vấn"**.

- "**Không liên hệ được**": ĐTV chọn trạng thái này trong trường hợp không gặp được hộ để phỏng vấn, lúc này hộ sẽ được bôi mờ và hiển thị "**HOÀN THÀNH MỘT PHẦN**" trong mục "**Danh sách hộ đã phỏng vấn**".

Lưu ý: Nếu muốn quay lại phỏng vấn hộ, ĐTV chọn lại hộ đó ở mục "**Danh sách hộ đã phỏng vấn**" và bấm ô "**Phỏng vấn**" như Hình 25.

-"**Hộ không còn tại địa bàn**": ĐTV chọn trạng thái này trong trường hợp hộ đã chuyển đi khỏi địa bàn hoặc hộ không còn tồn tại do ĐBĐT giải tỏa. Những hộ có trạng thái này sẽ được chuyển sang mục "**Danh sách hộ đã phỏng vấn**".

- "**Chết cả hộ**": ĐTV chọn trạng thái này trong trường hợp tính đến 0 giờ ngày 01/4/2019, hộ đã chết cả hộ. Đối với những hộ được chọn để điều tra mẫu, chương trình sẽ chuyển đến mục thông tin về người chết của hộ để ĐTV thực hiện thu thập thông tin. Những hộ còn lại (không được chọn mẫu) sẽ được chuyển sang mục **"Danh sách hộ đã phỏng vấn"**.

Lưu ý: Trường hợp chết cả hộ sau 0 giờ ngày 01/4/2019, ĐTV không được chọn mã **"Chết cả hộ"** mà phải thu thập đầy đủ thông tin phiếu điều tra như các hộ bình thường khác.

Bước 2: Lấy GPS

ĐVT chọn vào ô "**Lấy GPS**" như Hình 26. Sau khoảng thời gian ngắn, màn hình sẽ xuất hiện thông báo lấy GPS thành công. ĐTV chọn **"OK"** để đồng ý.

Hình 26

Lưu ý:

+ Việc lấy GPS nên được thực hiện trước khi hoặc sau khi phỏng vấn.

+ Để việc lấy GPS được chính xác, dễ dàng, ĐTV cần thực hiện các thao tác trên ở ngoài trời, nơi không bị vật gì che khuất (ví dụ: không có nhà cao tầng, không có cây to hoặc không có các thiết bị điện tử gây nhiễu sóng,…).

Bước 3: Thông tin thành viên hộ

Chương trình sẽ lần lượt hiển thị các câu hỏi của phiếu điều tra như ví dụ tại Hình 27. ĐTV tiến hành phỏng vấn và nhập thông tin lần lượt vào từng câu hỏi xuất hiện trên màn hình thiết bị di động.

Hình 27

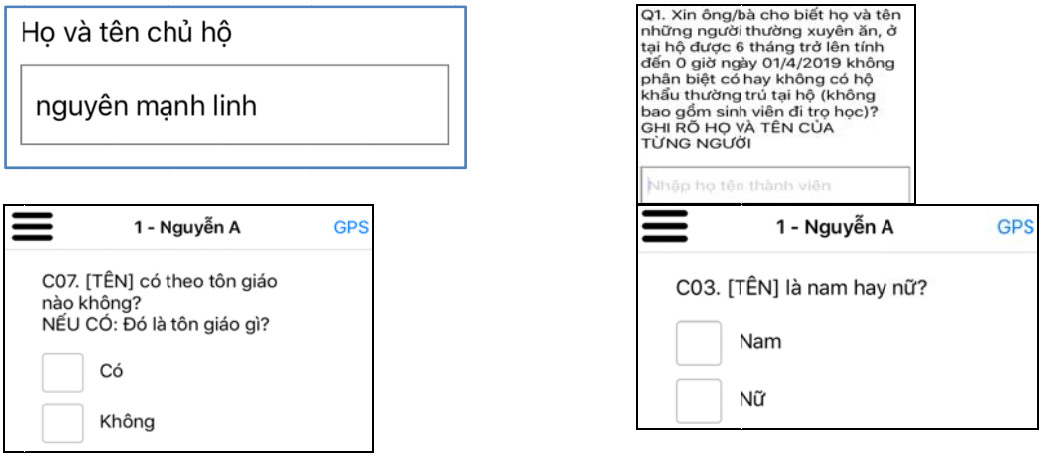

Bước 4: Hoàn thành phỏng vấn

Sau khi hoàn thành câu hỏi cuối cùng, ĐTV chọn ô **"Hoàn thành phỏng vấn"** ở phía dưới màn hình, chương trình sẽ hiện thông báo như Hình 28, chọn **"Tiếp tục"** để xác nhận hoàn thành hoặc **"Kiểm tra lại"** để quay lại phiếu hỏi.

Hình 28

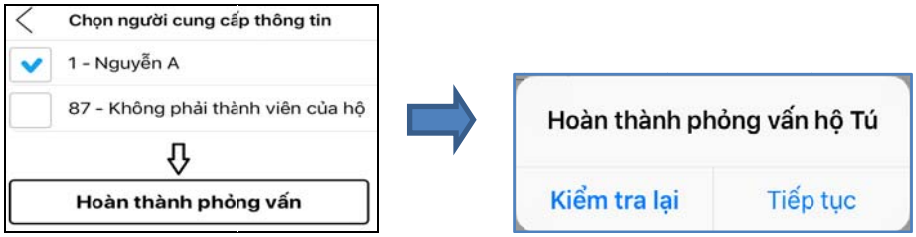

Một số lưu ý trong quá trình ghi thông tin

** Các loại câu trả lời sẽ xuất hiện khi thực hiện phỏng vấn*

- Câu trả lời mở: Là câu trả lời mà ĐTV phải gõ nội dung trả lời từ bàn phím như ví dụ tại Hình 29. Bàn phím có thể là chữ hoặc số tùy thuộc vào từng câu hỏi.

Hình 29

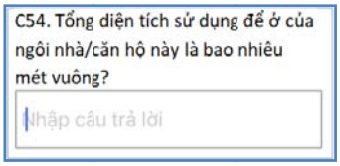

- Câu trả lời có một lựa chọn: ĐTV phải nhấn chọn một trong các mã trả lời như ví dụ tại Hình 30.

Hình 30

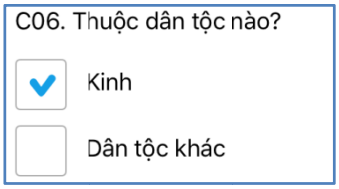

- Câu trả lời mã **"KHÁC":** ĐTV chọn mã "**KHÁC**" và phải nhập rõ nội dung chi tiết từ bàn phím như ví dụ tại Hình 31.

Hình 31

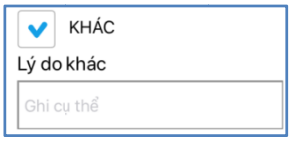

** Các cảnh báo và cách xử lý:* Trong quá trình điều tra, ĐTV có thể sẽ gặp các thông báo hoặc cảnh báo của chương trình. Các thông báo này xuất hiện khi chương trình phát hiện sự bất hợp lý giữa các câu trả lời hoặc nghi ngờ có sự nhầm lẫn khi ĐTV nhập thông tin. Có 02 loại thông báo thường gặp như sau:

(i) Thông báo phải sửa: "**Thông báo phải sửa**" xuất hiện khi chương trình phát hiện sự bất hợp lý giữa các câu trả lời mà ĐTV thực hiện. Khi gặp thông báo này, ĐTV phải tạm dừng phỏng vấn để sửa thông tin sai đã được thông báo thì chương trình mới cho phép tiếp tục công việc, ví dụ như Hình 32.

Một số ví dụ về các cảnh báo như: Con đẻ của chủ hộ lớn tuổi hơn chủ hộ; vợ chủ hộ có tình trạng hôn nhân là "chưa vợ/chồng",...

Hình 32

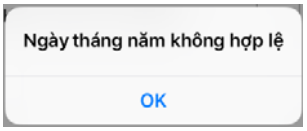

(ii) Cảnh báo xác minh thông tin: **"Cảnh báo xác minh thông tin"** xuất hiện khi chương trình nghi ngờ có sự nhầm lẫn trong quá trình ĐTV nhập thông tin câu trả lời vào chương trình hoặc giữa các câu trả lời của ĐTĐT có sự bất thường như ví dụ tại Hình 33. Để đảm bảo chắc chắn ĐTV không nhập nhầm dữ liệu, chương trình sẽ đưa ra cảnh báo yêu cầu ĐTV dừng lại kiểm tra xem câu trả lời (thông tin đã nhập vào chương trình) có chính xác hay không. Nếu sau khi kiểm tra, ĐTV phát hiện thấy các thông tin đã nhập đều đúng thực tế thì nhấn vào lựa chọn **"Đúng"** để tiếp tục phỏng vấn. Nếu không đúng, nhấn vào **"Sửa"** để chỉnh sửa lại thông tin chính xác.

Một số ví dụ về trường hợp cảnh báo xác minh thông tin như: Hộ không có phòng ngủ riêng biệt, người dưới 20 tuổi có trình độ học vấn cao nhất đạt được là **"Trên đại học"**,… Đây thường là những trường hợp có thể xảy ra trong thực tế nhưng rất cá biệt.

Hình 33

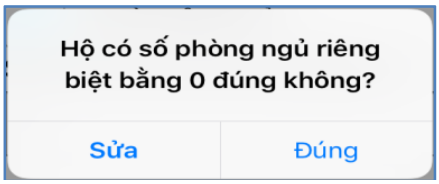

1.2.2. Thêm hộ mới trong bảng kê

Trong quá trình điều tra, nếu ĐTV phát hiện hộ tại địa bàn nhưng không có trong **"Danh sách hộ"**, ĐTV chọn chức năng **"Thêm hộ mới"** phía trên cùng màn hình hiển thị như Hình 34 để thêm các hộ này vào danh sách bảng kê.

Hình 34

Sau khi chọn **"Thêm hộ mới"**, ĐTV nhập thông tin lần lượt vào các ô trong chương trình: Mã hộ mới, hộ số, số thứ tự nhà, tên chủ hộ, địa chỉ, số nhân khẩu, số nữ, điện thoại liên lạc như Hình 35 và chọn ô "**THÊM MỚI**".

Hình 35

1.2.3. Xóa hộ trong bảng kê

Trong trường hợp ĐTV đến ĐBĐT nhưng hộ không còn ở tại địa bàn, ĐTV cần xác minh rõ với TT và BCĐ cấp xã. Nếu chắc chắn hộ không còn tại địa bàn, ĐTV xoá hộ bằng cách kéo phần thông tin hộ sang bên trái đến khi hiện ô **"Delete"**, sau đó chọn **"Delete"** như Hình 36. Chương trình sẽ hiện cảnh báo, ĐTV chọn **"Xóa"** để xóa hoặc chọn **"Sửa"** để hủy thao tác.

Hình 36

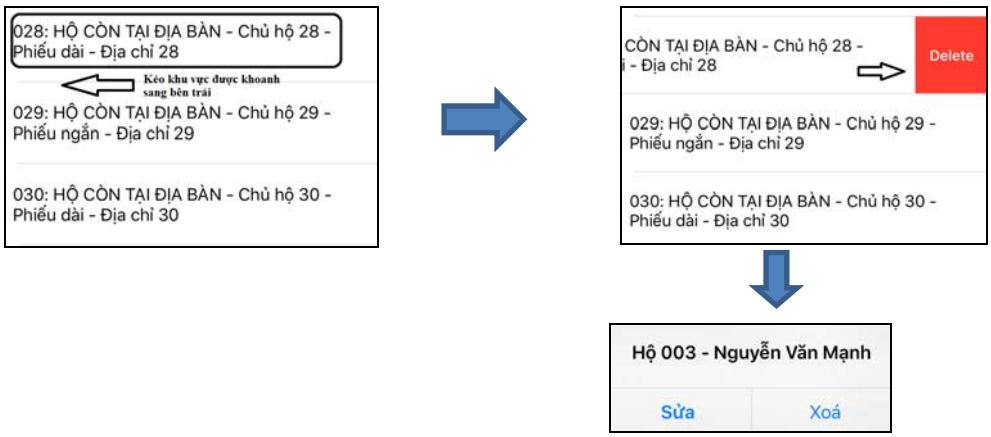

2. Đồng bộ dữ liệu

Chức năng đồng bộ dữ liệu giống trong mục "**Rà soát bảng kê**" như đã trình bày tại phần III, mục II.2.

Lưu ý: ĐTV cần thực hiện đồng bộ dữ liệu thường xuyên khi có thay đổi về dữ liệu trong quá trình điều tra để tránh việc mất dữ liệu.

3. Cập nhật chương trình

Chức năng cập nhật chương trình giống trong mục "**Cập nhật chương trình**" như đã trình bày tại phần III, mục II.3.

4. Tra cứu tài liệu

ĐTV chọn mục này để tìm kiếm các tài liệu về nghiệp vụ TĐT 2019, hướng dẫn sử dụng,…

5. Tiến độ công việc

Chức năng này giúp ĐTV theo dõi nhanh tiến độ hoàn thành công việc. Sau khi chọn mục "**Tiến độ công việc**", giao diện màn hình sẽ hiện ra như Hình 37.

Hình 37

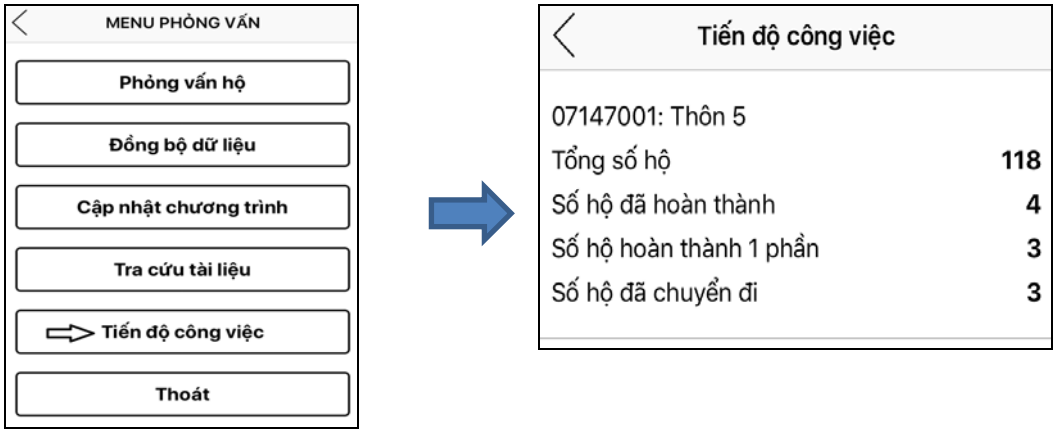

SỔ TAY
HƯỚNG DẪN NGHIỆP VỤ VÀ SỬ DỤNG CAPI
TỔNG ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở
THỜI ĐIỂM 0 GIỜ NGÀY 01/4/2019

(Phiếu điều tra toàn bộ)

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Giám đốc - Tổng Biên tập
ĐỖ VĂN CHIẾN

Biên tập, sửa bản in:
NGUYỄN THÚY QUỲNH

Trình bày bìa, ruột:
TRẦN KIÊN - DŨNG THẮNG

In 2.976 cuốn khổ 19 × 27 cm tại NXB Thống kê - Công ty Cổ phần In Khoa học Công nghệ Mới
Địa chỉ: 181 Lạc Long Quân, Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội.
Đăng ký xuất bản: 4467-2018/CXBIPH/07-40/TK do Cục Xuất bản, In và Phát hành cấp ngày 03/12/2018
QĐXB số 296/QĐ-NXBTK ngày 31/12/2018 của Giám đốc - Tổng Biên tập NXB Thống kê
In xong và nộp lưu chiểu Quý IV năm 2018.